VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

ngàn lau ngậm ngùi • hồ dắc ngọc

số 96 • tháng 4 năm 1994

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY:

VĂN HỌC	thư tòa soạn	2
TRẦN VĂN TÍCH	ký	3
TÔ THÙY YÊN	*đi về*	18
VÕ PHIẾN	*có khi...*	19
ĐẶNG PHÙNG QUÂN	trường hợp trần đức thảo	20
LÊ THỊ THẤM VÂN	*đợi chờ*	31
TRẦN HỒNG CHÂU	*biển yêu mê*	32
HOÀNG CHÍNH	tình ở đài bắc	34
YÊN TY	*câu hỏi*	63
ĐOÀN NHẬT	*không thấy mình đâu*	65
NGÔ NGUYÊN DŨNG	đàn lạnh	66
LÊ TÍN HƯƠNG	*trên dốc đồi*	75
TRẦN MỘNG TÚ	*mười bảy năm mười bảy đoạn thơ.*	76
TRẦN DOÃN NHO	lạnh lẽo ánh trăng	79
HOÀNG XUÂN SƠN	*hóa thân*	93
CAO XUÂN TỨ	*bạn*	94
PHAN NI TẤN (N.D.)	*qua cù lao ông chưởng*	95
NGỰ THUYẾT	dậy mà đi	96
HẰNG HÀ SA	*đàn tiên*	107
TRÚC CHI	*nhắn gió*	108
MAI KIM NGỌC	chị em	109
HUỲNH LIỄU NGẠN	*huế ơi*	123
VĂN HỌC	tòa soạn và bạn đọc	124

VĂN HỌC

thư tòa soạn

Cuối tháng Tư năm 1985, Văn Học Nghệ Thuật Bộ mới, tiền thân của tạp chí Văn Học, ra mắt bạn đọc ở hải ngoại. Từ đó đến nay đã đúng chín năm. Chín năm qua, cộng đồng người Việt hải ngoại có nhiều đổi thay; Văn Học là tạp chí văn chương phản ảnh tâm tình của người Việt xa quê hương tất nhiên cũng trải qua nhiều bước thăng trầm. Duy trì tạp chí này được chín năm, vượt qua được những khó khăn về tài chánh, biên tập, quản trị, không phải chỉ nhờ vào thiện chí của các nhà văn nhà thơ, mà còn nhờ vào các bạn đọc từng liên tục mua báo dài hạn, đóng góp ý kiến, đóng góp bài vở cho tạp chí. Với một số bạn đọc chọn lọc và hạn chế, Văn Học đã cố gắng giữ cho chất lượng bài vở không bị sút kém, thăng trầm thất thường. Hơn thế nữa, Văn Học đã trở thành nơi xuất phát thuận lợi cho những cây viết mới, nhờ thành công trong việc phát hiện và giới thiệu những tài năng văn chương quan trọng cho nền văn chương hải ngoại. Đó là niềm an ủi lớn lao cho những người chủ trương tạp chí Văn Học suốt chín năm qua.

Chỉ còn một năm nữa là đủ hai mươi năm lưu vong của người Việt tị nạn cộng sản trên khắp thế giới. Trong hai mươi năm, chúng ta đã cùng nhau xây dựng một nền văn chương đa dạng và phong phú. Kiểm kê, phân loại, định giá nền văn chương đó, là việc chúng ta phải làm; và phải chuẩn bị thực hiện các công trình nghiên cứu phê bình ngay từ bây giờ. Văn Học xin phát động công việc cần thiết đó từ số báo này. Tòa soạn sẽ liên lạc với các nhà phê bình, biên khảo văn học để đề nghị các chủ đề nghiên cứu, sau đó đăng tải các kết quả nghiên cứu trên Văn Học cho bạn đọc tiện việc theo dõi, góp ý. Sau một năm, đúng ngày 30.4.1995, hy vọng chúng ta hoàn tất được một bộ sách sơ thảo hai mươi năm văn học hải ngoại, làm tài liệu ban đầu cho các công trình nghiên cứu về sau.

Kính mong các văn hữu và bạn đọc hưởng ứng công việc hữu ích và cần thiết này.

Văn Học

TRẦN VĂN TÍCH

ký

Bên cạnh *thi, phú* là thể loại văn học chuyên về miêu tả và thường có tính cách trữ tình, *truyện, ký* là hai thể loại tự sự khá thông dụng trong khối thư tịch Hán Nôm. Thuở ban sơ, *truyện* là một hình thức bình giải, khai triển các tư liệu kinh điển, còn *ký* là một thể văn dùng ghi chép sự việc, chụp hình quá khứ. Đó là *sử ký*. Tuy nhiên, theo dòng thời gian, ở đây cũng như đối với tất cả các yếu tố văn hóa nói chung, đã có sự đổi thay nhất định về kết cấu ngữ nghĩa, về phạm vi sử dụng, về sắc thái biểu cảm của hai khái niệm *truyện* và *ký*. *Truyện* trong tập hợp từ ngữ *Cốc Lương Truyện, Tả Truyện* khác rất nhiều với *truyện* trong *Truyện Hoa Tiên, Truyện Phan Trần*. *Ký* trong *Chẩm Trung Ký*, trong *Tỳ Bà Ký* có nội dung hàm nghĩa hoàn toàn dị biệt với *ký* trong *Linh Tế Tháp Ký, Nhị Thanh Động Ký, Thượng Kinh Ký Sự*. Bài viết hôm nay hiểu chữ *ký* theo nghĩa các tác giả Việt Nam đã dùng.

*

Qua *Hoàng Việt văn tuyển*, Tốn Am Bùi Huy Bích đã gom góp các bài phú, ký, minh, văn tế, chiếu, chế, sách, biểu, khải, công văn v.v... thành một tuyển tập, sắp xếp theo loại văn chứ không theo tác giả. Riêng về bộ phận *ký*, ông lựa chọn đưa được vào hợp tập mười lăm bài, do hai tác giả đời Trần (Trương Hán Siêu và Nguyễn Phi Khanh) và mười một tác giả đời Lê chấp bút:

Dục Thúy sơn Linh tế tháp ký	Trương Hán Siêu
Khải Nghiêm tự bi ký	Trương Hán Siêu
Thanh Hư động ký	Nguyễn Phi Khanh
Quảng Văn đình ký	Bùi Xương Trạch
Đạo Bảo tiến sĩ đề danh bi ký	Thân Nhân Trung
Quang Thuận tiến sĩ đề danh bi ký	Đào Cử
Hồng Đức tiến sĩ đề danh bi ký	Nguyễn Trọng Ý
Cảnh Hưng tiến sĩ đề danh bi ký	Lê Qúy Đôn
Chu Văn Trinh miếu bi ký	Nguyễn Công Thái

Gia Định tứ chỉ bi ký	Phạm Khiêm Ích
Tượng đầu đoán tụng ký	Phạm Đình Trọng
Văn Điển tứ chỉ bi ký	Bùi Huy Bích (1)
Nhạo Nhạo đình ký	Phạm Nguyễn Du (1)
Hải Dương phong tục ký	Phạm Quý Thích (1)
Tây hồ tự bi ký	Phạm Quý Thích

Tất cả các bài *ký* vừa kể đều viết bằng văn xuôi và nội dung của chúng là tường thuật những sự việc, mô tả những con người có thực trong cuộc sống. Đặc trưng cơ bản của chúng là tính chính xác tối đa và đặc tính này, trong thực tế, là sức nam châm thu hút sự chú ý của người đọc, là nét quyến rũ hấp dẫn giới thưởng ngoạn. So với *thơ* với *truyện*, *ký* nổi bật lên ở nội dung lịch sử mà nó chứa tải, trong khi *thơ*, *truyện* khai thác hoặc khả năng ngụ tình hoặc khả năng hư cấu của ngòi bút lông. Tất nhiên chẳng thể giản đơn tách bạch rạch ròi giữa các khái niệm vừa kể và thực ra *ký* nhiều khi mang nặng yếu tố trữ tình như *bút ký*, *tùy bút* hoặc thấm đượm màu sắc sáng tạo rất gần gụi với *truyện*, đến độ được gọi là *truyện ký*. Dẫu sao thông thường các yếu tố tự sự, trữ tình, chính luận hòa trộn vào nhau, quấn quít lẫn nhau trong *ký*, cho nên *ký* phản ảnh linh hoạt các sắc thái muôn màu của cuộc sống. Thế mạnh của *ký* còn gia tăng qua thể loại tản văn, nó cho phép ngòi bút phóng túng hơn, linh hoạt hơn vì không bị vần, nhịp, âm thanh, tiết diệu, bố cục, cấu trúc, khuôn khổ, độ dài ngắn của vận văn câu thúc, bó buộc. *Ký* cung cấp cho người sử dụng một môi trường thuận lợi để ngòi bút múa may, để ý tứ tuôn trào, để cảm xúc giãng trải; dẫu rằng trong *ký*, hư cấu tưởng tượng chỉ giữ vai trò có phần thứ yếu. Nhưng chức năng chủ quan của ký gả vẫn rất quan trọng và tài nghệ, bản lĩnh người viết *ký* thể hiện ở điểm biết lựa chọn đúng đối tượng để viết, biết tìm hiểu kỹ đối tượng và làm nổi bật lên, qua sự mô tả đối tượng, tính văn học của *ký*, tài văn chương của người. Vì *ký* có nhiều hình thức nên sự tuyển trạch thể *ký* cũng có trọng lượng sáng tạo: *bi ký* khác với *du ký*, *tụng ký* không giống *hồi ký*.

Con người ở vào những giai đoạn lịch sử nhiều biến động, khi bánh xe thời cuộc quay với tốc độ cao, tự dưng có nhu cầu ý thức kịp thời cuộc sống, có ham muốn nắm bắt những thông tin thế sự, có khát vọng ghi lại mạch đập dồn dập của chính trường, có cả niềm ưu tư muốn theo dõi hơi thở nặng nhọc của hiện thực. *Ký* đáp ứng nhu cầu đó, ví dụ *Thượng Kinh ký sự*. Nhưng từ chiều sâu tâm cảm, nhưng dưới góc

độ riêng tây, con người cũng lắm khi, nhiều lúc bị thôi thúc phải kể lể, thủ thỉ với tha nhân về một hành động, một tình huống: đó là trường hợp *Thanh Hư động ký, Nhị Thanh động ký.*

Ký chịu sự thiệt thòi ở chỗ không thuộc hệ thống văn chương bác cổ, không phải là một thể loại văn học dùng để kén chọn nhân tài. Phép thi ngày xưa kỳ đầu thi kinh nghĩa, kỳ hai thi chiếu và biểu, kỳ ba thi thơ và phú, kỳ bốn thi văn sách, hợp cách cả bốn kỳ thì trúng tuyển. Suốt quá trình thí vụ, cử tử không phải làm bài theo thể *ký*, cho nên nói chung, không có nhiều người tinh luyện và vận dụng văn loại này.

*

Phạm Đình Trọng khi trấn thủ xứ Nghệ An kiêm chức đốc suất châu Bố Chính (Quảng Bình, Quảng Trị ngày nay) đã kể lại một câu chuyện tranh tụng ruộng đất giữa những người dân sở tại trong bài *Tượng đầu đoán tụng ký.*

Năm Tân Mùi 1751 nhân đi kinh lý, ông thấy một *"lão trượng niên cửu thập dư, khẩu trước thảo, thủ kình đơn, tư lâu đình đổ chi hạ"* (ông già ngoài chín mươi tuổi, miệng ngậm cỏ, tay cầm đơn, đứng lom khom dưới chân tường). Nếu thuở *giáo khoa thư*, những cô cậu học trò tiểu học Pháp-Việt nhìn bức hình Phạm Đình Trọng và Nguyễn Hữu Cầu trong sách mà ước mơ một ngày mình lớn lên, theo gương ông, dựng nước giúp nhà thì hôm nay, những thế hệ đó, đọc văn ký sự của ông, lại cảm cái nghĩa nặng từ chương ông dành cho qua bài *ký*, nó như một thiên hồi ức linh động, một bản phóng sự tinh tế. Chỉ một câu văn vừa trích dẫn, đã có biết bao cứ liệu dân tộc học, phong tục học.

* Người dân thuở bấy giờ có thể kêu oan ở bất cứ đâu, không bắt buộc chỉ ở cửa quan mà trong trường hợp này là quân dinh Ninh trấn. Ông lão già lụ khụ, di chuyển chắc là khó khăn, không đủ phương tiện đến tận dinh Hải quận công. Ông chờ đón vị đại thần dưới chân một bức tường vì chắc ông đã được thông báo là quan lớn sẽ đi qua đấy. Quan tự xem có bổn phận phải tiếp thu lời khiếu nại của dân, cho dù địa điểm khiếu nại nằm lộ thiên. Tại sao lại là chân một bức tường? Để tránh gió máy có thể nguy hại cho cơ thể cao niên? Để có chỗ tựa người trong khi chờ quan đến? Chúng ta ngày nay có thể tự mình suy diễn thêm.

* Ông lão không đứng thẳng được, ông đứng lom khom. Hẳn nhiên đó là do gánh nặng tháng năm chất dầy trên đôi vai chắc hẳn là còm

cõi. Nhưng cũng còn do quá khứ làm lụng nhọc nhằn, do những vụ mùa còng lưng nhổ mạ, cấy lúa, chúng khiến cột sống biến dạng, đổi hình, cứng đơ, ngạnh khớp trong các tư thế bệnh lý gù vẹo. Mà cũng có thể do thái độ trân trọng của kẻ lê thứ đối với viên quan khâm mạng nữa, viên quan khâm mạng mà mình tin tưởng là xứng đáng với chức năng trí quân trạch dân của kẻ sĩ đại phu.

* Đơn đã viết sẵn, có thể do tự mình, có thể là nhờ một ông đồ trong xóm. Đơn đó chắc chắn sẽ được người đại diện chính quyền cứu xét, ông cụ hẳn có niềm xác tín như vậy.

* Miệng ngậm cỏ: hành vi có vẻ dị thường này dường như là một dạng thể chuyển biến thành ngữ *cắn cỏ* trong văn học dân gian, trong khẩu ngữ thường dùng thành động tác có mục đích khuấy động lòng người bàng quan, cho người hữu trách thấy tình cảnh oan ức của mình, thấy tính cách áp bức của đối phương, như ca dao diễn tả:

Vợ lớn đánh vợ nhỏ,
Chạy ra cửa ngõ cắn cỏ kêu trời.

Bài *ký* viết năm Cảnh Hưng thứ mười ba, Nhâm Thân 1752, ngày tháng Ba, mùa Xuân; sự việc xảy ra từ năm Tân Mùi 1751. Tường thuật một câu chuyện thuộc dĩ vãng qua sự nhớ lại, Phạm Đình Trọng rất tôn trọng tính chân thực của câu chuyện; sự việc, thời gian, địa điểm đều hết mực chính xác. Thể *ký*, trong trường hợp này, ghi chép một câu chuyện mà tác giả vừa chứng kiến vừa tham dự (Phạm Đình Trọng sẽ xử vụ kêu oan của ông cụ một cách rất sáng suốt và thông minh); đồng thời, tác giả cũng giữ vai trò của nhân vật trung tâm. Ngòi bút hồi ức lấy bản thân người sáng tác làm địa bàn chính tái hiện quá khứ. Cho nên toát lên từ toàn bài *ký* là một lối hành văn vừa chuẩn xác trung thực vừa giàu suy nghĩ và cảm tưởng cá nhân.

*

Đi tìm sự diễn đạt quan niệm về lẽ xuất xử nhằm ca ngợi nhạc phụ là Trần Nguyên Đán thông qua *Thanh Hư động ký*, Nguyễn Phi Khanh mở lối cho nhiều ngòi bút đời sau vận dụng biện pháp tu từ phúng dụ trong thể *ký*.

Và thân phụ Nguyễn Trãi cũng mở đầu bài viết bằng cách đi ngay đến đích, qua định lý:

"Hiền đạt giả chi xuất xử, kỳ động dã dĩ thiên, kỳ lạc dã dĩ thiên" (trong việc xuất xử của kẻ hiền đạt thì xuất là để hành động theo lẽ trời, xử là để tìm thú yên vui cũng theo lẽ trời).

Kế đến, tác giả tường thuật hành trạng của Băng Hồ tướng công, từ công lao dẹp loạn Dương Nhật Lễ đến những tháng năm cầm quyền bính nơi triều đình, giữ vai trò rường cột quốc gia. Rồi khi công thành thì thân thoái, Trần Nguyên Đán xin về trí sĩ ở Côn Sơn, huy động nhân lực biến một vùng đất hoang sau một tháng xây cất thành một khu động rộng rãi, quy tụ nhiều cảnh đẹp và lạ, mỗi nơi nghỉ ngơi chơi ngắm được đặt tên riêng, nhưng toàn khu thì gọi chung là Thanh Hư động.

Công việc kiến thiết hoàn tất, vua Trần Duệ Tông tự tay làm bài bia khắc vào trước cửa động, vua Trần Nghệ Tông tự tay làm bài minh khắc lên lèn đá, với nội dung biểu dương vĩ nghiệp vị trọng thần đồng thời khuyến khích động viên bậc cao sĩ. Rồi bài ký quay trở lại với chủ ý ban đầu:

"Kim ngã tướng công kỳ thủy dã, thiên ký dĩ công danh chi hội phó chi; kỳ chung dã, hựu dĩ tuyền thạch chi thú ủy chi, vô thành công bất thoái chi hiềm, vô thoái hưu nan tất chi thán. Thị kỳ xuất dữ xử, động dữ lạc, giai dĩ thiên dã..." (Nay tướng công ta, lúc đầu trời đã giúp cho hội công danh, về sau lại dành cho niềm vui sơn thủy, khỏi mang tiếng thành công mà không biết đường lui, khỏi ngỏ lời than thở vì lui về không được. Ấy là khi xuất với xử, khi động với lạc đều là theo lẽ trời).

Bài ký viết tháng Chạp năm Giáp Tý 1384, niên hiệu Xương Phù thứ tám.

Nguyễn Phi Khanh vốn không những chỉ là giai tế của Trần Nguyên Đán mà còn là người chịu ơn bố vợ. Câu chuyện tình ái vụng trộm giữa chàng hàn sĩ họ Nguyễn và cô thiếu nữ lá ngọc cành vàng Trần Thị Thái với kết quả là cô có mang, may được Trần Nguyên Đán rộng lượng tha thứ, bỏ qua chuyện tiền dâm hậu thú để tác thành cho đôi lứa, câu chuyện đó chắc chắn phải lưu lại dấu ấn nghĩa tình sâu nặng nơi thân phụ Nguyễn Trãi. Cho nên bài *ký* đã không được tác giả viết như một phóng viên mà đã được cưu mang với cả một tấm lòng chân thật và một bút pháp thấm thiết.

Lấy công tâm mà xét, thái độ Trần Nguyên Đán lúc xin từ quan không phải đẹp đẽ như bài *ký* mô tả. Thấy Hồ Quý Ly đang thắng thế, thấy các vua Trần càng ngày càng lép vế, Băng Hồ tướng công đã khôn ngoan mưu lược kết thông gia với họ Hồ nên tránh được nạn thanh toán trên chính trường; *"về sau, Quý Ly cướp ngôi, giết hại gần*

hết tôn thất nhà Trần, chỉ riêng con cháu Nguyên Đán là được toàn hoạt" (Cương Mục, Chính biên, q.10).

Nhưng âu đây cũng là một đặc tính khác của *ký*: ngòi bút viết *ký* tài hoa chẳng thể để cho không gian nghệ thuật thu hẹp nơi một vùng đất mới khai phá giam hãm, mà phải bay bổng theo sự quý trọng con người và sự thủy chung với ân nhân. Để làm được như thế, thật khó lòng đòi hỏi người viết *ký* đi vào phanh phui những mặt trái của cuộc sống. Viết *ký* không phải để phán xét, viết *ký* là ghi chép chân thực, tỉnh táo. Nhưng viết *ký* cũng là bay bổng kỳ diệu vào trời thơ, văn *ký* cũng là văn chan chứa chất thơ. Mô tả tiến trình xây cất động Thanh Hư, bài *ký* có dáng dấp văn báo chí thông tin tự sự ngắn gọn, dàn trải phần thuyết giảng về lẽ xuất, xử, động, lạc ở đời, bài *ký* đậm sắc thái sang tác nghệ thuật hàm súc. Văn phong nói chung linh hoạt, phóng khoáng mà chặt chẽ, vững vàng; hình thức giản dị nhẹ nhàng mà nội dung lại lớn lao sâu sắc.

*

Năm Nhâm Dần 1542, Nguyễn Bỉnh Khiêm từ quan về quê nghỉ. Ông hô hào các bô lão quyên tiền cất một ngôi quán làm nơi nghỉ chân cho người đi đường. Khi việc xây dựng hoàn tất, Trạng Trình viết tấm biển đặt tên quán là *Trung Tân* và ghi bài *ký* nhằm giải thích tại sao lại đặt tên như vậy:

Quán danh Trung Tân, nghĩa sở thủ tí,
Trung tức kỳ thiện, tân tức kỳ quy.
(Quán mang tên Trung Tân, ý nghĩa là ở chỗ nào?
Trung là chính giữa của tính thiện, tân là bến bãi để về theo)

và:

"Trung giả trung dã, toàn kỳ thiện vi trung, bất toàn kỳ thiện tắc phi trung dã. Tri sở chỉ tắc vi yến tân, bất tri sở chỉ tắc mê tân dã..."
(Trung nghĩa là ở chính giữa, giữ trọn được tính thiện là trung, không giữ trọn được tính thiện thì không phải là trung vậy. Tân có nghĩa là bến, biết chỗ đáng đậu là đúng bến, không biết chỗ đáng đậu là lầm bến vậy...).

Giải thích chữ *thiện* và chữ *trung* như thế, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã dựa vào sách *Trung Dung* và sách *Đại Học*. Theo *Trung Dung: "Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã"* nghĩa là "Chữ trung ấy là gốc lớn của thiên hạ vậy", còn *Đại Học* lại cho rằng: *"Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện"* nghĩa là "Cái học của bậc

đại học là ở chỗ làm tỏ cái đức sáng, ở chỗ làm mới được dân, ở chỗ dừng lại mức chí thiện".

Tuy nhiên Nguyễn Bỉnh Khiêm đã đưa những quan niệm về trung dung, về chí thiện của kinh điển Nho giáo áp dụng trực tiếp và cụ thể vào hoàn cảnh xã hội ông đang sống. Thời đại bấy giờ đảo điên điên đảo, con người nhắm mắt đổ xô tìm kiếm lợi nhuận, mê muội quay cuồng chạy theo đồng tiền. Cái thói tham kiêu, vô sỉ, bất nhân của tầng lớp giàu có quyền hành trong chế độ dương thời bị vạch rõ mồm một: ở triều đình thì tranh danh, nơi chợ búa thì tranh lợi; nào dài mát quán ấm để khoe sang, nào nhà múa lầu ca để khoe giàu. Vậy mà thấy kẻ chết đói bên đường tiếc một đồng không cho, thấy người gối đất nằm sương không thí cho một tấm chõng, mái lá.

Bọn phú hộ chẳng qua chỉ đạo đức giả, nhân nghĩa vờ. Chúng chỉ cốt khoe khoang tiền của, gia sản. Nguyễn Bỉnh Khiêm không nói nhưng chúng ta theo văn cảnh cũng có thể thấy được là chúng khoác lác, huênh hoang về nghĩa đồng bào, về lòng nhân đạo của chúng, nhưng khi động đến hầu bao thì chúng rụt tay lại như đỉa phải vôi.

Mặt khác, Tuyết Giang Phu Tử cũng muốn chỉ cho những con người đang bị lôi cuốn theo các phe phái tranh chấp hỗn loạn một điểm đứng, một chỗ ngừng, để mà bình tâm, tỉnh táo dừng chân. Điểm đứng đó, theo tinh thần bài *ký*, là bến trung tân, là đạo trung dung, là chỗ giữa, không thiên lệch bên nào; dừng lại ở điểm này tức là dừng lại ở chỗ chí thiện. Nguyễn Bỉnh Khiêm viết về ngôi quán nhưng chính là nói về đạo lý, Nguyễn Bỉnh Khiêm nói về đạo lý nhưng chính là phản đối những phe phái, những tập đoàn đang tranh bá đồ vương, đồng thời lên án, mạt sát những kẻ hãnh tiến, trục phú.

Ngôi quán Trung Tân có thể là địa điểm cho những người cuồng tín, ích kỷ dừng chân nghỉ ngơi để nghe thuyết giáo về đạo trung dung, về đích chí thiện. Và bài *ký* dẫu viết về tên ngôi quán nhưng thực chất là để ngụ ý gửi tình, trình bày quan điểm; còn ngôi quán chẳng qua chỉ là cái cớ, cái vỏ ngoài để xây dựng cốt lõi nội dung. Theo gót Nguyễn Phi Khanh, sự ngụ ý trong bài *ký* của Trạng Trình, tải nặng tính chất giáo huấn về mặt đạo lý thông qua việc phê phán nghiêm khắc, mạnh mẽ những cái ngược lại. Dẫu viết về cái tên đặt cho một ngôi quán, bài *ký* thực chất là một bài ngụ ngôn.

*

Hai bài *ký* của Trương Hán Siêu về chùa Khai Nghiêm và tháp

Linh Tế khá nặng tính chất ghi chép. Vị trí thức nho sĩ triều Trần viết giúp nhà chùa hai bài này nhân dịp các chùa tháp Khai Nghiêm và Linh Tế được trùng tu. Bối cảnh ra đời của hai bài *ký* khá oái oăm. Như Đàm Dĩ Mông, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu là người tôn Nho bài Phật, thế mà ông lại được chư tăng ủy thác cho việc soạn *ký* về những công trình kiến trúc Thích giáo. Cho nên dẫu tính ghi chép có đậm sắc thì tính chiủh luận lại vượt hẳn lên và người đọc nhận ra quan điểm của tác giả về đạo Phật có lẽ rõ ràng và dễ dàng hơn là hình dung ra cảnh ngôi chùa ngọn tháp.

Khi viết về ngôi chùa, tác giả tỏ hẳn thái độ coi thường tăng lữ, đồng thời biểu lộ nỗi niềm lo lắng về lý tưởng tu, tề, trị, bình qua lập luận rằng nhiều người bỏ đi tu thì gây khó khăn cho sản xuất, có phương hại đến kỷ cương.

Bải *ký* về bảo tháp còn mạt sát giới nâu sòng nặng nề hơn: *"Thích ca (...) dĩ tam không chứng đạo, diệt hậu mạt thời, thiểu phụng Phật giáo, cổ hoặc chúng sinh, thiên hạ ngũ phần, tăng sái cư kỳ nhất, phế diệt di luân, hư phí tài bảo, ngư ngư nhi du, xuy xuy nhi tòng, kỳ bất vi yêu mị gian quỷ giả cơ hi! Bỉ kỳ sở vị ô ô khả!"* (Thích Ca lấy tâm không để chứng đạo. Khi Phật tịch rồi, đời sau ít người tôn thờ giáo lý nhà Phật mà chỉ mê hoặc chúng sinh. Đất thiên hạ năm phần, chùa chiền chiếm một, làm cho hư nát đạo thường, hao phí tiền của; sư sãi thì đông dài mà kẻ khờ khạo lại tin theo. Như thế mà không trở thành quỷ quái gian tà, thật cũng hiếm có! Những việc làm ấy không thể được, không thể được!).

Thực ra tác giả có thanh minh rằng tuy mình viết bài văn khắc vào bia của nhà chùa nhưng không phải nhằm mục đích đề cao Phật giáo. Hơn nữa, ông nêu rõ nhiệm vụ của kẻ sĩ đại phu là phải làm sáng tỏ đạo Thánh, đạo Nghiêu Thuấn, chứ chẳng nên đem những thuyết giáo xa lạ - ông dùng chữ *dị đoan* của sách *Luận Ngữ*, thiên *Vi Chính* - mà lừa dối người đời. Tuy nhiên, cả hai bài *ký* không chủ trương đi sâu phân tích một cách có hệ thống triết học Phật giáo, mà chỉ phê phán một số mặt tiêu cực cụ thể khi áp dụng giáo lý đức Như Lai, hay nói cho đúng hơn, phê phán nhà chùa, phê phán tăng chúng lúc đương thời thiếu gắn bó với đời sống xã hội, trước hết là với việc xây dựng chế độ phong kiến. Và xét cho cùng thì Trương Hán Siêu chưa bao giờ hoàn toàn phủ định triết học Phật giáo. Cho nên không có gì là lạ khi cuối đời ông chẳng những ở ẩn mà còn ở chùa.

Toát lên từ hai bài *ký* là một lối hành văn hồi ức sinh động. Xoay quanh những kỷ niệm về ngôi chùa ở quê hương, hoặc xoay quanh một số suy nghĩ riêng tây về thế sự, về tôn giáo, tác giả hé mở trước người đọc cái tôi suy tưởng và trữ tình của bản thâu. Tuy phê phán tăng ni nhưng người viết lại tán thành xây dựng chùa tháp, mở mang cảnh trí thiên nhiên, thiết lập kiến trúc nhân tạo; đồng thời, tâm hồn triết nhân cũng bày tỏ nỗi lòng cảm thán trước những cảnh tượng hưng vong, biến diệt diễn ra như chớp mắt. Bàng bạc trong hai bài *ký* là một sắc thái trữ tình hoài cổ, cho dẫu không mấy vặng nề, với một nghệ thuật ngôn ngữ uyển chuyển mềm mại, với một lối dùng hình dung từ rất đắc thể và đắc địa. Cho nên lời văn lắm chỗ chẳng những sinh động mà còn xúc động.

Nhưng một khía cạnh đáng nói khác là sắc thái nghị luận chính trị của hai bài *ký*. Nhiều ngữ đoạn mang tính luận thuyết: Trương Hán Siêu trình bày ý kiến, biện biệt lý lẽ, gấng công thuyết phục. Nhất là trong bài *ký* tháp Linh Tế, yêu cầu về sự đanh thép, chặt chẽ trong lập luận đã được người viết thể hiện đến độ có thể xem như mẫu mực. Nhưng bên cạnh sự xác đáng, đúng đắn của lý luận, tác giả còn dụng công lập ý, dùng từ, làm tôn lên cái không khí trang nghiêm của toàn bài. Có những lời gay gắt, phẫn nộ, nhưng cũng có những ý chân thành, nồng nàn. Tuy chiều dài không phải là lớn nhưng tác phẩm đã kết tinh được trong nó một chân lý sâu sắc. Cũng chẳng có nhiều tác phẩm thể *ký* so sánh được với nó về tầm độ triết học cũng như về sức mạnh tổng hợp: chính trị và nghệ thuật, trữ tình và chính luận.

*

Suốt chiều dài lịch sử khoa cử Việt Nam, trong hơn mười thế kỷ, và theo một nhịp độ thông thường là mỗi bốn năm một lần, các kỳ thi tiến sĩ đã được tổ chức. Do chỉ dụ của vua Lê Thánh Tông năm Giáp Thìn 1484, triều đình cho khắc và dựng bia tiến sĩ. Năm này nhà vua ủy cho Thượng thư bộ Lễ Quách Đình Bảo kiểm soát lại danh sách thứ bậc những người đỗ đại khoa từ khoa Nhâm Tuất 1442 đến khoa Giáp Thìn 1484, giao cho các đại thần ở viện Hàn Lâm là Thân Nhân Trung, Đào Cử v.v... chia nhau soạn bài *ký* ghi lại diễn tiến và kết quả các kỳ thi; mặt khác, sai bộ Công kén thợ giỏi, chọn đá tốt để khắc bia. Đợt bia thứ nhất có mười tấm. Bài *ký* bia tiến sĩ đầu tiên do Hàn Lâm viện Thừa Chỉ Thân Nhân Trung soạn (*Đại Bảo tiến sĩ đề danh bi ký*) có đoạn viết: "*Hiền tài quốc gia chi nguyên khí, nguyên khí thịnh*

tắc quốc thế cường dĩ long, nguyên khí nỗi tắc quốc thế nhược dĩ ô. Thị dĩ thánh đế minh vương mạc bất dĩ dục tài thủ sĩ, bồi thực nguyên khí tiên vu dã. Cái sĩ chi quan hệ ư quốc gia như thử kỳ trọng, cố sùng thượng chi ý đãi vô chung cùng..." (Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước hùng mạnh, nguyên khí suy thì thế nước yếu hèn. Vì thế các bậc đế vương thánh minh chẳng ai không đặt việc kén chọn kẻ sĩ bồi dưỡng nhân tài, vun trồng nguyên khí lên hàng đầu. Bởi vì kẻ sĩ có quan hệ trọng đại đối với quốc gia như vậy cho nên được quý chuộng không biết dường nào...).

Một số khoa thi được viết *ký* dựng bia ngay trong năm tổ chức Hội thí. Nhưng có nhiều khoa không dựng ngay được bia, mà phải chờ nhiều năm sau, hoặc bia được dựng hàng loạt một lúc. Có hai đợt lập bia quan trọng: năm Quý Tỵ 1653 dựng bia một lúc cho hai mươi lăm khoa; năm Đinh Dậu dựng đồng thời hai mươi mốt bia. Tất cả có tám mươi hai bia ở Văn Miếu Hà Nội. Nhà Mạc tổ chức hai mươi mốt kỳ thi đại khoa nhưng chỉ dựng được có một tấm bia duy nhất cho khoa đầu tiên năm Kỷ Sửu 1529 và bia dựng ngay trong năm đó. Đời Nguyễn dựng bia ở Văn Thánh Huế; có tất cả ba mươi hai bia, ghi tên các tiến sĩ đỗ từ năm Nhâm Ngọ 1822 đời vua Minh Mệnh đến năm Kỷ Mùi 1919 đời vua Khải Định, đó là bia tiến sĩ cuối cùng. Người có tên đứng đầu trong bia tiến sĩ là Trạng nguyên Nguyễn Trực, người có tên ghi chót hết trên bia là Tiến sĩ Dương Thiệu Tường.

Thị Hội thi Đình là những sự kiện trọng đại trong lịch sử nước nhà. Biên bản mỗi kỳ thi được ghi lại thành những bài *ký*, với nội dung chủ yếu gồm bốn phần chính:

– phần thứ nhất tán dương công đức nhà vua - thời Lê Trịnh thì cả nhà chúa - đương tại vị lo lắng chăm lo việc học việc thi, nói về chế độ giáo dục của đương thời, về lịch sử lập bia;

– phần thứ hai ghi danh sách ban giám khảo;

– phần thứ ba trình bày ý kiến cảm nghĩ cá nhân của tác giả bài *bi ký* đối với tầm mức quan trọng của nho học, của sĩ tử;

– phần thứ tư liệt kê tên họ, quê quán, tuổi tác những người trúng tuyển xếp theo thứ bấc cao thấp.

Cuối bài *ký*, các bia Văn Miếu Hà Nội ghi tên soạn giả, các bia Văn Thánh Huế không có mục này.

Xét tổng quát, lối hành văn các bài *ký* bia tiến sĩ vì là văn để khắc

in lên đá nên ngắn gọn, chuẩn mực; thường là tản văn, nhưng cá biệt cũng có khi dùng văn biền ngẫu hoặc phối hợp biền ngẫu, tản văn với vận văn.

Lời văn phần thứ nhất thuộc thể văn chính luận, có tính chất quan phương, thường đưa những dẫn chứng lịch sử chứng tỏ việc tuyển lựa nhân tài luôn luôn gắn liền với sự xây dựng chế độ, mưu cầu hạnh phúc quốc dân và phồn vinh quốc gia, bảo vệ sự trường tồn của triều đại. Phần thứ hai và phần thứ tư có tính cách ghi chép dữ kiện cụ thể, chính xác, chi tiết. Phần thứ ba tuy là văn chính trị hành chánh nhưng thường vẫn chứa tải những lời lẽ thành thực, khiêm cung, cảm động, nhiệt tình. Tuy nhiên phần này chỉ có những nét lớn về khả năng, học vấn của người soạn *ký*; còn những điều liên quan đến tâm sự riêng tây của tác giả thì không bao giờ được ghi chép.

Các bài *ký* đề tên tiến sĩ ở Văn Miếu không phải chỉ được khắc ghi ở bia đá mà còn được chép trong các tài liệu văn học - do tính chất văn sử bất phân của ngày xưa - hoặc chép chỉ một vài bài như *Hoàng Việt văn tuyển* của Bùi Huy Bích hoặc biên chép gần như toàn bộ như *Lê triều lịch khoa tiến sĩ đề danh bi ký* của Lê Cao Lãng tập hợp tên các vị khoa bảng triều Lê qua tám mươi hai khoa thi Hội.

*

Cuốn *Thượng Kinh ký sự* của Lê Hữu Trác có nhiều điểm đặc biệt. Trước hết, nó là bộ *du ký* duy nhất của khối thư tịch Hán Nôm. Tất nhiên rất nhiều tác giả vào những dịp vãng cảnh, những lần đi chơi đây đó, đã ghi lại nhiều hồi ức về du ngoạn. Lại có rất nhiều tác giả làm thơ *sứ trình, sứ yên* viết về *Bắc hành, Bắc sứ*, sáng tác *Hoa trình, Hoa thiều, Yên thiều*, biên soạn *sứ tập*, kể chuyện *sứ hoa*, ghi chép nhiều điển khi *phụng sứ*, viết cả *tùy bút* về công vụ ngoại giao, có những tác phẩm mà đầu đề mang các khái niệm *như thanh, vạn lý*. Nhưng tất cả hoặc là những trước thuật ngắn gọn tản mạn, hoặc chỉ là thi ca trữ tình xướng họa. Không có công trình nào mang tính hệ thống và hoàn chỉnh như *Thượng Kinh ký sự*. Thứ nữa, không có công trình chữ Hán nào được chuyển dịch sang tiếng Việt hiện đại nhiều lần và do nhiều người như *tập vỹ* thuộc bộ bách khoa toàn khoa y học của Lãn Ông. Cho đến nay, ít nhất đã có năm bản dịch *Thượng Kinh ký sự* sang quốc văn, còn số lần in thì dĩ nhiên còn nhiều hơn. Cuối cùng, đây là trước tác viết theo thể *ký* độc nhất được dịch sang ngoại ngữ, cụ thể là dịch nó sang Pháp văn (2).

Sở dĩ như vậy là do giá trị văn học lịch sử của tập du ký. Lãn Ông kể lại cuộc hành trình từ quê mẹ ở Hương Sơn lên kinh đô Thăng Long chữa bệnh cho chúa Trịnh Sâm và thế tử Trịnh Cán cùng những điều tai nghe mắt thấy tại Hà thành; đồng thời cũng ghi chép các bài thơ xướng họa với giới văn học nơi kinh kỳ. Tự sự lẫn với trữ tình, văn chen với thơ, thiên ký sự này cống hiến những chi tiết rất hữu giá đối với đời sau trong việc nghiên cứu dĩ vãng. Nói chung, tập chót tập hợp tập *Hải Thượng y tông tâm lĩnh* này ngoài giá trị đặc sắc của một hồi ký văn học du lịch còn được xem là một tài liệu phong tục học quý hiếm về một giai đoạn lịch sử nước nhà, với những nếp sinh hoạt nơi cung vua phủ chúa cũng như ở chốn quần chúng dân gian; với cung cách giao tiếp, thù tạc giữa những con người thuộc nhiều thế hệ đẳng cấp; với những cảnh quan non sông đất nước trong một địa bàn rộng lớn.

Nhà nho ngày trước rất sính làm thơ nhưng thơ vốn ngắn ngủi về kích thước và ước thúc về bố cục. Rất khó khi muốn tìm thấy trong thi ca tổ tiên những phóng sự rộng lớn về cuộc sống, những hình ảnh chi tiết về tập tục; dĩ chí một âm hưởng hơi sâu xa về tình cảm sâu kín của thi gia, người đọc cũng phải dụng công mới phát hiện được. Các bộ sử ký, các pho chính sử, tuy sử dụng văn xuôi, nhưng lại tải nặng tính ước lệ, chất tỉnh lược; cho nên mọi sắc thái về không gian, về khung cảnh hầu như bị gột giũ sạch sẽ, trọn vẹn. Tập du ký độc nhất vô nhị này, viết về một đoạn đời và một đoạn đường của vị danh y danh nho lại do chính bậc nho y ghi lại với tính xác thực và lòng xúc cảm mãnh liệt, đã in đậm dấu ấn cá tính và bút pháp Hải Thượng. Phong cách hiện thực trữ tình quán xuyến toàn bộ trước tác nâng cao nó lên, tạo cho nó sức hấp dẫn lôi cuốn cao độ. Những cảnh tượng huy hoàng rực rỡ nơi đình viện lầu các sống lại dưới ngòi bút ký sự đôi khi tỏ ra rất tinh tế. Nơi thâm cung của các chúa Trịnh mà ông thầy thuốc hương thôn dẫn chúng ta vào thăm; không khí tao đàn rộn rã với những tham dự không những chỉ của giới hàn mặc khách văn chương, mà của cả những ông tạo sĩ (3), nội thị, hoạn quan; mối tình xa xưa, chút nghĩa cũ càng với vị sư nữ người làng Huê Cầu mà chúng ta chẳng thể ngờ là Lãn Ông "dám" bộc bạch ký thác v.v... Những bức tranh đó là những đoạn phim lịch sử có một không hai trong khối sách truyện thời xưa. Một nước Việt Nam cách đây hàng thế kỷ hồi sinh, linh hoạt, quyến rũ, lôi cuốn; với những chuyện vặt vãnh trong đời sống dân

gian cũng được chú ý ghi chép kỹ lưỡng như chuyện to lớn trong phủ chúa hay trong nhà quan. Lãn Ông không chỉ viết *ký*, Lãn Ông còn đạo diễn làm phim; Lãn Ông không chỉ kể chuyện, Lãn Ông còn vẽ cảnh dựng tranh; Lãn Ông không chỉ ghi chép bằng tản văn, Lãn Ông còn trao lòng qua văn vần.

Đó là chưa kể con đường mới mà vị danh y vạch ra qua tập hồi ký song song với con đường đi ở ẩn của không biết bao nhiêu nho sĩ: bên cạnh ngã rẽ Lão Trang còn có ngã rẽ Hiên Kỳ; song theo ngã thứ hai này thì xuất thế lại chính là độ thế, từ quan lại chính là tế dân; rút lui khỏi chính trường không phải để *độc thiện kỳ thân* mà không tham gia đội ngũ công khanh là để chữa bệnh cứu người. Nhiệm vụ do con đường mới này vạch ra cho người trí thức thật là khó khăn nặng nề; và người đọc thiên ký sự, nhất là những người theo cùng nghiệp vụ với Lãn Ông, không khỏi không bồi hồi cảm khái. Huống chi có những chi tiết mà kẻ trong nghề càng thấm thía, mới thấy xác đáng; đặc biệt là các chi tiết thuộc lĩnh vực bệnh lý hay / và tâm lý: chúa Trịnh Sâm như là một người ốm trầm kha với tất cả sự lo lắng sợ hãi trước bệnh tật, trước tử vong chứ không phải là một vương tử quyền nghiêng thiên hạ; chúa Trịnh Cán như là một đứa bé nhỏ dại èo uột, rũ rượi, do quan a bảo bế đi chơi khắp trong cung; một trọng thần là Huy quận công Hoàng Đình Bảo thay vì hét ra lửa thì lại xây xẩm muốn trụy tim mạch, muốn bị sốc thần kinh khi hay tin bệnh tình thế tử trở nặng; những con người vây quanh các chính trị gia vừa kể, tuy biết chút đỉnh về thuốc men nên ưa xía vô bàn tán về dụng dược xử phương nhưng lại không đủ can đảm tâm lý và trình độ chuyên môn để nhận trách nhiệm điều trị v.v...

*

Ấn bản thứ hai năm 1984 bộ *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, Tập I của nhà thư tịch học khả kính quá cố Trần Văn Giáp ghi quyển *Công dư tiệp ký* của Vũ Phương Đề vào hàng đầu mục *truyện ký*. Tiếp theo nó là một loạt những tài liệu về khoa bảng, về đăng khoa; những tài liệu thực ra không hoàn toàn thuộc thể *ký*. Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, phần *Văn tịch chí*, cũng xếp sách của Vũ Phương Đề vào loại *truyện ký* và phân chia nội dung sách thành mười hai loại: *thế gia* (các nhà dòng dõi), *danh thần* (các bề tôi có tiếng), *danh nho* (các nhà nho có tiếng), *tiết nghĩa* (những người tiết nghĩa), *chí khí* (những người chí khí), *báo ác* (làm ác bị ác báo), *tiết phụ* (dàn

bà có tiết hạnh), *ca nữ* (con hát), *thần quái* (những việc thần dị quái gở), *âm phần, dương trạch* (mồ mả, nhà ở), *danh thắng* (những phong cảnh đẹp), *thú loại* (các loài thú) cộng tất cả bốn mươi ba truyện. Tác phẩm đã được dịch sang quốc văn, do Trung tâm Học liệu, bộ Giáo dục xuất bản năm 1961 và năm 1973. Phần lớn truyện được kể là truyền thuyết và giai thoại. Dĩ chí hành trạng các nhân vật lịch sử, có tên trong chính sử, cũng kèm theo nhiều sự việc do truyền khẩu, chứ không có trong sử truyện chính thức. Cho nên các truyện này được nhiều nhà nho dựa theo để biên soạn những sách khác. Ngay trong khối thư tịch chữ quốc ngữ hiện đại, quyển *Nam Hải dị nhân* của Phan Kế Bính cũng là phóng ảnh một phần quyển *Công dư tiệp ký*.

Phạm Đình Hổ trong *Vũ trung tùy bút*, Phạm Đình Hổ và Nguyễn Án trong *Tang thương ngẫu lục* cũng vận dụng thể văn *ký* để chép tám mươi chín (*Vũ trung tùy bút*) và chín mươi (*Tang thương ngẫu lục*) mẩu chuyện nhỏ, ghi lại nhiều sự việc xảy ra cuối đời Lê và vào đời Tây Sơn. Phần ký sự hồi ức (*Trịnh phủ cố sự, Võ Thái phi, Lục Hải* trong Vũ trung tùy bút; Vương phủ cố sự, Quận Mã Đặng Lân trong *Tang thương ngẫu lục*) phản ánh trực tiếp cuộc sống xã hội đường ngoài thời Lê mạt với khung cảnh xa hoa trụy lạc nơi phủ chúa, tình trạng bê bối của chế độ khoa cử, tình hình côn quang ngang ngược lộng hành ngay chốn kinh đô, hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc triền miên, nạn đói khủng khiếp kéo dài và lập đi kập lại v.v... Thời điểm lịch sử do hai bộ sách dàn dựng lại là một giai đoạn với nhiều biến động xã hội phức tạp. Các tác giả đã chụp được những tấm hình màu trung thực như bằng máy ảnh tốc ký *Polaroid*. Ngoài ra, rải rác trong hầu hết các truyện, Phạm Đình Hổ cũng như Nguyễn Án trong khi kể lại sự việc đều gửi gắm những nỗi niềm tâm sự, những cảm nghĩ cá nhân về nhân tình thế thái; những suy nghiệm, tư duy của mình trước dao động dạng *sin* thịnh suy thăng giáng cùng các đổi thay nhanh chóng của các triền đại.

Tên đặt cho sách chiếu đội trung thực nội dung: đó là những điều ghi chép mau lẹ ngoài giờ công vụ (*Công dư tiệp ký*), đó là những chuyện gặp đâu kể đấy về cuộc đời thay đổi (*Tang thương ngẫu lục*), đó là những truyện viết theo đà ngọn bút vào những ngày mưa (*Vũ trung tùy bút*).

Một dạng thức văn *ký* khác bên cạnh hình thức *ký* sáng tác thành sách là những bài *ký* ngắn, gọn viết về các vật dụng, các kỷ niệm bé

nhỏ, thân thương. Được người con trai đầu lòng - mà nhà thơ rất thương yêu - là Nguyễn Hoan đi thi Hội mang về cho chiếc gậy long trúc, Nguyễn Khuyến làm một bài *ký*. Một loạt bài *ký* được Ngô Thì Sĩ viết về một ngôi am, một động núi, một cảnh đình, một vị động chủ, một chốn công đường; mỗi bài chỉ vài trang chữ Hán. Nhân dịp có nhiều người góp tiền mua đá tảng về thuê thợ khắc đẽo một cái khánh, *chỉ một đêm là xong*, Nguyễn Bỉnh Khiêm được bà con xin một bài *ký* về chiếc khánh đá mà Trạng Trình viết cô đọng như một bức điện tín. Sử dụng loại văn *ký* trong những trường hợp này, tuy có theo phong cách biểu đạt truyền thống, nhưng các tác giả không sa vào chuyện thuyết giáo, không lan man bàn luận về triết học. Hầu như luôn luôn đây chỉ là những bút ký ghi lại sự việc, ghi để nhớ, để lưu trữ tư liệu, để cất giữ dữ kiện. Cho nên dẫu ngắn nhưng chúng có khi bề bộn những con số, những kích tấc, những hiện vật, những cảnh quan, những danh tính, những thống kê.

So sánh cung cách vận dụng thể *ký* dưới hai dạng tập hợp và riêng lẻ, thấy rõ có sự linh hoạt trong trước thư, có hợp chứng thích ứng khi lập ngôn.

*

Ra đời như là một hình thức ghi nhớ sử liệu, lưu truyền sự nghiệp, nhấn nhủ hậu thế, đánh dấu lộ trình, *ký* có may mắn là một phần được chuyển lại cho chúng ta dưới loại hình văn khác. Do tính chất bền vững của vật liệu định hình (đá, đồng, gốm...), các bản văn khắc *ký* được truyền đạt lâu dài cho đời sau dưới dạng chính tắc, trong khi các văn bản viết ra hoặc in lại trên lá cây, trên giấy, trên lụa, trên vải... Cho dù có giữ gìn cẩn thận cũng khó lòng tồn tại bền vững. Độ kiên cố của vật liệu chất rắn khiến tổ tiên dần dà có ý thức ủy thác cho các văn bản thuộc loại hình *ký* những chức năng đặc biệt so với các văn bản viết tay hoặc in ván. Cho nên *ký* ghi lại những bằng cứ, những điều được xem là chuẩn mực, không ghi lại tùy tiện, kiểu *khẩu thiệt vô bằng, tam sao thất bản*; đó là tính chính tắc vừa được đề cập mà chỉ riêng ở *ký* là nổi bật hẳn lên, ít nhất thì cũng là đối với bộ phận tạc khắc trên đá.

Nếu muốn tìm một nhược điểm của *ký* thì có thể nêu ra tình hình thực tế là không có sáng tác nào thuộc văn loại này đã được viết bằng tiếng mẹ đẻ. Song đây cũng chỉ là cái giá mà văn học đã đòi, mà lịch sử đã thách: xưa kia, mỗi khi muốn nói về đạo lý, về các sự kiện chính

trị, về vĩ nghiệp kinh bang tế thế, các tác giả hay viết bằng chữ Hán là thứ chữ được nhà nước coi là văn tự chính thức. Chỉ những khi muốn vui chơi giải trí, hoặc muốn buông thả tâm hồn theo những xúc động hay nhận thức hoàn toàn riêng tây, thì cha ông mới viết văn làm thơ chữ Nôm. *Ký* lại không có chức năng đó.

Nhưng *ký* trong nhiều trường hợp đã làm tròn bổn phận trao gửi cho chúng ta đầy đủ, nguyên vẹn, không suy suyển các từ lịch sử, văn hóa, các điển cố, các ngữ loại về triều đình quan chế, các cứ liệu về địa lý phong tục và thậm chí tất cả những từ tuy thông dụng nhưng được người đương thời hay tác giả các bài *ký* hiểu với một ngữ thái riêng tư theo từng diện mạo ngôn từ cá biệt.

---

(1) Nguyên tác Hán văn ghi Bùi Tồn Am, Phạm Thạch Động và Phạm Lập Trai. Để cho thống nhất với các tác giả khác trong cùng danh sách, tôi chữa lại theo tên chính thức thay vì sử dụng tư hiệu.

(2) Trần Văn Tích - Diện mạo bộ Y tông tâm lĩnh. Văn Học số 35, tháng 12-1988.

(3) Tạo sĩ là một học vị của võ ban tức tiến sĩ hàng võ.

TÔ THUỲ YÊN

đi về

Khuya rồi, nước đã đầy trăng
Đi về suốt bãi sông Hằng gặp ai?
Lạnh trời, đâu lửa hơ tay?
Đêm còn cứ bãi sông này lại đi
Có gì chăng? Chẳng có gì
Nước rào, trăng rạt ta thì mải mê
Chầy khuya, nước ủ trăng ê
Uổng công bãi ấy đi về một ta...
Mãi rồi, trời cũng sáng ra
Mình trăng trăng lặn, mình ta ta về
Vẫn sông, vẫn bãi bộn bề
Sang đêm, ai nữa đi về gặp ai?

VÕ PHIẾN

có khi...

Để nhớ một tiếng chim tu hú bên kia bờ đại dương,
nhớ một mảnh trời xanh đã xanh vào đầu thế kỷ.

Có khi mình nhẹ lông hồng
Làm con ó lượn từng không hàng giờ
Có khi mình chợt bâng quơ
Thành con nhện nước trật trờ mặt ao
Có khi làm gió lao xao
Ta đùa giỡn với hàng rào tre thưa.
Có khi ta chẳng là ta
Là con tu hú tháng ba tưng bừng
Vui cây vui nắng reo mừng
Quay cuồng cách một đại dương tít mù.
Gió thu này hỡi gió thu
Ta đang là chiếc lá khô trên cành.
Có khi vào buổi nắng hanh
Ta là một mảnh trời xanh năm nào...
12-1993

ĐẶNG PHÙNG QUÂN

trường hợp trần đức thảo

Năm 1991, Trần Đức Thảo được chính quyền cộng sản Việt Nam cho phép trở lại Pháp sau bốn mươi năm rời khỏi đây về nước. Có thể ông là một trong những *undesirables* mà nhà cầm quyền Hà Nội muốn trục xuất ra khỏi nước.

Trần Đức Thảo là một người mácxít. Nhưng vấn đề đặt ra là: Vị thế của ông trong chế độ xã hội chủ nghĩa theo kiểu Việt Nam? Tôi gọi đây là một "trường hợp" vì tư tưởng và những sách ông viết mang một quan hệ thế nào với xã hội ông sống.

Trần Đức Thảo được đào tạo hoàn toàn trong môi trường giáo dục Pháp, nên những tác phẩm chính của ông viết bằng Pháp ngữ. Tuy vậy, những bản viết bằng Pháp ngữ sau năm 1951 và phải xuất bản tại Pháp còn có một lý do: ông không được diễn đạt tư tưởng ở trong nước vì đã tham dự vào vụ Nhân Văn Giai Phẩm.

Trần Đức Thảo không phải là một người mácxít theo chủ nghĩa xét lại - nhãn hiệu mà những người cộng sản giáo điều gán cho những trào lưu mác xít khác - phát triển ở nhiều nước Đông Âu, và những trào lưu xét lại này đóng góp vào việc xây dựng cơ sở cho sự sụp đổ chế độ cộng sản tại vùng Trung Đông Âu này.

Hai tác phẩm chính của Trần Đức Thảo đánh dấu hai giai đoạn: giai đoạn 1951 trở về trước, ông thuộc khuynh hướng chủ nghĩa Mác - hiện tượng luận, và giai đoạn sau, ông là một người mácxít lêninít.

Hành trạng trí thức:

Khi Trần Đức Thảo theo học trường Cao đẳng Sư phạm (Ecole Normal Supérieure) vào năm 1939 thì chủ nghĩa Mác và triết học Hegel đã có những ảnh hưởng lớn tại Pháp, không như Sartre nghĩ:

"Vào năm 1925 khi tôi mới hai mươi tuổi, không có một ghế giảng dạy chủ nghĩa Mác tại Đại học và những sinh viên cộng sản phải rất thận trọng, không được nói đến hay ngay cả nhắc đến trong những kỳ thi; nếu họ nói đến chủ nghĩa Mác, họ có thể bị đánh rớt. Nỗi kinh hãi về biện chứng ghê gớm đến nỗi Hegel thật xa lạ với chúng tôi" (1).

Thật ra trong thập niên 20, những nhà xã hội như Charles Andler, Lucien Herr, Victor Basch, Edmond Vermeil đã chiếm những ghế

quan trọng ở Sorbonne, cũng như ở trường Cao đẳng Sư phạm và Học viện Pháp quốc. Họ đã đem tư tưởng Hegel vào Đại học Pháp và đặc biệt nghiên cứu mối quan hệ giữa tư tưởng Hegel và chủ nghĩa xã hội (một luận án đề xuất vào năm 1907 ở Sorbonne đã nghiên cứu ảnh hưởng của Hegel đối với Mác).

Vào những năm cuối thập kỷ 20 này, những nhà triết học trẻ như G. Politzer, Paul Nizan, Henri Lefebvre, G. Friedman quy tụ thành nhóm tạp chí *Philosophies*. Thế hệ mới của những nhà triết học mácxít xuất hiện những tên tuổi như Auguste Cornu, Reué Maublanc, Roger Garaudy và George Cogniot.

Auguste Cornu đào sâu ảnh hưởng của Hegel đối với sự hình thành tư tưởng của Mác thời kỳ trẻ trong luận án đề xuất ở Sorbonne vào năm 1934. Tập khảo luận "A la lumière du Maxisme" do Henri Wallon chủ trương đã giới thiệu một khuôn mặt mácxít sáng giá là René Maublanc trình bày mối quan hệ giữa Hegel và Mác. Maublanc đã giảng dạy triết tại Lycée Henri IV là nơi Trần Đức Thảo theo học trước khi được nhận vào Cao đẳng Sư phạm. Một triết gia mácxít trẻ khác là G. Politzer trong những bài giảng ở Đại học Công nhân (Université Ouvrière) trong những năm 1932-1935 đã nhận ra phép biện chứng thuần lý trong triết học Hegel.

Những tác phẩm thời trẻ của Mác như tập *Bản thảo kinh tế triết học và hệ tư tưởng Đức* đã được phát hiện và dịch ra tiếng Pháp trong thời gian này. Đồng thời tập *Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán* và *Bút ký triết học* của Lênin cũng được dịch và lưu hành ở Pháp trong những năm 1928 và 1938. Chủ nghĩa Mác được tuyên truyền thông qua những phong trào công nhân, nhưng cũng xâm nhập Đại học một cách rộng rãi.

Những trào lưu tư tưởng lớn có những bước thăng trầm trong lịch sử. Tư tưởng của Hegel đã xâm nhập Đại học Pháp từ thế kỷ 19, cũng mang những dấu ấn khác nhau.

Alexandre Kojève nhận xét: Mọi lý giải về Hegel chỉ là một dề cương của đấu tranh và lao động.

Điều này có thể áp dụng cho mọi giai đoạn. Nhưng chính Kojève là một người đã làm sinh động tư tưởng Hegel trong những bài giảng ở trường Cao đẳng Sư phạm vào những năm 1936-1939. Kojève đã gây ảnh hưởng cho hơn một thế hệ kế tục đọc Hegel, Mác và tư tưởng hiện sinh Đức.

Cũng trong khoảng thời gian này, một giảng viên khác ở trường Cao đẳng Sư phạm là J. Hyppolite đưa ra một lý giải khác về Hegel, công phu và tỉ mỉ.

Trần Đức Thảo chắc hẳn đã được dẫn nhập vào con đường nghiên cứu Hegel và Mác qua những ảnh hưởng của Kojève, Hyppolite và Cavaillès.

Nhưng một khuôn mặt lừng danh khác có ảnh hưởng sâu sắc trong sự hình thành tư tưởng của Trần Đức Thảo là M. Merleau Ponty. Trong thời gian Trần Đức Thảo theo học trường Cao đẳng Sư phạm thì Merleau Ponty - từ bước đường nhập môn hiện tượng luận đến những nghiên cứu và nguồn gốc của ý thức và ngôn ngữ, sự tìm kiếm bản chất của cấu trúc ứng xử nơi con người.

Khi Sartre và Merleau Ponty cùng một số những trí thức khuynh tả khác thành lập tập chí Thời Mới (Les Temps Modernes), với Merleau Ponty làm giám đốc chính trị, đăng những bài viết chính trị xuất hiện dưới ngòi bút của Claude Lefort và Trần Đức Thảo là hai môn đệ của Merleau Ponty.

Đối với thế hệ Trần Đức Thảo theo học trường Cao đẳng Sư phạm, khoa Hiện tượng luận của Husserl không còn xa lạ như một thập niên trước nữa. cũng trong thời gian này, cuộc chiến bùng nổ và Đức Quốc Xã đã tràn sang chiếm đóng nước Pháp. Trần Đức Thảo được kể là một người có công mang những bản thảo di cảo của Husserl qua lằn tuyến kiểm soát của lính Đức về Louvain, nhờ khuôn mặt Á Đông của ông. Đây cũng là cơ hội Trần Đức Thảo được đọc những bản thảo chưa in của Husserl để sửa soạn cho luận án ông đang tiến hành.

Hiện tượng luận và chủ nghĩa Mác:

Tác phẩm *Phénoménologie et Matérialisme dialectique* của Trần Đức Thảo xuất bản năm 1951 (2) là tập hợp hai phần nghiên cứu viết trong những thời điểm khác nhau:

– Trần Đức Thảo xác định phần thứ nhất soạn trong khoảng 1942 đến 1950 trình bày "căn bản cốt lõi của hiện tượng luận thuần túy trên phương diện lịch sử và trong chính những viễn tượng của tư tưởng Husserl" và ngay cả phần phê phán của tác giả cũng chỉ nêu ra những mâu thuẫn nội tại ngay trong tác phẩm của Husserl.

– Phần thứ hai của tác phẩm hoàn tất năm 1951 hoàn toàn đặt trên bình diện của chủ nghĩa duy vật biện chứng.

Trần Đức Thảo là một trong mấy người tiên phong đã khai phá vấn đề quan hệ giữa hiện tượng luận và chủ nghĩa Mác. Trước Trần Đức Thảo là Hebert Marcuse với *Tham luận góp phần về một hiện tượng luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử* (3).

Trong tiểu luận này, Marcuse phác họa một chương trình phê phán hiện tượng luận hiện sinh và chủ nghĩa Mác: hiện tượng luận đi sâu vào cấu trúc căn bản của hiện hữu con người, khai phá đặc tính nền tảng và phổ biến, còn chủ nghĩa duy vật lịch sử với nhận thức bản thể về cấu trúc của đời sống, nắm vững những biến thái lịch sử cụ thể. Ý đồ của Marcuse là xây dựng một "hiện tượng luận biện chứng" nhằm phân tích những khả năng cụ thể trong giới hạn của hoàn cảnh lịch sử thực, đi tới viễn tượng một thực tiễn cách mạng nhằm biến đổi nó trong chiều hướng nhân bản. Marcuse viết:

"Điều này là một sự mở rộng giá trị của hiện tượng luận biện chứng... nó chỉ ra hiện hữu của con người lịch sử, cả về mặt cấu trúc cơ bản lẫn những hình thái và dạng thức cụ thể".

Lý giải chủ nghĩa Mác mở ra hai chiều hướng: những người mácxít như Lukacs, Marcuse, Habermas hay Sartre chỉ nhìn vận động biện chứng xây dựng trên sự chuyển biến của lịch sử con người, trong khi những người mácxít lêninít thừa kế Engen quan niệm vận động biện chứng trong tự nhiên và tác động vào lịch sử con người.

Vào năm 1946, Trần Đức Thảo đưa ra một tiểu luận in trong *Revue International* nhan đề "Chủ nghĩa Mác và hiện tượng luận" khởi thảo việc nghiên cứu đối chiếu và phê phán. Đến tác phẩm xuất bản năm 1951, minh thị rõ rệt hơn với nhan đề "Hiện tượng luận và chủ nghĩa duy vật biện chứng", Trần Đức Thảo xác quyết: Chủ nghĩa Mác cho chúng ta giải pháp duy nhất có thể quan niệm được về những vấn đề mà chính hiện tượng luận đề ra (4).

Chọn lựa con đường đi vào chủ nghĩa Mác không phải là một chọn lựa chính trị nhất thời, mà là một chọn lựa *triết lý*. Trần Đức Thảo được huấn luyện trong trường Cao đẳng Sư phạm, ở đó Cavaillès và Maurice de Gandillac đã đem hiện tượng luận và chủ nghĩa Mác vào giảng dạy. Một người ảnh hưởng đến Trần Đức Thảo là Merleau Ponty cũng đã đề cao chủ nghĩa Mác "không phải là một triết lý về lịch sử mà *chính là* triết học của lịch sử và phủ nhận nó chẳng khác nào đào huyệt chôn lý trí trong lịch sử" (5).

Mặt khác, Trần Đức Thảo ở vào thế hệ những môn đệ hiện tượng

luận phải thông qua con đường lý luận Hegel, qua sự dẫn nhập vào tác phẩm *hiện tượng luận về tinh thần* của Kojève và Hyppolite. Trần Đức Thảo đã viết một tiểu luận nghiên cứu nội dung thực của tác phẩm hiện tượng luận về tinh thần in trên *Les Temps Modernes* năm 1948(6).

Trần Đức Thảo cho rằng nội dung của tư tưởng Hegel (bao gồm toàn thể lịch sử thế giới) chủ yếu bắt nguồn từ thực tại khách quan và sau cùng hàm ngụ một chủ nghĩa duy vật giấu mặt mà Hegel có thể khai triển khái niệm về chuyển biến và phương pháp biện chứng làm tiền đề cho tư tưởng mácxít. Tư tưởng cốt lõi của *hiện tượng luận về tinh thần* là khái niệm Aufhebung như một quá trình vận động qua ba tác động: *hủy diệt* hình thái trực tiếp không thực và không phải chân lý của hiện tượng, để *duy trì* cái gì chân chính và thực chất của nó để *vươn lên* hình thái trung thực nhất của hiện tượng.

Trong *Phénoménologie et matérialisme dialectique* (PMD), Trần Đức Thảo đã vận dụng khái niệm cơ bản này để giải thích tại sao "những phân tích hiện tượng luận cụ thể chỉ có thể vận dụng mọi ý nghĩa và được phát triển đầy đủ trong tầm chân trời duy vật biện chứng". Không có gì mâu thuẫn trong việc quan niệm một "biện chứng hiện tượng luận" khi ông viện dẫn Husserl đã đặt trọng điểm triết lý trong hiện tượng luận về sự vật (Ding):

"Sau cùng ở cơ sở của mọi thực tại khác, người ta thấy thực tại tự nhiên và cả *hiện tượng luận về tự nhiên vật chất* chắc chắn giữ một *vị thế ưu tiên*" (7).

Những công trình nghiên cứu của Husserl nhằm xây dựng "sự vật" nguyên ủy theo Trần Đức Thảo "chỉ đem lại những kết quả quyết định trong việc giải trừ những tư kiến cổ điển, nhưng người ta hoài công tìm thấy ở đó những minh xác về nội dung cụ thể của những trung gian hữu hiệu" (8).

Phải có một phương pháp khách quan, tức là phép biện chứng mácxít mới xác định được quá trình khả dĩ xây dựng những ý nghĩa sinh động trên nền tảng của thực tại vật chất. Phương pháp biện chứng như Trần Đức Thảo mô tả vẫn mang dấu ấn Hegel "khởi đi từ cái khả xúc tự vượt để hủy diệt trong cái khả tri". Những vấn đề cổ điển chỉ được giải quyết toàn diện trong khuôn khổ của chủ nghĩa Mác, trong khi hiện tượng luận (Husserl) chỉ ra những khó khăn kỹ thuật mà ông không ngần ngại phê phán:

"Chủ nghĩa hiện thực trong Logische Untersuchungen của

Husserl chỉ là hình thái mâu thuẫn của một phân tích ý hướng không biết đến ý nghĩa thực của nó. Nó hàm ngụ yêu cầu của một sự đảo ngược biện chứng" (9).

Khởi từ một đoạn văn trong *Nguồn gốc của Hình học* (Ursprung der Geometrie), Trần Đức Thảo nhận định: con đường đi từ cái khả xúc đến khả tri chỉ có thể vạch ra một cách chính xác bằng sự phân tích những hình thái kỹ thuật và kinh tế của sự sản xuất (ra những điều kiện tồn tại của con người). Chính vì thế phương pháp hiện tượng luận vấp phải những khó khăn không thể vượt qua là sự mô tả những ý chỉ tiền trí từ (significations anterpredicatives) phải trở lại những điều kiện của sự tồn tại vật chất và thiết yếu định đặt chủ thể trong khuôn khổ của thực tại khách quan.

Hiện tượng luận có giá trị ở chỗ đã mô tả được cái sinh động (le vécu) làm nền tảng cho mọi ý nghĩa của chân lý, những quan điểm trừu tượng của nó không cho phép nhìn thấy nội dung vật chất của đời sống khả xúc, do đó tất cả cơ sở của sự cấu thành thế giới (Weltkonstitution) mang tính cách thường hằng triệt để.

Tóm lại, qua phê phán của Trần Đức Thảo, công trình hiện tượng luận là một vận động biện chứng có tính cách *tư duy trong khi thực hành*. Nó phải nhường bước cho *chủ nghĩa duy vật biện chứng*, coi như *chân lý* của *chủ nghĩa duy tâm siêu nghiệm* (10).

Khi phê phán chủ nghĩa hiện sinh, trào lưu tư tưởng đang thống trị Tây Âu lúc bấy giờ, Trần Đức Thảo đã dùng hiện tượng luận làm trung gian để so sánh: Chủ nghĩa hiện sinh nêu ra sự khác biệt về yếu tính giữa sự tồn tại con người và thực tại tự nhiên chỉ trở lại bình diện ý thức ngây thơ; những khái niệm siêu việt, hoàn cảnh, chọn lựa, dự phóng của Heidegger được đề ra trước khi có giảm trừ hiện tượng luận, trong khi chủ nghĩa duy vật biện chứng xét những hình thái khác nhau của hữu thể trong vận động từ hình thái này qua hình thái khác. Vật chất được đặt ra trong ý thức chuyển biến (devenir-conscience), cũng tự nhiên được đặt ra trong sự chuyển biến về nhân tính, như vậy nó được xét đến sau khi có sự giảm trừ (11).

Con đường mácxít của Trần Đức Thảo có đáp ứng được những viễn tượng hứa hẹn như ông trình bày trong phần phê phán hiện tượng luận không?

Hấp thụ nền giáo dục triết lý ở trường Cao đẳng Sư phạm ở giai đoạn này, Trần Đức Thảo vẫn chưa vượt ra khỏi quỹ đạo hiện tượng

luận. Mặt khác, thông qua ánh sáng lý luận của biện chứng Hegel, cơ sở tư tưởng của ông vẫn xây dựng trên khái niệm vận động biện chứng Aufhebung.

Trong PMD, Trần Đức Thảo không hề nhắc đến Lênin. Tuy nhiên cũng như nhiều người mácxít Pháp khác, ông dựa vào Engen. Cho nên ngay đề từ phần thứ hai, ông đã dẫn Engen:

"Vật chất không phải là sản phẩm của tinh thần mà tinh thần chính là sản phẩm cao cấp của vật chất".

Ở tiết 1, ông đã bàn đến một vấn đề rất cổ điển là "ý thức và vật chất" nhằm xác định lập trường duy vật của ông:

"Chỉ có biện chứng duy vật mới cho phép chủ thể tự thức và tự khẳng định trong thực tại hữu hiệu về hiện thể của mình, như thể trước hết nó vượt khỏi ý thức của nó, để tuần tự đặt ra với chính nó như *ý nghĩa chân lý của nó*" (12).

Tuy nhiên, ảnh hưởng của Merleau Ponty khá rõ rệt trong những vấn đề đặt ra ở PMD. Cũng bắt đầu tự hiện tượng luận như một phương pháp, sau khi qua những chặng đường mô tả kinh nghiệm tiền trí từ, Trần Đức Thảo rút ra kết luận là tất cả công trình cấu tạo thế giới (Weltkonstitution) nghiên cứu về thế giới khả xúc mang tất cả ý nghĩa về những cấu trúc của ứng xử, đã vấp phải những khó khăn không thể vượt qua. Chỉ có phương pháp biện chứng mới đưa ra những viễn tượng khả dĩ có thể nhận thức:

"Thực tại như thể biện chứng là một vận động mà trong mọi cách thế của hữu thể, những biến chuyển của trật tự nhân quả được xác định bởi cấu trúc riêng của từng cách thế này tất yếu do chính sự phát triển nội dung của chúng phải dẫn tới sự cấu thành một cách thế mới, hội nhập cách thế trước và nắm giữ nó như thể hủy diệt, duy trì và vượt qua" (13).

Cho nên nội hướng tính của ý thức cũng như quan hệ lý tưởng với khách thể phải đi dần tới cấu trúc của chủ thể thực sự, nghĩa là khởi đi từ chính thân xác như trung tâm của vận động. Như vậy không thể dùng phép "giảm trừ" trừu tượng của hiện tượng luận mà phải nhờ phép biện chứng để nắm vững thấu đáo biện chứng của ứng xử xác định hành vi của ý thức.

Chương thứ I của phần thứ hai tìm hiểu biện chứng của ứng xử sinh vật như thể biến chuyển của nhận thức đích xác về cái khả xúc.

Vấn đề này đã đề ra trong *hiện tượng luận về tinh thần* của Hegel, tuy nhiên khi đi tìm hiểu khởi sinh của ý thức, biện chứng khái niệm của Hegel đã thất bại so với phương pháp hiện tượng luận Husserl nắm vững sự đích xác trực tiếp của khách thể đơn giản đã được đề ra trong trực giác, chứng tỏ ưu thế của trực giác này. Tuy nhiên, những lý giải hiện sinh của những môn đệ Husserl đã loại bỏ nội dung vật chất của kinh nghiệm khả xúc, đưa hiện tượng luận tới chủ nghĩa phản lý toàn diện (14).

Với tiêu đề "biện chứng của vận động thực", Trần Đức Thảo khởi đi từ quan điểm duy vật biện chứng theo Engen trong việc tìm hiểu biện chứng của tự nhiên: sự tiến hóa của ứng xử sinh vật từ tri giác sự vật ở loài động vật có vú, đi ngược lên tiếp thu sự vật ở loài cá, ngược lên nữa là sự di động của loài sâu, sự rời chỗ ở loài động vật nguyên sinh (như loài động vật ruột khoang - Coelentérés) tương ứng với sự phát triển cá thể của trẻ sơ sinh.

Áp dụng hai khái niệm hiện tượng luận vào vận động sinh vật, Trần Đức Thảo nhận định ý hướng tính của trì động (rétention) như chuyển động dồn ép của hoạt động hút và đẩy trong quá trình hoàn tất phản xạ - những chuyển động dồn ép sống động trong một vận động lý tưởng của phóng động (protention), ở đó chủ thể có ý thức dự tưởng về tương lai nội tại qua một toàn bộ những hướng động vạch ra chân trời trường cảm xúc (15).

Trần Đức Thảo muốn chỉ ra sự sai lầm nghiêm trọng của chủ nghĩa duy vật máy móc khi quan niệm tư tưởng chỉ là một sự bài tiết của bộ óc đã ngăn chặn khả năng cảm thụ và không biết đến cấu trúc của vận động thực:

"Khi nhận thức được cái ý nghĩa của sinh động, tính hướng nội của ứng xử dưới dạng những sơ đồ dồn ép cấu tạo mối quan hệ ý hướng với khách thể đã đưa sinh thể lên hàng đời sống chủ thể, và sự giải thích khoa học không phải là một sự *giảm trừ* trừu tượng mà là khởi sinh tạo ra vận động kỳ thành của sự chuyển biến thành ý thức của thực tại vật chất" (16).

Khởi sinh những cấu trúc của ý thức có thể bắt đầu từ việc khảo sát nguồn gốc sinh vật của con người, xây dựng trên biện chứng chung của những cấu trúc chủng loại từ nguyên sinh đến con người, về mặt phát sinh cá thể: sự phát triển của trẻ sơ sinh một tháng tương ứng với sự phát triển của loài sâu, năm tháng với loài cá, chín tháng với loài

động vật có vú, một năm với loài khỉ, mười tám tháng với loài giả nhân cho đến hai năm tuổi phát triển đầy đủ của loài sinh vật cao cấp là con người.

Quá trình nội hướng dưới dạng ứng xử phản xạ, phát triển từ cấp độ định hướng và di động được, cho đến khả năng nắm được vật bên ngoài là ý nghĩa của ngoại hướng tính. Sự thể hiện dục vọng là quá độ của tính trực tiếp của xúc động đến sự thường trực của tình cảm ở loài động vật có vú.

Ở loài khỉ, tương ứng với trẻ sơ sinh một tuổi, đã có khả năng trung gian và hình thái trung gian xác định thực tại của ứng xử, tuy nhiên vẫn chưa có khả năng nội hướng vào ý thức.

Sự phát triển hành vi của trung gian tạo ra việc biết sử dụng phương tiện (instrument) trong đó vận động xảy ra trước bị dồn ép và sống động của một vận động có ý hướng.

Ở giai đoạn kế tiếp khi con người biết sử dụng công cụ (outil) thì chức năng phương tiện không thuần túy chỉ thực hiện ở hoàn cảnh hiện tại mà có thể sản sinh, giữ gìn và duy trì, con người như vậy đã nhận thức được ý nghĩa của một phương tiện tự nó có hiệu quả. Sử dụng công cụ đánh dấu sự xuất hiện con người.

Vận động của lao động khi đã là lực lượng sản xuất được phản ánh trong những hành vi của tổ chức và dạy dỗ chứng tỏ quá trình sản xuất trở thành đối tượng của một ý chí có ý thức dưới dạng nguyên ủy của ý chí tha nhân; từ giai đoạn này sự hợp tác lao động đánh dấu dạng thức của ngôn ngữ, tuy nhiên những quy luật xác định hoạt động đánh dấu dạng thức của ngôn ngữ, tuy nhiên những quy luật xác định hoạt động sản xuất trước hết cấu thành ở bên ngoài ý thức, nghĩa là xuất hiện trong thực tại của ứng xử, như một hiệu quả khách quan của những điều kiện. Bắt chước một định thức nổi tiếng của Mác, Trần Đức Thảo viết: "Như vậy tự nguyên ủy không phải ý thức xác định ứng xử mà ứng xử sinh ra ý thức" (17).

Suy tưởng về thực tiễn của con người xây dựng chân lý hình học trong một đoạn văn ở *Ursprung der Geometrie* của Husserl, Trần Đức Thảo đi tới kết luận là chỉ có sự phân tích những hình thái kỹ thuật và kinh tế của sản xuất ra những điều kiện tồn tại của con người mới minh giải được đời sống khả xúc của con người: "Sử dụng công cụ biểu thị sự tồn tại của con người", cho nên trong chương II phần hai,

ông đã khảo sát quá trình vận động thực của lịch sử con người theo một viễn tượng biện chứng như sau:

1- Ở giai đoạn tối cổ, những lực lượng sản xuất cấu thành với vận động của công cụ chưa mang hình thái của cải vật chất, mà chỉ ở mức độ chiếm hữu những giá trị sử dụng, tương ứng với nguồn gốc của tôn giáo nguyên thủy xây dựng trên cơ sở vận động của vật hy sinh:

"Mọi tôn giáo được xây dựng trong một vận động tượng trưng ở đó chủ thể tự hủy diệt trong sự tồn tại tự nhiên của nó để nâng lên thành ý thức về "sự tồn tại thực sự" của nó. Trước khi là một dâng hiến cho thần thánh, *vật hy sinh* là sự *chuyển biến của chính vật linh*, qua đó cái thực được siêu việt trong khi tự hủy" (18).

2- Sau giai đoạn kinh tế săn bắn của nhân loại, khởi đầu của sự tích lũy của cải trong sản xuất của giai đoạn kinh tế gia đình, xuất hiện những tinh thần cá thể. Trao đổi hàng hóa không còn giới hạn trong những viễn tượng chật hẹp của giá trị sử dụng nữa mà được tổ chức theo giá trị trao đổi xác định một cách khách quan hình thái của một phổ biến tính thuần lý. Tuy nhiên nền kinh tế thương mại chỉ có lợi cho một giai tầng đặc biệt tách ra khỏi đám đông lao động để trở thành một giai cấp thống trị. Những cấu trúc thuần lý phát triển trong phương thức sản xuất mới này tha hóa trong hình thái truyền thống của bản chất thiêng liêng, tương ứng với một tôn giáo quan niệm đấng cứu thế hy sinh. Dưới hình thái chiếm hữu phát sinh những khái niệm thực tiễn mới, trong đó sự phát triển sản xuất không phù hợp với những quan hệ trao đổi và lịch sử qua những đối kháng trực tiếp này là vận động của những tranh đấu và thỏa hiệp giữa giai cấp tư sản và giai cấp quý tộc. Cũng ở trong quau điểm này, lịch sử không còn là lịch sử của những giai cấp thống trị mà là lịch sử của lao động sản xuất và những quan hệ của con người. Trần Đức Thảo dẫn lời Mác:

"Ở một giai đaọn nào đó của sự phát triển, những lực lượng sản xuất của xã hội mâu thuẫn với những quan hệ sản xuất hiện hữu. Từ những hình thái tiến hóa của những lực lượng sản xuất, những quan hệ này trở thành những chướng ngại của những lực lượng này, ở đó mở ra một kỷ nguyên cách mạng xã hội...

Và người ta không phán đoán một cá nhân trên ý tưởng tạo ra chính hắn, người ta cũng không phán đoán một thời đại trên ý thức tự thân của nó, mà ngược lại phải giải thích ý thức này bằng những mâu thuẫn

của đời sống vật chất, bằng sự xung đột giữa những lực lượng sản xuất xã hội và những quan hệ sản xuất hiện hữu".

3- Giai đoạn quá độ từ nền kinh tế buôn bán sang nền kinh tế tiền tệ, tiền là vận động của những trao đổi trở thành trung gian đưa tính phổ biến của hàng hóa trở thành sự tự trị của ý thức tự thân, như thể khái niệm trong hình dung khái niệm, đấu tranh giai cấp xuất hiện dưới một bộ diện triệt để mới: giai đoạn phong kiến mở đường cho cuộc cách mạng tư sản, sự tồn tại thần thánh mang hình thái tồn tại khả tri, biểu hiện cho sự siêu việt của tư tưởng và khái niệm phổ biến của Cứu Chuộc biểu hiện tính phổ biến thực sự đặc thù trong những quan hệ của con người qua sự bành trướng của kinh tế tiền tệ. Tuy nhiên, ý nghĩa chính thống của tính phổ biến nhân loại chỉ xuất hiện dưới hình thái hủy thể, sự chối bỏ huyền nhiệm những của cải trần gian bằng biểu tượng thuần túy của đời sống hằng cửu.

4- Sự tiến bộ chung của những lực lượng sản xuất đã đưa giai cấp tư sản phương Tây đi chinh phục thị trường thế giới, minh thị hình thái mới của chiếm hữu tư sản, trong đó quyền năng phổ biến của tiền không chỉ mang ý nghĩa thống nhất hàng hóa mà mang khả năng phát triển thuần lý (capacité du développement rationnel), dưới danh nghĩa tư sản phối hợp những thời khoảng khác nhau của quá trình sản xuất. Trong vận động như vậy, lao động sản xuất trở thành bản chất của giá trị, cấu thành phổ biến xây dựng sự thống nhất những mặt khác biệt trong biện chứng trao đổi.

Quá trình lao động này tách rời khỏi thực tại kỳ thành của nó để giản lược vào một tất yếu toán học thuần túy, tước bỏ mọi ý nghĩa nhân tính. Ở đó khoa học hiện đại về tự nhiên phát triển trong chân trời máy móc này.

Cũng như Husserl đã chỉ ra khi xét đến ý nghĩa công chính của tư tưởng khoa học, cơ sở chân lý chỉ có thể tìm thấy trong lao động xã hội của con người, cho nên vận động lý tưởng của những khái niệm trong khoa vật lý toán học chỉ là biểu hiện trừu tượng của vận động thực của công nghiệp, như thể sự hài hòa thể hiện một cách thực tiễn giữa trí năng và sự vật.

Như Mác đã chỉ ra trong tập hai Tư Bản, lao động này mất khả năng nhân tính trong sự chiếm hữu của tư bản và quyền năng trừu tượng che phủ biện chứng cũng như chân lý khoa học mang bộ mặt nghịch lý của một hủy thể đời sống sinh động. Ở đó giai cấp tư sản

mới dùng ma thuật biến quyền năng sáng tạo của lao động con người thành một thứ hàng hóa đơn giản, như thể vật chất thuần túy, bị khai thác trong hạch toán kinh tế và khi sức lực lao động mà công nhân đem bán cho nhà tư bản, cuộc đấu tranh chống lại những quan hệ pháp đình từ thống trị sang nô lệ khái quát hóa cơ cấu của hạch toán kinh tế trong quan niệm của một thế giới *bị tước đoạt ý nghĩa.*

Để nắm quyền bính chính trị, giai cấp tư sản đã đưa cơ chế tư bản vào khái niệm của khách thể như vật chất thuần túy, Kant đặt vấn đề những điều kiện khả hữu của một đối tượng như vậy, nghĩa là sự bảo đảm pháp lý của chiếm hữu tư sản.

Sự khác biệt giữa biện chứng Hegel và biện chứng duy vật là ở chỗ đó: biện chứng Hegel biểu trưng một thỏa hiệp phổ biến giữa những giai tầng bóc lột cũ với giai cấp tư sản, trong khi biện chứng của lịch sử phát hiện trong sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản và đại công nghiệp, một cấu trúc mới của hoạt động sản xuất, hàm ngụ sự hoàn tất tổ chức kinh tế thành một sự hợp nhất toàn diện. Giai cấp vô sản chứng thực trong những điều kiện như vậy là chính chân lý của hiện hữu, mang một hình thái hoàn toàn mới, hàm ngụ sự triệt hủy thực hữu hiệu, do sự triệt hủy hình thái chiếm cứ tư hữu. Trong sự xây dựng chủ nghĩa xã hội và bước quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, rốt cuộc hoàn thiện sự cấu kết hài hòa phổ biến, là giấc mơ của tư tưởng tư sản trong biện chứng duy tâm với những hình thái bóc lột và giai cấp vô sản đã thực hiện trong lãnh vực thực do sự tổ chức lao động xã hội, ở đó mọi cấu trúc giai cấp và nguyên cớ độc quyền bị thủ tiêu.

(còn tiếp)

LÊ THỊ THẤM VÂN

đợi chờ

Tôi giấu thời gian vào trong tóc
Tôi ủ mùi hương dưới làn da
Tôi dỗ nhẹ tim tôi: "Hãy khoan đập mạnh!"
Đợi chàng đến.
Chàng sẽ đến.
Vào mùa đông năm nay.

TRẦN HỒNG CHÂU

biển yêu mê

bước sóng chập chùng
luống cầy đa đoan
vào mình cát mịn vẫn chờ mong
cuộc ân ái

từ vạn đại
từ băng trinh đất trời
làm nên hạt muối trần gian

lúc này đây anh biết em vẫn nhìn anh
xem có đúng con người ấy trong tác phẩm không
con người yêu biển lớn
biển đa tình!

chúng ta cùng ngồi trên bờ vắng
núi đồi bơ vơ
cây rừng nguyên sinh
bia phiến tiền sử
cành ái ân ghì chặt
đất đá tỉnh say
cùng đuổi bắt những cánh bướm trừu tượng
trò hú tim ngoài thời gian!

giấc mộng đêm hè
trên ngọc ngà
mình em cát trắng
nằm lắng nghe đê mê
thủy triều
âm ba địa động
cuồn cuộn
kinh mạch bàng hoàng
về rốn biển hồng hoang
về chân trời ảo mộng nào đây?

anh chỉ thấy mình đất say
thăm thẳm
em chỉ thấy áo trời sao
vời vợi
cành ái ân cuốn mãi cuộc đời
chúng ta đi vào vô thủy vô chung

Bắc đẩu ngời sáng
mắt biển đêm
mắt tình yêu
ngàn đời...

HOÀNG CHÍNH

tình ở đài bắc

Sáng thứ tư, bụi tuyết rơi mỏng. Chàng đến văn phòng muộn, uể oải treo áo khoác lên móc, thong thả bước ra phía bảng thông cáo xem có tin gì quan trọng rồi mới lững thững về chỗ ngồi. Nàng đã ngồi đó từ bao giờ, trên chiếc ghế dành riêng cho khách. Chàng sựng lại một chút trước khi đặt sổ sách lên bàn. Chuông điện thoại reo, chàng nhấc ống lên nghe, ngồi xuống ghế và liếc nhìn nàng. Tư tưởng chàng loãng ra vì sự hiện diện của người đàn bà (đàn bà hay con gái nhỉ?), nên chàng phải yêu cầu người đầu dây bên kia nhắc lại câu hỏi rồi chàng phải khựng lại vài giây trước khi tìm ra được câu trả lời.

Nàng xoay ghế lại phía chàng, khẽ gật đầu, mỉm cười (với chàng, chắc là như thế, vì ngoài chàng ra, góc phòng này đâu còn ai). Chàng gật đầu đáp lễ, và đọc sai mất số điện thoại cho người ở đầu dây. Chàng phải nhắc lại những con số vô nghĩa ấy thêm một lần. Chàng lơ đãng ngó bức tranh cổ động chính sách đa văn hóa treo trên tường. Chàng ngắm nàng. Nàng giống hệt những cô gái Đài Loan hay Hồng Kông, chàng thường thấy trên những tấm lịch Tàu mà chàng sưu tập rất nhiều. Nếu như có một tấm lịch Tàu treo trên tường, chàng sẽ tưởng nàng là người bước ra từ trong tranh. Cuộc điện đàm chấm dứt, chàng gác ống nghe điện thoại lên máy. Nàng quay lại nhìn chàng.

"Chào ông".

Thực ra, nàng chỉ *good morning* với chàng thôi, nhưng chàng thích dịch ra như vậy cho rõ ý của nàng (mới gặp nhau lần đầu, chắc nàng chưa gọi chàng bằng "anh" đâu). Chàng "chào cô" rồi tự giới thiệu. Nàng cười, đứng dậy chìa tay cho chàng bắt.

"Tôi tên Phương; Liêu Thục Phương. Tôi làm thiện nguyện ở bên Đa Văn Hóa".

Chàng tự giới thiệu, và bắt tay nàng; bàn tay mát lạnh và mềm mại. Chàng vui vẻ:

"Vậy mà tôi cứ tưởng cô là đồng bào tỵ nạn mới qua chứ".

Nàng cười thành tiếng:

"Thì cũng gần đúng vậy. Tôi đến từ Đài Loan".

"Đài Loan?" chàng trầm trồ, "đó là một trong những nơi tôi mơ ước có dịp ghé thăm".

Chàng chỉ ghế, ra dấu cho nàng ngồi.

"Rất mong có dịp được ghé thăm quê hương cô".

Nàng cười bằng mắt:

"Xin mời, xin mời..."

Chàng cũng cố cười bằng mắt như nàng,

"Nếu được cô hướng dẫn thì tuyệt..."

"Ồ, đĩ nhiên ông sẽ là khách của gia đình tôi..."

Người nữ đồng nghiệp Hy Lạp đi qua, gật đầu chào chàng, chàng chào lại, rồi quay lại với nàng:

"Tên cô hay quá".

Nàng khách sáo:

"Cám ơn ông".

Im lặng một lát, nàng hỏi:

"Ông nói được tiếng Trung Hoa không?"

Chàng lắc đầu. Nàng nhướng đôi mắt một mí rưỡi, ngạc nhiên:

"Cả tiếng Phổ Thông lẫn Quảng Đông?"

Chợt tiếc vì trước đây đã không học tiếng Phổ Thông cho tới nơi tới chốn, chàng cố vớt vát:

"Ừ, đáng tiếc. Thực ra tôi có biết tiếng Phổ Thông chút ít".

Đôi môi mỏng, đỏ thắm của nàng tròn lại như một chữ "O" dễ thương. Nàng nói bằng thứ tiếng Anh đầy âm hưởng Á Đông:

"Vậy sao? Ông nói tiếng Phổ Thông cho tôi nghe đi".

"Nói gì bây giờ?"

"Gì cũng được".

Chàng cố gắng nhớ lại những bài học tiếng Phổ Thông đã học, (*Nhân chi sơ, tính bổn thiện; Nam nữ thụ thụ bất thân*?) Trời ơi, sao đầu óc chàng trống rỗng thế này. Cái trí nhớ bị lục lọi làm hằn ra những vết nhăn trên trán. Chàng cố nói, bằng ngôn ngữ của nàng:

"Chào cô, cô có khỏe không?" (Thực ra, chàng nói "*Nì hảo ma?*", nếu ai nghịch ngợm dịch là "mày khỏe không?" chàng cũng chẳng bất bẻ gì được, nhưng chàng nhất định dịch theo ý chàng). Nàng reo vui bất chợt vì mừng rỡ, và tuôn ra một tràng líu lo cái ngôn ngữ lạ

lùng mà ngày xưa chàng có dịp học qua, và đã quên hết, làm chàng ngẩn người ra vì không hiểu.

Bắt gặp cái ngơ ngác trên mặt chàng, nàng bật cười ngặt nghẽo. Chàng lây cái vui trẻ thơ của nàng. Chàng nhớ lối nghịch ngợm dễ thương của thời tuổi trẻ, mỗi lần muốn cô bạn gái ngưng cười, ngưng nói, chàng chỉ việc hôn cô ta là mọi chuyện sẽ dâu vào đó. Chàng muốn nói với nàng ý nghĩ đó vô cùng, nhưng chàng ngại. Chờ cho nàng ngưng cười, chàng nghiêm trang:

"Gần mười năm trước, tôi có học tiếng Phổ Thông, nhưng chẳng có ai để nói chuyện với, nên nay quên hết rồi *đánh vần năm ngoái năm xưa, năm nay quên hết nên chưa biết gì*". Chàng dịch lại câu hát ru ngày xưa của mẹ chàng cho nàng nghe. Nàng gật đầu:

"Ừ, sinh ngữ vậy đó, thiếu thực hành là quên ngay".

Chàng đổi đề tài:

"Cô làm việc với cơ quan chúng tôi nữa, phải không?"

"Phải, tình nguyệu". Dĩ nhiên là thiện nguyện rồi, vì chính phủ càng ngày càng thiếu hụt ngân sách, dễ gì chịu mướn thêm nhân viên.

"Có lý quá, tôi sẽ có dịp học tiếng Phổ Thông".

Chàng hân hoan nói, trong đầu hiện ra một khúc phim tình cảm Đài Loan, có chàng và người cou gái Trung quốc mới quen. Trời ơi, sao mà nàng dễ thương thế này (nhưng biết thương có dễ không đây! Chàng đâm ra băn khoăn).

Chiều thứ tư, nàng lại đến. Chẳng cần khách sáo, nàng xoay ghế về phía chàng. Chàng cũng xoay ghế về phía nàng (cám ơn ai đó đã chế ra kiểu ghế xoay). Chuyện nở ra như pháo tết. Họ kéo ghế lại sát bên nhau (lần này chàng thầm cám ơn hai chiếc ghế có bánh xe). Nàng hỏi về công việc của chàng rồi kể cho chàng nghe công việc nàng làm khi còn ở Đài Bắc. Thư ký cho một hãng nhỏ. Việc nhiều, bận rộn nhưng vui. Ở xứ sở nhỏ bé đó sao chứa chan tình người. Còn ở đây, sao mà lạnh lẽo!

"Nhớ Đài Loan quá!" Nàng than thở, chàng cười:

"Tôi cũng nhớ Việt Nam".

"Anh tính về nước không?"

"Tính chứ, nhưng bây giờ thì chưa".

"Tôi nhớ bãi cát trắng như tuyết ở bãi biển Đài Trung", nàng mơ màng, "nhớ màu xanh biếc của biển buổi sáng, màu tím thẫm buổi chiều, và nhớ cả tiếng sóng rì rào vỗ vào bờ, từng đợt, từng đợt..."

Chàng cười:

"Cô làm tôi phải lòng Đài Bắc rồi đó".

"Tôi nằm mơ thấy Đài Bắc hoài!"

Câu nàng nói, nghe như một tiếng thở dài. Có phải người Á Đông nhiều tình cảm hơn người Tây phương? Với tất cả những nữ đồng nghiệp ở đây, chàng chẳng bao giờ nói với họ được lâu về chuyện trời mưa, trời nắng. Tối ngày, chỉ xoay quanh chuyện việc làm, chuyện di dân, chuyện phụ nữ bị hành hung, bị đối xử không bình đẳng... Cũng là dân lưu vong cả mà chẳng bao giờ nghe được trong giọng nói của Anna chút cảm tình cho Warsawa, của Olga chút ngậm ngùi cho Bucharest, của Raquel chút nuối tiếc cho Buenos Aires, của Katérina chút thương nhớ về kinh thành Nhã Điển, của Vina chút tiếc nhớ cho Téhéran... Họ hội nhập mau quá, họ đổi họ, thay tên, họ cố quên quá khứ, quên cái rụp. Nàng thì không thế. Mới gặp nàng lần thứ nhì, chàng đã thở được vị muối mặn trong gió biển Đài Trung nồng nàn cảm giác.

"Tiếng Anh khó quá!" nàng than. Dân biệt xứ nào mà chẳng có những khó khăn giống nhau, chàng trấn an nàng. Chàng kể, ngày xưa, lúc làm việc trong trại tỵ nạn. Một hôm chàng đọc báo cáo về một bệnh nhân bị hóc xương cá. *Fishbone* đã bị cao ủy y tế ghi lại thành *football*, lúc đọc lại biên bản, ai cũng vỡ ra cười.

"Ấy, nói thứ tiếng không phải tiếng mẹ đẻ nó phiền phức như vậy". Chàng kết luận. Nàng cười, mắt cười, môi cười. Cười chán nàng cũng ngừng lại và than thở:

"Chắc bỏ về Đài Loan quá!"

Chàng dỗ dành nàng đừng về, giải thích cho nàng nghe rằng lúc mới tới định cư ở một xứ lạ, ai cũng có tâm trạng như thế, rằng cái điều mà sách vở tâm lý gọi là *culture shock* là điều có thật, rằng chẳng bao lâu nàng sẽ quen, sẽ hội nhập đời sống mới... sẽ chẳng còn thì giờ nói chuyện với chàng như thế này. Nàng cười ngặt nghẽo. Một vài nữ đồng nghiệp tình cờ (hay cố ý?) đi qua, liếc nhìn hai kẻ tóc đen da vàng một cái. Trong cái nhìn của những đôi mắt xanh kia, chàng đọc được chút gì như ghen tị, ừ, ghen, chứ sao không. Đàn bà mà!

"Anh dám về Đài Bắc sống với em không?" nàng đề nghị (chàng nghĩ nàng đã thôi "ông, tôi" với chàng rồi).

"À... dám chứ".

"Chắc không, sao trả lời yếu xìu vậy?"

"Đúng ra thì cũng hơi ngại".

"Ngại gì?"

"Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa".

Cả hai cùng cười.

Lại chiều thứ tư (nàng chỉ làm thiện nguyện những chiều thứ tư). Trời mưa tuyết dai dẳng đã mấy hôm nay, thứ mưa mỏng như những sợi tơ ướt giăng trong không khí, vướng trên tóc trên áo tan thành những hạt bụi nước lấm tấm. Đã chuẩn bị sẵn rồi, hôm nay, chàng sẽ dùng số vốn liếng tiếng Phổ Thông nghèo nàn, học được hồi còn ở trại tỵ nạn để nói chuyện với nàng. Nói chuyện bằng tiếng Anh với nhau, ai nghe cũng được hết, còn gì những riêng tư (mà chàng đã có những gì đáng được coi là riêng tư với nàng nhỉ).

Chàng bước những bước rộn rã, vui vẻ vào văn phòng. Mắt liếc thật nhanh về chiếc bàn nàng vẫn ngồi. Chẳng có gì ở đó. Chiếc bóp phụ nữ bằng da cá sấu màu đen không có trên bàn viết, cái áo choàng màu xanh lục không vắt trên lưng ghế, không có cả đến cây bút - nàng thường viết - nằm lăn lóc trên mặt bàn. Đến cả một chút hơi hướm quen thân cũng không. Đứa bé trong chàng buồn thiu rũ xuống như thuở ấu thơ lục giỏ mẹ đi chợ về, tìm không thấy quà. Chút trẻ thơ chàng òa khóc giận hờn. Chiều nay, nàng không đến. Ngoài kia, trời mưa hoài.

Chàng bần thần về chỗ ngồi, lật sổ sách ra. Lại bận rộn như vẫn thường bận rộn. Chợt, nàng hiện ra sau lưng chàng. Chàng tưởng mình mê ngủ. Nàng đang gài những nút cuối cùng của chiếc áo choàng dài mùa đông.

"Em vừa mới đến hay em sửa soạn về?" Lời nói vụt bay khỏi sự kiểm soát của lý trí. (Câu hỏi tiếng Anh dịch ra tiếng Việt như thế, dễ thương và ngọt ngào). Nàng cười,

"Rất tiếc, em phải về".

Chàng phủ kín nàng bằng cái nhìn đầy nghi vấn. Nàng lại cười, nói rằng máy điện toán bị trục trặc, nàng không thể cho chạy những

chương trình dự tính, nàng phải ghé nhà người bạn, để sử dụng nhờ máy điện toán của bạn (mong đó là cô bạn gái); rằng tuần sau em sẽ tới nói chuyện với anh bằng tiếng Phổ Thông. Chàng nhăn nhó đau khổ,

"Bảy ngày nữa ư?"

"Ừ, bảy ngày nữa". Thời gian đủ để cho nỗi chờ mong đặc lại thành pho tượng thạch cao. Chàng cố gắng diễn tả sự đau khổ trong giọng nói và trên nét mặt:

"Tưởng em ở đây lâu, anh đem theo sách học". Chàng lục cặp, đưa cho nàng coi cuốn sách giáo khoa Hoa ngữ. Nàng trề môi với lá cờ đỏ và năm ngôi sao in trên bìa sách. Chàng giải thích:

"Anh biết em không thích lá cờ đó, anh cũng vậy. *Sorry*, nhưng anh chỉ muốn nói về ngôn ngữ".

Nàng cười, lật lướt qua vài trang sách,

"Ô, anh học siêng quá, đọc tới trang cuối cùng rồi". Nàng đứng thật gần, nhìn xuống, khuyến khích. Chàng ngước nhìn nàng, ngưỡng mộ.

"Ừ, chăm học nhưng mau quên, vì vậy anh cần một cô giáo", - *Teacher* không dịch là *cô giáo* thì dịch là gì bây giờ? - "một cô giáo nghiêm khắc nhưng dễ thương".

Nàng lật những trang đầu sách, hỏi học trò vài câu. Học trò trả lời đúng, nàng sửa giọng cho học trò. Học trò khen cô giáo nói tiếng Trung quốc duyên dáng quá, nàng cười thành tiếng:

"Dĩ nhiên, em là người Trung Hoa, anh quên rồi sao?"

Chàng cười với nàng. Nàng đứng thật gần. Bàn tay chàng muốn gỡ những sợi tóc rối vướng trên áo nàng, nhưng đầu óc bảo "Đừng, đừng!" Đầu óc nghiêm khắc nhắc nhở những vụ truy tố vì xâm phạm tiết hạnh đầy tính chất đạo đức giả chàng đã có dịp đi thông dịch ở tòa án. Giữ khoảng cách, nhớ kỹ. Đừng mơ mộng hão huyền. Đàn bà nguy hiểm lắm. Xấu đẹp gì cũng nguy hiểm hết ráo!

Chàng muốn tán tỉnh nàng vài câu, nhưng nghĩ mãi không tìm được câu nào có duyên. Sau cùng, chàng làm bộ ngơ ngẩn hỏi nàng về văn phạm tiếng Trung Hoa.

"Anh đặt câu *em nói tiếng Trung quốc đẹp lắm* đúng không?"

"Ý anh muốn nói câu *em đẹp quá*! Phải không?"

Nàng thông minh quá. Ừ, đôi khi mình có thể dùng chữ *đẹp* như

trạng từ, nhưng hợp lý nhất *đẹp* nên dùng như tĩnh từ. Chàng đồng ý với nàng, thành ra nên nói "Em đẹp quá!" cho đúng văn phạm phải không. *Nì shứ hẩn mầy li*. Em đẹp lắm. Em hẳn biết điều đó chứ nhỉ? Nàng cười:

"Thôi em về".

Họ chào nhau bằng tiếng Phổ Thông, không biết nàng có cảm thấy yêu đời như chàng không, chứ lòng chàng thì đang mở hội. Một chuyện tình đẹp nữa đây. Chàng thầm nhủ, và thấy hân hoan như vừa trúng số.

Thứ tư, buổi chiều. Tại sao cứ phải là thứ tư nhỉ, và tại sao chàng phải chờ đợi, có nghĩa gì sự chờ đợi ấy chứ. Nàng không đến, chàng loay hoay như ngồi trên ổ kiến lửa. Nàng không đến thì đã sao. Từ hai năm rưỡi nay, chàng làm việc thoải mái, dửng dưng với mọi sự, cư xử bình đẳng với mọi người, tại sao bây giờ chàng phải quan tâm đến một đồng nghiệp về chuyện đến hay không đến của nàng? Vô lý quá lắm. Cái bàn trống trơn coi trơ trẽn lạ. Màu ngà ngà của nước sơn như muốn trêu chọc thị giác. Tại sao lại là màu ngà ngà vàng lợt lạt. Sao không là màu hồng hay xanh nước biển, hay màu trắng của tuyết. Cái màu thật là vô nghĩa. Và bên cái bàn trống trải kia là chiếc ghế xoay dốt nát ù lì như giả câm, giả điếc. Cái ghế... Mà thôi, nàng không đến thì đã sao, việc gì phải gây gổ với cái bàn, cái ghế của nàng.

Nhưng sau cùng, thì ra nàng có đến. Nàng bận làm việc ở phòng điện toán. Lúc rón rén đến phía sau lưng chàng, nàng lí nhí chào bằng tiếng Anh. Chàng quay lại nhìn nàng bằng nửa con mắt (để nàng không phát hiện ra được rằng mắt chàng sáng lên). Chao ơi, giận hờn oan uổng. Nàng cười, bao giờ nàng cũng cười, hỏi chàng khỏe không. Chàng cố giấu nhiệt tình trong câu trả lời:

"Khỏe, còn em?"

"Em hả, cũng thường thôi". Nàng lại cười, đuôi con mắt phết lên khuôn mặt hình trái soan hai dấu phẩy như hai cái đuôi nhọn ở chữ cuối tên nàng.

Nàng gài nút áo choàng mùa đông (mà chàng tưởng nàng cởi nút áo choàng ra). Chàng toan hỏi "Em vừa mới đến ư?" khi thấy nàng gài hết tới chiếc nút áo cuối cùng thì nàng đã nói:

"Em phải về".

Chàng chưng hửng trong một giây, rồi làm mặt tỉnh:

"*Okay, See you next week then*".

Câu nói ngắn, chùng xuống như một nốt nhạc trầm. Về thì về, đã sao? Nhưng mà sao lại về sớm vậy. Như đọc được ý nghĩ của chàng, nàng vừa quấn khăn quàng cổ vừa nói:

"Máy điện toán bữa nay bị trục trặc". Lại trục trặc. Chàng ghét cái máy điện toán, nó chiếm hết thời giờ của nàng ở văn phòng với chàng. Nhưng cũng cái máy điện toán ấy là cái cớ để nàng có mặt ở đây mỗi chiều thứ tư. Bây giờ nếu máy hư luôn, nàng sẽ ít có lý do để đến đây. Cái máy bệnh, chàng cũng muốn bệnh theo. Trước khi quay lưng, nàng dịu dàng cười với chàng,

"Mai mốt về Đài Bắc sống với em nhé".

Chàng gật đầu, gượng cười nhìn theo cái bóng màu xanh của nàng mất hút cuối hành lang.

Chuông điện thoại reo, đánh thức chàng khỏi cơn giận dỗi trẻ con.

Có một hôm, nàng đến thật bất ngờ, lúc một giờ trưa, như thể bước ra từ mộng ước chàng. Chàng có được với nàng đúng bốn giây đồng hồ ngắn ngủi. Chàng nhớ, buổi gặp như một cơn mộng đẹp. Nàng tíu tít:

"Chào đằng ấy!" (chàng hiểu câu *Hi there* của nàng như thế). Chàng hí hửng:

"Ồ Phương, khỏe không?"

"Khỏe chứ".

"Ngồi chơi".

"Không được, em phải đi liền".

"?"

"Nè, mai mốt về Đài Bắc với em nhé".

"?"

"Em dẫn đi coi hồ Nhật Nguyệt".

"Ừ, hồ Nhật Nguyệt".

"Bye!"

Vẫn thứ tư. Chàng ngồi phờ người trước xấp giấy tờ, hồ sơ. Tuyết rơi bên ngoài. Chàng kéo lệch tấm màn cửa qua một bên nhìn vào

vùng trắng mênh mông bên ngoài. Giọng hát óng ả của cô ca sĩ có đôi mắt buồn vời vợi vọng lên trong trí chàng. *Chiều nay tuyết rơi rơi, anh không đến thăm em...* Câu hát, chàng đổi lại vị trí hai chữ *anh, em* và để giọng hát trong trí tưởng ru chàng, tham thở giùm chàng. Chàng viết lăng nhăng những chữ thứ tư trên tờ giấy trước mặt. *Wednesday, Mercredi, Miercoles, Thứ Tư...* Chàng không nhớ thứ tư viết thế nào trong ngôn ngữ nàng.

Chàng dự tính sẽ nói với nàng về những ngày thứ tư, rằng thứ tư là ngày đáng yêu nhất trong tuần lễ chàng. Thông thường chẳng ai thích ngày thứ tư vì đó là ngày làm việc, thứ tư không đem lại niềm vui như thứ sáu, thứ bảy hoặc chủ nhật. Chàng dự tính nói với nàng rằng nếu chàng có nhà in lịch, chàng sẽ cho in mực đỏ ngày thứ tư. Mỗi thứ tư sẽ là một *red-letter day* của chàng (và của nàng nữa, có phải không?)

Lúc ba giờ bốn mươi lăm phút, nàng đến với nét hối hả trong bước đi và dấu vết của sự kích động trên mặt. Nàng vừa gỡ tấm khăn quàng cổ vừa cười với chàng (bao giờ nàng cũng cười). Chiếc khăn màu nâu tối, làm nổi bật nước da trắng của nàng, nàng phủi những bụi tuyết bám trên tóc, mở mắt thật tròn, chào chàng bằng tiếng "*Hi*" quen thuộc. Chàng xoay ghế ngồi bốn mươi lăm độ, nhìn về phía nàng, ngắm nàng cởi áo choàng. Chàng hỏi nàng khỏe không, nàng gật đầu thật nhanh:

"Khỏe, còn anh?"

"Bình thường", chàng cười sau câu trả lời. Nàng lắc lắc chiếc áo choàng cho rụng hết những bụi tuyết bám trên lớp nỉ màu vàng xậm. Nàng khẽ nghiêng đầu, hỏi chàng:

"Anh biết gì không?"

"*Biết gì* là biết gì?"

Nàng nghiêng đầu:

"Em có một tin mừng".

Câu nói của nàng, chàng phải chú thích nguyên văn tiếng Anh. Nàng nói "*I have a good news*", chàng không muốn hiểu theo nghĩa các bác sĩ ở quê hương chàng hay nói với nữ bệnh nhân sau kỳ khám kỹ rằng "*Bà (hay cô) có tin mừng!*" Chàng không muốn hiểu nàng theo nghĩa đó. Nàng còn xuân sắc như cô gái mới ngoài hai mươi tuổi.

Chàng xoay hẳn ghế về phía nàng:

"Vậy sao?"

Nàng thích thú, nồng nhiệt "*yes*" với chàng. Chàng dụ:

"Nói cho anh nghe với đi".

Nàng tíu tít:

"Dĩ nhiên, dĩ nhiên".

Chàng mong cho đó không phải tin nàng sẽ trở về Đài Loan sống, sẽ di dân qua Âu châu, hay tin nàng sắp làm đám cưới (mà nàng có gia đình chưa nhỉ? Chàng mong là chưa cho tiện việc sổ sách), chàng không chờ những tin mừng loại đó. Đơn giản thôi, mà quý.

Nàng làm khó chàng:

"Anh đoán thử coi".

Chàng làm bộ băn khoăn:

"Ừ để coi, em được thư bố mẹ ở Đài Bắc?"

Nàng mím môi cười, lắc đầu:

"Sai bét".

"Bố mẹ gửi quà cho em".

Nàng lại lắc đầu.

"Em dọn qua nhà mới". Mặc cho chàng moi óc suy nghĩ và đau khổ vì đoán sai, nàng vẫn lắc đầu bí hiểm.

Chàng bóp trán suy nghĩ trong lúc nàng khúc khích cười.

"Em trúng số, phải không?"

"Anh ngớ ngẩn quá", nàng lắc đầu quầy quậy, "hôm nay anh không thông minh chút nào".

Chàng giơ hai tay lên trời:

"Thua, anh xin thua".

Nàng bước một bước dài, tới thì thầm vào tai chàng:

"Em mới tìm được việc làm".

Hơi thở nàng phả lên tóc, lên má, lên tai chàng, ấm và thơm mùi dâu chín, (chắc nàng mới nhai *chewing gum*) làm da thịt chàng nổi gai. Chàng nén cơn thảng thốt xuống, ngước nhìn nàng mừng rỡ, như thiên hạ vẫn thường mừng rỡ khi nghe một tin vui:

"Vậy sao? Xin chia mừng với em".

"Cám ơn anh. Em được giấy phép làm việc tạm thời".

"Ở đâu?"

"Một chi nhánh phụ của văn phòng anh, gần trung tâm thành phố đó".

"Ồ tuyệt quá, mừng cho em. Khi nào em bắt đầu?"

"Thứ hai tuần tới".

Chàng bẩn thẩn:

"Hôm nay thứ tư rồi!"

Nàng lập lại câu chàng nói:

"Hôm nay thứ tư rồi!"

Nàng vén tay áo, nhìn đồng hồ. Chiếc đồng hồ nhỏ như món đồ chơi vòng quanh cổ tay mảnh dẻ của nàng. Cổ tay trắng, tròn và thanh như tay một pho tượng nữ thần Hy Lạp. Nàng băn khoăn:

"Em phải về".

"Tưởng em ở lại để làm việc trong phòng điện toán chứ. Câu hỏi bật ra từ miệng chàng, như một phản xạ, làm nàng ngập ngừng:

"Ồ không, em đâu có định tới để sử dụng máy điện toán..."

Chàng toan hỏi "vậy chứ em tới đây để làm gì?" lại thôi. Cứ nghĩ là nàng tới gặp chàng thì đã sao. Dĩ nhiên nàng tới để gặp chàng, nếu không vì chàng thì nàng tới đây làm gì? Chàng dự tính sẽ mời nàng đi uống cà phê ở quán nước mang tên một nhạc sĩ thiên tài người Áo. Quán cà phê chan hòa nhạc cổ điển. Chàng hình dung ra hai người ngồi bên nhau trong quán hẹn. Ánh đèn vàng trong quán ông ả như tuôn qua kính lọc. Ánh sáng thủy tinh đó, sẽ làm nàng rực rỡ như trong huyền thoại. Và câu chuyện giữa hai kẻ tha hương lênh đênh trong tiếng nhạc giao hưởng của những hòa tấu khúc tuyệt vời sẽ đẹp như một bức tranh vẽ bằng những ước mơ, viền bằng thần thoại. Chàng cổ điển và lỗi thời không chịu được.

Nhưng chắc chàng sẽ không còn cơ hội nào mời nàng nữa. Chàng ủ rũ. Chợt nàng hỏi:

"Anh có tới chỗ đó bao giờ chưa?"

"Chỗ nào?"

"Chỗ em sắp làm việc".

Chàng mau mắn:

"Chưa, nhưng chắc chắn từ nay trở đi, anh sẽ lại đó rất thường".

"Vậy thì tốt". Nàng thở phào và bắt đầu mặc áo lại. Chàng muốn

giúp nàng khoác cái áo mùa đông lên người nhưng chàng ngại. Chàng không thích bị hiểu lầm. Chàng thở dài:

"Vậy là khỏi về Đài Bắc nữa nhé".

"Không có đâu. Vẫn về như thường", nàng lúc lắc cái đầu "Anh sẽ về với em. Mà... mà... anh có thích về với em không?"

"Sao không".

Chàng trả lời, mà không biết mình nói thật hay nói dối. Nàng tất tả ra về. Chàng nhìn theo (lần nào chàng cũng nhìn theo) cho tới khi bóng nàng mất hút cuối hành lang.

Một buổi sáng, lúc đi ngang qua bàn tiếp khách, chàng thấy nàng đứng nói chuyện với gã nhân viên. Mắt chàng đã tăng độ cận thị, nên nếu muốn nhìn nàng thật rõ, chàng phải nâng mắt kiếng lên một chút, như những ông giáo già thỉnh thoảng hay nâng mắt kiếng lên để canh học trò. Ở đây, đông người qua lại, chàng không thể nâng mắt kiếng lên để nhìn nàng cho rõ. Nhưng chàng nhận ra đúng là nàng với mái tóc cắt ngắn, môi đỏ mỏng, ngon, và đôi mắt một mí rưỡi. Lầm thế nào được. Chàng muốn chạy ùa đến, ôm nàng, nâng bổng nàng lên và xoay nàng một vòng như những cặp tình nhân thường làm trong các phim ảnh Tây phương. Nhưng rồi chàng chỉ ôm nàng trong trí tưởng. Nàng khẽ đẩy chàng ra, nhăn nhó - trong trí tưởng của chàng:

"Làm phai hết son môi của em rồi!"

Đầu óc muốn đi về phía nàng, nhưng đôi chân đưa chàng về phía văn phòng mình. Sớm muộn gì hôm nay nàng cũng sẽ đến tìm chàng. Chàng tự tin, hân hoan rảo bước về văn phòng. Cô đồng nghiệp Ba Tư cười, chào chàng buổi sáng. Cô đồng nghiệp Ba Lan chào chàng bằng cái gật đầu. Cô đồng nghiệp Hy Lạp "*Hi*" với chàng. Chàng hăng hái chào lại mọi người với hình ảnh nàng trong trí tưởng. *Các bạn khỏe không?* Câu chào hỏi công thức mòn nhẵn đầu môi. *Khỏe chứ, còn bạn? Tôi hả? Cũng thường. Cám ơn các bạn.* Hết. Chàng trở về chỗ ngồi. Lật sổ sách ra, bắt đầu một ngày đầu tháng tư. Trời lạnh ở ngoài nhưng trong lòng chàng ấm. Chàng kéo tấm màn cửa cho mảnh nắng vuông ùa vào, phiến nắng màu vàng nhạt như màu nắng chiều quê nhà chàng thuở trước. Mười mấy năm rồi, biết nắng có phai màu như kỷ niệm đang phai dần màu tươi thắm trong trí nhớ? Chuông điện thoại reo, chàng mau mắn trả lời. Có người muốn nói chuyện với

cô đồng nghiệp Ba Lan, chàng chuyển đường dây cho cô ta. Lật cuốn sổ hẹn ra, chàng nhìn những chữ Tàu vuông vắn nàng viết cho chàng, tên nàng đó, cái tên đọc lên nghe du dương như một đoạn thơ tình ngắn. Rồi chàng cứ loay hoay với buổi sáng như cậu học trò bế tắc trước một bài luận văn hóc búa. Thời gian trôi qua lặng lẽ từ giờ nghỉ trưa đến buổi xế chiều. Chẳng thấy nàng đến, chàng đâm ra nghi ngờ cặp mắt mình. Chắc chắn là chàng đã nhìn lầm ai đó sáng nay. Nếu đó là nàng thì hẳn nàng đã ghé thăm chàng rồi. Thật chán cặp mắt kiếng không đúng độ này! Tự an ủi xong, chàng yên tâm ngồi làm việc. Vậy là hôm nay nàng không đến, mà đến làm gì kia chứ, nàng đã có việc làm trong một văn phòng chi nhánh kia rồi mà. Phải quên ngay. Chàng quên, chàng tìm cách quên bằng cách ghi lại danh sách thân chủ, xếp loại theo mẫu tự A, B. C, đánh dấu những gia đình hoặc cá nhân cần sự săn sóc đặc biệt hơn. Chàng hình dung đến đời sống bên trại tỵ nạn, thiếu thốn, chật vật, đói khát, bệnh tật. Chàng nghĩ đến những người bị trả về...

"Chào anh!" Ai đó nói với chàng. Chàng quay lại. Nàng đó.

"Ủa. Em đó hả, khỏe không?"

"Cũng thường", nàng cười, như đứa trẻ lên ba lúc được quà.

Chàng xoay ghế lại, nhìn nàng cho trọn vẹn. Chàng có cảm tưởng ngực nàng không đầy ắp như buổi đầu. Nàng hơi gầy và xanh. Chàng nhắc lại câu hỏi vô nghĩa, "Em vẫn khỏe đấy chứ?" nàng gật đầu hai ba cái.

"Em phải về. Mai gặp nha".

"Ừ, mai gặp". Tạm biệt. Chàng chào nàng bằng ngôn ngữ của nàng, nàng nghiêng đầu cười thích thú, và biến mất sau cánh cửa. Chàng hình dung thấy bước nàng nhún nhẩy qua tiếng giày gõ nhịp trên sàn nhà lạnh lẽo. Hơi ấm trong lòng chàng loãng ra như khói thuốc. Chàng thấy cái buồn nao nao, váng vất phủ chụp lấy đầu óc, như cơn buồn ngủ quen thuộc thường hay quấn lấy chàng những buổi sáng chưa kịp uống cà phê.

Sáng thứ năm (hết còn là thứ tư rồi), ngày bận rộn của chàng. Thứ năm là ngày dân định cư đi lãnh trợ cấp, chàng sẽ nghe thỏa thuê những câu than vãn vì thiếu trước hụt sau, vì những nhu cầu không thể thỏa mãn, về những chật vật của đời sống di dân. Chàng đã chuẩn

bị sẩn tư thế của một người võ sĩ sung sức, sẵn sàng lên đài, chịu đòn và đánh trả. Chàng hít một hơi dài trước khi ngồi xuống ghế. Và nàng đến, thật bất ngờ.

"Ơ kìa, em".

"Ừ, em đây. Chào anh, khỏe không?"

"Khỏe, còn em?"

"Khỏe, cám ơn anh".

Chàng toan hỏi "Em đi đâu đây" lại thôi. Hẳn nàng sẽ ghét những câu hỏi ngớ ngẩn như vậy. Nàng rùn vai, co ro như con mèo ngái ngủ. Chàng liếc nhìn miệng ống thoát hơi sưởi ấm trên trần nhà. Sợi chỉ nhỏ ở đầu ống bay bay, chứng tỏ hệ thống sưởi đang hoạt động. Chàng ái ngại nhìn nàng:

"Em lạnh hở?"

Nàng nheo mắt, cười:

"Ừ, phòng anh lạnh quá!"

Chàng giải thích có lẽ người ta mở hệ thống sưởi hơi trễ thành ra giờ này vẫn còn lạnh. Chàng đưa đẩy:

"Nhưng mà anh không thấy lạnh chút nào".

Nàng tinh nghịch:

"Chắc không?"

"Chắc chứ", chàng tự tin, "anh thấy ấm áp tuyệt vời".

Nàng bước lại gần chàng. Chàng ngồi, nàng đứng. Mặt chàng ở ngang tầm ngực của nàng. Chàng chờ, vô vọng bất kỳ hành động hay cử chỉ nào nàng làm với chàng, chàng chấp nhận mọi cuộc phiêu lưu. Nhưng nàng dừng lại khi cách chàng khoảng một phẩn tư gang tay.

"Em không tin".

Chàng ngang bướng:

"Sự thật đấy!"

Chợt nàng đưa ngón tay sờ nhẹ lên môi chàng. Ngón tay lạnh ngắt của nàng làm cho môi chàng tê tê. Nàng nghiêng đầu:

"Nếu đúng như anh nói thì môi anh đâu có tái mét thế này".

Lời nói và những hành động của chàng trở nên lạng quạng. Chàng tiếc đây không phải là một chỗ riêng tư nào khác hơn là văn phòng làm việc của chàng. Giọng chàng rời rạc:

"Tại... tại chỉ lạnh ở môi thôi".

Nàng rút tay về, giấu sau lưng. Không gian chàng ngợp hương nàng. Nàng ngước nhìn miệng ống hơi lò sưởi trên trần nhà, chút bối rối vương trong giọng nói:

"Anh cần thêm hơi ấm" (nàng bảo "*You need more heat!*" chàng biết dịch các nào khác hơn được!) nàng hơi ưỡn người ra trước sau câu nói. Chàng buông cho tia nhìn lăng quăng trên ngực nàng. Chàng ghét chiếc áo nàng đang mặc. Chiếc áo màu vàng lợt. Chiếc áo cao cổ, chẳng dành cho chàng một ân huệ nào, chàng còn phải tưởng tượng. Nàng cúi nhìn chàng:

"Sao anh không yêu cầu người ta mở thêm hơi ấm máy sưởi?"

Chàng ngước nhìn nàng, mơ màng:

"Anh không thấy lạnh".

Chàng nhớ mê muội nụ hôn nào đó nàng sẽ đặt lên môi chàng. (Chàng thù ghét luật pháp xứ này, chàng không muốn hôn nàng để rồi lo lắng sợ truy tố vì xâm phạm tiết hạnh trong suốt những ngày còn lại của cuộc đời). Chàng chờ đợi miệt mài. Nàng ở rất gần chàng, nàng chỉ cần cúi xuống, không vất vả mà cũng chẳng mất mát gì. Chàng thấy những sợi lông tơ phơn phớt mỏng trên má nàng, những sợi mạch máu li ti lằng ngoằng chạy dưới làn da trắng mỏng. Chàng nghe tim mình đập không đều. Chàng hình dung thấy nàng cúi xuống, cúi xuống thật gần.

Nhưng rồi không có chuyện gì xẩy ra giữa chàng với nàng. Nàng xoay người một góc chín mươi độ. Chàng nhìn nàng, như chiêm ngưỡng một pho tượng xoay nghiêng. Nàng nhìn tấm tranh cổ động treo trên tường "*Real men don't abuse women*", mỉm cười một mình. Bức tranh có hình một gã đàn ông đang dang tay đánh một người đàn bà. Câu này, có lần chàng đã dịch ra tiếng Việt thành "*người quân tử không ức hiếp khách má hồng*". Bản dịch vẫn làm chàng bật cười mỗi lần đọc lại.

Nàng vừa xoay lại, chàng nói:

"Thứ hai này em đi làm rồi nhỉ".

Nàng nhìn chàng, dò hỏi:

"Ừ?"

Chàng ngập ngừng:

"Chắc em phải hồi hộp dữ lắm".

"Ừ", nàng đặt bàn tay lên khoảng ngực bên trái, "Em run".

Chàng sốt sắng:

"Sao vậy?"

"Tiếng Anh của em dở ẹc".

"Tiếng Anh của em khá vậy, còn đòi gì nữa?"

Nàng nũng nịu:

"Nhưng em cứ phải yêu cầu người ta nói chậm".

Chàng lập lại câu chàng vẫn nói với thân chủ:

"Ban đầu ai cũng gặp khó khăn như vậy, nhưng rồi sẽ quen. Đừng lo!"

"Em cứ lo".

Chàng dọa:

"Càng lo càng run".

Nàng nhăn nhó ra vẻ đau khổ. (Chàng thích cái vẻ đau khổ trẻ con của nàng quá chừng).

"Em chẳng biết làm sao hơn".

Chàng đùa:

"Phải chi anh có thể ngồi kế bên em, ít nhất là trong tuần lễ đầu tiên ở đó nhỉ".

Nàng tán thành, nồng nhiệt:

"Ừ, ừ, ý kiến hay, rất hay..."

Im lặng một lát, nàng chợt nói:

"Em phải về".

Chàng ngỡ ngàng:

"Hở?"

"Em phải về".

"Anh tưởng, tưởng..."

Nàng nghiêng đầu:

"Tưởng gì?"

Chàng nhìn thật sâu vào mắt nàng:

"Ồ không..."

Nàng cũng bối rối không kém chàng. Nàng "bye" chàng thật ngắn và gọn. Chàng nhìn theo bóng nàng khuất hút sau khung cửa cuối hành lang. Bây giờ chàng mới nhận ra chiếc váy màu xanh da trời nàng mặc, chiếc váy phất phơ bay quyện dôi chân nàng. Hai bắp chân thon

chàng ít có dịp nhìn thấy. Câu thơ Huy Cận về trong trí, chàng tinh nghịch sửa chữ "*áo*" trong hai câu thơ "*một hôm cơn gió tình yêu lại, đứng ngẩn trông vời áo tiểu thơ*" thành chữ "*váy*" cho đúng với khung cảnh chàng hiện tại. Chàng lẩm nhẩm đọc và cười một mình. Chiếc váy màu xanh, chàng hình dung...

Một buổi chiều thứ tư (tại sao cứ phải là thứ tư nhỉ - đôi lúc chàng tự hỏi) nàng điện thoại, vắn tắt cho chàng biết nàng muốn gặp chàng, nói chuyện. Chàng thắc mắc, nàng chỉ giải thích qua loa. Cuộc điện đàm ngắn ngủi vắng tiếng cười trẻ thơ làm chàng áy náy. Nhưng rồi, buổi chiều hôm ấy, chàng dài cổ chờ nàng cho đến hết giờ tan sở.

Một buổi chiều (chàng không còn nhớ là thứ mấy) trong lúc đang loay hoay làm bảng tổng kết cuối tháng, thì nàng hiện ra, bé nhỏ trong khoảng chữ nhật khung cửa văn phòng chàng. Tim chàng thắt lại mất vài giây:

"Kìa Phương!"

Nàng bước vào văn phòng, không chờ chàng mời, tự động kéo ghế ngồi. Hai bàn tay trắng trẻo đan vào nhau, đặt lên trên chiếc túi xách bằng da, màu đen. Đôi chân thon dài, xếp cạnh nhau, thẳng thắn. Chiếc váy ngắn màu tím than, cặp vớ lưới đen thưa mắt, đôi giày cao gót màu đen. Mắt chàng liếc qua những thứ phụ tùng trên người nàng (lần lắm chàng mới có can đảm nhìn nàng một cách kỹ lưỡng như thế, trước khi vồ vập chào hỏi) rồi mới ngước lên nhìn nàng. Chiếc áo thun lòe loẹt hoa lá làm sáng lên khuôn mặt tài tử Hồng Kông của nàng. ("*Em giống tài tử Hồng Kông quá!*" "Anh ngạo em hoài" "Không, thật mà") chàng thoáng nhận ra một vệt son lem ở cạnh môi trên nàng (chắc nàng trang điểm vội vã trước khi lại đây).

"Anh rảnh không?" Nàng không chào hỏi theo công thức vẫn dùng.

"Cũng thường".

Những ngón tay nàng bấu lấy quai chiếc túi xách, như dày vò, day nghiến:

"Chiều nay em xin nghỉ".

"Sao vậy?"

"Buồn quá!"

Những giọt nước viền ướt đôi mi. Nàng cúi đầu ủ rũ. Chàng cuống cuống:

"Chuyện gì, cho anh biết với".

Nàng lặng lẽ lắc đầu.

"Lâu nay em vẫn đi làm thường?"

Nàng gật đầu. Hai giọt nước mắt trào ra hai khóe mắt. Cặp môi đỏ mỏng của nàng hơi mím lại, như đang cố nén những tiếng nghẹn ngào. Chàng buông cây bút trên tay xuống bàn, ngồi dờ ra, ngơ ngác:

"Sao vậy?"

Hai giọt nước mắt tuột xuống, lăn dài trên đôi má xanh xao của nàng làm chàng hốt hoảng:

"Nói cho anh nghe được không?"

Nàng lặng lẽ khóc. Hai tay chàng loay hoay, vật vã, như bị tra tấn, đóng đinh trên mặt bàn. Chợt nàng nói:

"Chắc em về Đài Bắc quá".

Chàng ngẩn ngơ, im lặng. Nàng tiếp:

"Em phải về".

"Biết, anh biết. Nhưng mà có chuyện gì?"

Chàng cuống quá, đâm ra mất lịch sự. Lẽ ra chàng phải tìm giấy Kleenex lau nước mắt cho nàng, hay ít nhất cũng đưa cho nàng lau nước mắt. Đàng này, chàng cứ ngồi ngây ra như tượng đá.

Nàng thổn thức:

"Em bị kỳ thị".

A, thì ra thế. Chuyện này, chàng hiểu rõ quá mà. Chàng từng bị kỳ thị và sẽ còn bị kỳ thị trầm trọng, dài dài. Nàng mới bị đây, đâu đã nghĩa lý gì. Chàng toan đem sách vở và kinh nghiệm bản thân ra để an ủi thì nàng đã ngước lên, nhìn thẳng vào mắt chàng. Đôi mắt ướt nhòe làm khuôn mặt nàng buồn ướt át như cảnh một khu vườn trồng cây cảnh sau cơn mưa.

"Anh nghỉ chiều nay với em được không?" nàng nói.

Chàng liếc nhìn đồng hồ treo trên tường. Mới hai giờ chiều. Chàng sốt sắng:

"Được chứ".

"Có phải xin phép ai không?"

"Không, anh sẽ làm bù bữa khác". Chàng đẩy ghế, đứng dậy.

Nàng mở xách tay, lấy miếng giấy nhỏ, chậm nước mắt. Chàng muốn vỗ về, an ủi, nhưng sao chàng cứ ngập ngừng ngậm những câu hỏi han trong miệng, lúng búng như đứa bé ngậm cục nước đá lạnh buốt, nuốt vào không được mà nhả ra cũng không xong.

Chàng đưa nàng đi ăn tối. Ngày thường, nhà hàng vắng khách. Chàng gọi những món ăn lạ hoắc:

"Thử cho biết".

"Ừ, thử cho biết". Nàng cười, tán đồng.

Chàng gọi hai ly rượu khai vị, lúc chàng nâng ly, tính cụng với nàng, nàng nghiêng đầu:

"Anh tính cụng ly để mừng chuyện gì?"

Chàng - đâm ra lãng mạn như nhân vật truyện Quỳnh Dao - cũng nghiêng đầu theo nàng:

"Mừng em và anh".

Nàng vui vẻ cụng ly với chàng.

"Và hẹn ngày về Đài Bắc?"

Chàng uống một ngụm rượu cay, nồng:

"Ừ, Đài Bắc".

Nhấp xong một ngụm rượu, nàng đặt ly xuống bàn, nhìn chàng.

"Em còn nghe được tiếng gió hú trên bờ hồ Nhật Nguyệt".

Đôi mắt nàng lấp lánh - chàng nghĩ - như ánh sao trên bầu trời đêm Đài Bắc. Chàng thấy những lề đường lát gạch thẳng thớm, sạch sẽ. Những cô bé học trò đồng phục áo sơ mi trắng, váy đầm xanh, giày ba ta trắng, tung tăng từng nhóm theo nhau đến lớp học.

"Em mơ có một căn nhà nhỏ bên bờ hồ..."

Chàng nuốt cân nói đầm thấm của nàng như nuốt một miếng xoài chín ngọt lịm.

"Nhà phải có một cái vườn nhỏ", nàng hớp thêm một ngụm rượu, "trong vườn trồng cây kiểng..."

"Em thích trồng hoa gì?" chàng ngắt lời nàng. Nàng đáp, không suy nghĩ:

"Hoa lan, em thích hoa lan đài các. Còn anh?"

Chàng ngẩn người ra suy nghĩ. Kiến thức về thực vật của chàng nghèo nàn trầm trọng. Chàng chỉ nhận diện được vài loại hoa thông thường, như hồng, cúc, mai, huệ, và bông giấy. (Có phải những Hồng,

Cúc, Mai, Huệ ngày xưa còn để lại trong trí nhớ chàng nhiều kỷ niệm ngọt ngào, và giàn hoa giấy vắt bên hiên nhà ai còn nở đầy trong những khoảng vuông ký ức chàng?)

"Anh thích trồng hoa gì?" nàng nhắc, như thể khu vườn sau căn nhà mộng tưởng của nàng đã có chàng đứng tên trong tờ khai gia đình ("Ở Đài Bắc người ta có cần làm tờ đăng ký hộ khẩu không nhỉ?" Ý nghĩ lóe sáng trong đầu chàng rồi vụt tắt). Chàng ngập ngừng:

"Bất cứ loại hoa nào em chọn".

Nàng lim dim đôi mắt, mở hé một nụ cười có hai chiếc răng cửa trắng bóng dưới ánh đèn.

"Em sẽ trồng thật nhiều lan".

Chàng gật gù:

"Chắc là đẹp lắm".

"Dĩ nhiên".

Người bồi bàn đem những đĩa dồ ăn ra bày trên bàn. Nàng nhìn miếng thịt chan đầy nước sốt màu đỏ cam.

"Chết rồi, em chưa quen dùng nĩa".

"Thì cứ từ từ, rồi sẽ quen; *take your time*". Chàng trấn an nàng.

"Cầm nĩa tay phải hay tay trái?" nàng thì thào, chàng lại cười.

"Thuận tay nào cầm tay đó". Nàng cúi đầu về phía trước, gào lên trong tiếng thì thầm:

"Không, có quy luật đàng hoàng mà".

"Ừ thì..." chàng suy nghĩ một giây, "nhưng mà sao cũng được. Xứ tự do mà".

Nàng cười híp hai mắt.

Suốt bữa ăn, nàng nói toàn chuyện Đài Bắc. Chàng thích thú theo dõi chuyện nàng. Chỉ còn thiếu tiếng nhạc với những âm giai ngũ cung. Nàng làm chàng thấy mê Đài Bắc và thèm được sống ở thành phố quê hương nàng, như đứa con tha hương mơ tưởng một nơi chốn trở về. Đôi mắt một mí rưới của nàng, như hai sợi chỉ trên khuôn mặt nàng gợi chàng nhớ về những liên hệ dĩ vãng căng thẳng giữa hai dòng Hán và Việt tộc. Ngày xưa tổ tiên nàng đã làm khổ tổ tiên chàng đến mực nào. Nhai miếng thịt ngọt mềm trong miệng mà chàng nhớ đến những Tô Định, những Thoát Hoan, những nhà Minh, nhà Thanh, nhà Tống. Những người dàn bà đẹp đứng ở chỗ nào trong lịch sử xâm

lăng của Trung quốc nhỉ? Và chàng, cái gã thanh niên của một tiểu quốc man rợ phương Nam (người ta đã chẳng từng gọi dân tộc chàng là bọn Nam man đó sao?) đứng ở chỗ nào troug cái nhìn của người con gái họ Liên này nhỉ. Chàng hớp thêm một ngụm rượu, nhìn nàng soi mói. Sợi dây chuyền đậm nét viền vàng trêu cổ nàng. Đôi bông tai cẩm thạch xanh biếc lấp lánh ánh đèn. Đôi má uàng đỏ hồng vì men rượu. Ánh phản quang biếc xanh từ những mảnh đá quý nàng đeo trên người rọi vào mắt chàng. Đây rồi, chàng đã tìm ra câu trả lời. Tổ tiên chàng đã phải lên núi săn voi lấy ngà, xuống biển mò ngọc trai triều cống phương Bắc. Những châu báu mồ hôi nước mắt dùng làm đồ trang sức cho những người đàn bà mắt một mí, da thơm, dáng liễu như người con gái ngồi trước mặt chàng.

"Làm gì anh nhìn em hoài vậy?"

Chàng lừng khừng:

"Anh đang ôn lại lịch sử".

Nàng nhướng đôi mày:

"Lịch sử?"

"Ừ, lịch sử".

"Tại sao?"

Chàng nâng ly, hớp một ngụm rượu cay, chậm rãi:

"Mối quan hệ giữa hai sắc tộc Việt, Hoa".

Nàng sụ mặt xuống:

"Chuyện chiến trauh hở?"

"Không", chàng chối biến, "Anh tự hỏi từ xưa tới giờ, đã có được bao nhiêu đôi tình nhân Việt Hoa như mình". (Chàng coi nàng như nhân tình từ lúc nào uhỉ?)

Nàng uống một ngụm rượu, liếm môi, nhăn mặt và rùng đôi vai. Chàng thấy những giọt nước làm ướt đôi mắt long lanh của nàng. Nàng hít hà vì cái cay nồng của rượu.

"Ít lắm, gái Trung quốc chỉ kết hôn với đàn ông Trung quốc".

Chàng cay cú:

"Còn em?"

Nàng tinh nghịch:

"Em không còu là gái Trung quốc nữa, em là gái Đài Loan..."

Chàng vẫn cay cú:

"Thì có gì khác!"

"Trung quốc có vua Nghiêu vua Thuấn, có Vạn Lý Trường Thành thì cũng có cách mạng văn hóa, có Thiên An Môn", nàng mơ màng nhìn lên trần nhà, "Đài Loan bây giờ mới đích thực là Trung Hoa của người dân Trung quốc. Khi tổ tiên em bỏ chạy ra Đài Loan, các cụ đã bỏ lại nhiều thứ, của cải, tài sản, đất đai, đồng thời cũng bỏ lại luôn những lề thói xấu xa cũ mòn, cái chất bạo ngược còn vương lại ở lục địa, nên mới xảy ra vụ Thiên An Môn. Anh nhớ Thiên An Môn không?"

Hình ảnh người sinh viên gầy gò đứng chặn trước xe tăng hiện ra trong trí chàng. Lần đầu tiên nàng nói với chàng một câu dài như vậy mà không vấp váp. Đôi mắt ươn ướt của nàng làm chàng ngỡ nỗi xúc động trong nàng sắp trào ra thành những giọt nước mắt trong vắt.

"Người Đài Loan đứng về phía nhân loại nhân bản". Nàng kết luận và nâng ly rượu lên môi. Chàng gục gặc cái đầu. Hình ảnh những ngọn đèn vàng trong quán quay quay theo những cái gật đầu của chàng.

"Bây giờ kể chuyện Đài Bắc cho anh nghe đi".

"Đài Bắc, ừ... em kể tới đâu rồi nhỉ... Sao mà quán nóng nực quá!" nàng nói và đưa tay gỡ bớt một nút áo cổ, mở ra trước mặt chàng một khoảng ức hình tam giác trắng ngần. Bàn tay nàng xoay xoay ly rượu, cạn cũng không kém gì ly của chàng.

Ăn chưa no, nhưng men rượu nóng ran người làm chàng thấy choáng váng.

"Mình về đi anh!"

"Ừ".

"Em chóng mặt quá".

"Tại rượu đó. Một chút hết liền". Chàng không dám nói là chàng cũng thấy trời đất quay quay không thua gì nàng.

Trả tiền xong, chàng đỡ nàng đứng dậy, loay hoay dìu nàng ra xe. Gió đêm mát rượi làm chàng tỉnh hẳn người nhưng nàng thì vẫn trĩu nặng trên cánh tay chàng.

Chàng ì ạch đỡ lấy thân thể mềm rũ của nàng, như đỡ một bọc hành lý đệm bông gòn. Những bậc cầu thang khó níu lấy những bước chân chập choạng như muốn xô ngã hai người. Khung hành lang dài

hun hút nhá nhem ánh đèn. Nàng ú ớ cười cười nói nói những câu tiếng Phổ Thông vô nghĩa với chàng.

"Phòng số hai lẻ hai", giọng nàng nhừa nhựa. Chàng thở hổn hển.

"Chìa khóa đâu?"

Nàng lắc lắc chiếc xách tay. Tiếng chìa khóa chạm nhau kêu leng keng. Chàng kiên nhẫn chờ, nhưng bàn tay nàng quờ quạng, run rẩy không mở nổi cái dây kéo. Nàng nhướng mắt, lim dim ra lệnh:

"Mở ra đi".

Chàng buông một tay, để người nàng dựa vào chàng, nặng trĩu, và loay hoay mở dây kéo chiếc túi xách. Bàn tay chạm vào những món đồ lạ hoắc, chàng cúi xuống nhìn cho kỹ. Một cây bút chì kẻ mắt, vài cây son môi, chiếc gương soi mặt tròn nhỏ nhắn, một vỉ thuốc có những viên thuốc màu ngà tròn tròn, xinh xắn. Chàng loay hoay thử tra từng cái chìa một vào ổ khóa. Thử mãi cũng phải tìm được. Cái đầu lòa xòa tóc tai của nàng nghiêng ngả:

"Xong chưa?"

"Gần xong".

"Cái chìa khóa màu vàng".

"Thấy rồi".

"Mệt quá!"

"Rán chút nữa thôi".

"Chóng mặt".

Chợt nàng lên giọng ngâm nga một bài hát tiếng Phổ Thông lạ hoắc. Đầu nàng gật gù theo nhịp hát. Chàng mệt muốn đứt hơi nhưng vẫn thấy lòng lâng lâng. Mùi tóc nàng, mùi dầu thơm, mùi rượu trong hơi thở nàng quyện lấy không gian chàng, làm chàng ngây ngất.

Chàng xoay vòng nắm cửa. Cánh cửa mở ra he hé. Chàng dìu nàng bước vào vũng tối. Nàng ngả người dựa vào khung cửa, làm cánh cửa đóng sập lại, gây nên một tiếng động chát chúa trong thinh lặng của đêm.

Bóng tối chụp lấy nàng. Chàng quờ quạng tìm chỗ công tắc điện.

"Anh đâu rồi?" nàng rên rỉ.

"Anh đây".

Những móng sắc chạm vào má chàng, những ngón tay khô rờ rẫm môi chàng.

"Hôn em đi".

"*What?*"

"Hôn em như hôn một người tình đi. Đừng hôn xã giao".

Chàng ghé sát mặt nàng, bắt gặp những tia sáng long lanh trong đôi mắt ướt. Hơi thở nàng nồng cay mùi rượu.

"Yêu em không?" nàng hỏi bằng hơi thở.

"Yêu".

"Về Đài Bắc với em".

Chàng ngắt lời nàng bằng một nụ hôn. Đôi môi nàng có vị mặn của muối, vị cay của rượu và cái mềm mềm, âm ấm của dục vọng. Nàng khẽ đẩy chàng ra:

"Bỏ xứ này đi, về Đài Bắc với em". Chàng liếm vị rượu cay cay ngọt ngọt còn sót trên môi nàng. Nàng tiếp:

"Ở đây không có tình người".

Chàng luồn những ngón tay xuống dưới áo nàng. Chàng cảm thấy người nàng hơi ướn lên vì nhột. Trăm ngàn ý nghĩ rụng xuống đầu óc chàng như những chiếc lá mùa thu sau một cơn gió mê muội. Chàng nghĩ tới những vụ thưa kiện lôi thôi vì xâm phạm tiết hạnh, những ghen tương vớ vẩn, những thù hằn quá khứ, những mối hận chưa trả được. Ơi suốt một ngàn năm nô lệ phương Bắc, đã có bao nhiêu người con gái phương Nam phải về làm tì thiếp cho vua quan Hán tộc. Bàn tay chàng chà nát ngực nàng như vo tròn nỗi căm hận mất nước. Người nàng uốn éo, nhưng môi vẫn ngậm cứng lấy môi chàng như uống cho đầy liều thuốc hồi sinh.

"*My love!*" nàng thì thầm gọi. (Lẩn đầu tiên có một người con gái dị chủng gọi chàng bằng hai chữ anh yêu, *my love*...). Chàng ép cứng nàng vào khung gỗ cứng thanh cửa dầy. Nàng rên rỉ:

"*I love you!*"

Chàng không nói "*I love you too*", như những cặp tình nhân thường nói với nhau như một công thức bất biến, mà nuốt vội những lời yêu đương của nàng.

"Phải về Đài Bắc anh à!" Nàng thổi những cảm giác cong cớn vào tai chàng. Người nàng mềm rũ và từ từ sụm xuống. Chàng vừa nhoài người dỡ lấy khối nàng mềm trĩu nặng vừa loay hoay dùng chân tuột bỏ đôi giày. Chàng dìu nàng lết những bước ngắn trong đêm tối, trên nền thảm mềm mại. Chợt chàng vấp phải vật gì đó như đôi giày

bỏ trơ vơ trên nền nhà và ngã nhào, kéo theo nàng. Nàng nằm đè lên người chàng, nặng nề, ngộp thở. Nàng loay hoay tìm môi chàng, và lại hôn chàng cuống quýt. Chàng lật ngửa nàng xuống. Hai tay nàng níu chặt lấy cổ chàng.

"Làm tình với em đi!" nàng ra lệnh, hối hả như sợ chàng nghe thấy. Chàng cuống quýt mò mẫm từ lưng qua ngực nàng, tìm hàng nút áo.

"Mau đi". Nàng hối thúc. Chàng lúng túng gỡ bỏ đôi giày cao gót của nàng.

"Mau!" nàng sôi nổi. Chàng xé toạc chiếc vớ lưới mỏng vướng ở chân nàng.

"Làm tình với em đi!"

Chàng ngấu nghiến nằm lên người nàng, chuếm đoạt hung hăng.

Lịch sử - ý nghĩ bạo tàn lướt qua trí chàng - mình đang làm lịch sử, mình đang làm Nguyễn Trãi, trả thù cho Nguyễn Phi Khanh. Nàng rên rỉ, uốn éo thân thể như loài trăn miền núi rừng nhiệt đới. Chàng cắn nát vành tai nàng, thay cho những lời gào thét hoang dại của kẻ chinh phục chiến thắng.

"Về Đài Bắc... với em... về Đài... Bắc... với... em!"

Tiếng nàng rên rỉ, ngắt quãng nhịp nhàng, như điệu ca rời của một khúc quân hành lúc đoàn quân sắp tan hàng, rã đám.

Chàng thức giấc trong tiếng nhạc mềm dìu dặt, lời ca tiếng Phổ Thông chàng không hiểu nhưng âm hưởng của điệu nhạc thì nghe quen, rất quen với chàng. Khoảng trần nhà màu trắng mở ra trong trí nhớ chàng một khoảng trống hoang mang. Mình đang ở đâu đây? Chàng xoay đầu nhìn quanh quất căn phòng lạ hoắc. Một mảnh nắng dài vắt ngang bộ sa lông màu nâu xậm. Nhỏm dầu dậy, nhìn quanh, chàng thấy mình nằm trên nền thảm xám một phòng khách vuông vức. Chiếc mền mỏng phủ trên người, chiếc gối mềm lót vải thêu đệm phía dưới đầu chàng.

Tiếng nhạc vọng ra từ một phòng nào đó ở phía trong. Chàng chống tay ngồi dậy, nhìn quanh. Quần áo chàng, ai đó xếp gọn ghẽ bên cạnh chỗ nằm của chàng. Cả đôi giày và cặp vớ cũng nằm ngay ngắn cạnh đó. Chàng ngồi thẳng người, chiếc mền mỏng tụt xuống. Chàng bắt gặp thân hình trần trụi trơ trẽn của mình. Chàng chụp vội

lấy chiếc áo sơ mi, khoác lên người. Tiếng hát óng ả quyện trong chuỗi âm thanh lẳng lơ từ cuốn băng nhạc Trung Hoa nào đó lênh đênh trong khung cảnh êm ả của buổi sáng. Chàng nhớ ra rồi. Chàng đang ở trong *apartment* của nàng. Lòng mềm xuống, thoải mái. Chàng nhìn bức tranh tiên nữ hái đào tiên ("Sao cứ phải là đào tiên mới được nhỉ" chàng nghĩ) cuốn lịch Tàu có hình tài tử Đài Loan, tượng một vị thần mập mạp, mặt mũi đỏ gay, nghiêm khắc, đứng trên chiếc kệ nhỏ trong góc phòng khách. Chàng thấy mình đang ở Đài Bắc, trong một căn nhà nhỏ bên hồ Nhật Nguyệt. Căn nhà có miếng vườn, trồng đầy hoa lan đài các.

Nàng từ đâu đó chợt hiện ra trong khoảng hành lang hẹp. Chiếc áo choàng lụa màu mỡ gà lấp lánh những chữ Tàu ôm gọn thân thể nàng, từ cổ đến gót chân. Mắt chàng sáng lên, tay chàng gài vội chiếc nút áo cuối cùng trên ngực:

"Ồ, công chúa!" chàng ngơ ngẩn cả người.

Mái tóc đen mượt nàng buông xuống, ôm gọn đôi vai tròn. Chiếc áo gói kín nàng buộc bằng sợi dây thắt lưng màu ngà quấn quanh bụng, như miếng lá chuối gói quanh chiếc bánh tét. Chàng đờ đẫn nhìn hai bàn chân trần, có những móng sơn màu đỏ, đang đếm những bước nhẹ trên nền thảm dày. Nàng dưa hai tay về phía chàng, như người mẹ đưa tay đón bồng đứa con nhỏ. Nụ cười làm khuôn mặt nàng quyến rũ điếng người. Chàng thèm khẩn cấp một nụ hôn. Lâu lắm rồi, chàng mới có lại được cảm giác thèm muốn đó. Chàng thèm hôn nàng ngay lập tức.

"Anh ngủ ngon không?"

Chàng loay hoay đứng dậy. Lúc cử động, chàng còn thấy nhói đau ở lưng có lẽ vì cái ngã đêm hôm trước.

"Tuyệt!"

Tới giờ, chàng cũng chưa nhớ ra hết những gì đã xảy ra, nhưng quả thực chàng đã có một đêm tuyệt vời, không trần trọc với những suy nghĩ vẩu vơ, những thức giấc nửa khuya, những chiêm bao ẩn ức. Nàng đến bên cạnh chàng, nghiêng đầu tránh nụ hôn và cười:

"Em cố khiêng anh lên *sofa* nhưng anh nặng quá".

Chàng hỏi, ỡm ờ:

"Em nỡ bỏ anh lăn lóc như đứa bé mồ côi".

Nàng ngơ ngác, chắc nàng không hiểu hai chữ *orphan*, hay tại chàng phát âm dở? Chàng tiếp:

"Chắc anh giống hệt những kẻ không nhà ngủ lây lất trong công viên".

Không gian nàng lâng lâng mùi nước hoa. Nàng choàng tay qua, sửa cổ áo chàng cho thẳng thớm. Chàng thèm khẩn cấp một nụ hôn. Chàng chồm tới, nàng nghiêng đầu tránh:

"Tắm đi, rồi ăn sáng với em".

Nàng nói, hiền như một người vợ ngoan. Chàng lừng khừng đi về phía nhà vệ sinh, tiếng nhạc quen thuộc lạ lùng. Hình như đó là bài hát nàng đã ngâm nga trong cơn say đêm hôm trước. Nước lạnh quét cơn buồn ngủ ra khỏi đầu óc chàng. Căn phòng ấm cúng này. Nếu như chàng dọn về đây ở với nàng nhỉ. Gọn quá. Tội tình gì phải dọn qua Đài Bắc. Chính nàng đã là Đài Bắc rồi, còn phải tìm đâu xa, cũng như chàng đã là Sài Gòn khởi từ những ngày lưu lạc. Hình ảnh một lễ cưới tưng bừng hiện ra rõ nét trong trí chàng. Chàng tắt nước, ngập ngừng lấy chiếc khăn tắm màu hồng mềm mại của nàng. Chiếc khăn còn ẩm nước. Chàng ngửi được mùi tóc, và dường như cả mùi da thịt nàng trên những tơ vải dày. Chàng bỗng lại thèm quá đỗi, một nụ hôn. Lúc chàng bước ra ngoài, nàng đang loay hoay với cái bình lọc cà phê.

"Anh thường ăn sáng món gì?"

Chàng nghĩ đến những gói mì ăn liền.

"Gì cũng được".

"Bánh mì và trứng gà chiên nhé?" Hình ảnh những tô mì ăn liền mờ đi trong trí, chàng hân hoan:

"Ừ!"

Nàng gõ nhẹ lên bình cà phê, lẩm bẩm:

"Bị kẹt hoài".

Chàng đến sát bên nàng, choàng hai tay, ôm lấy đôi vai tròn, thì thào:

"Lát nữa anh sửa cho".

Nàng vẫn loay hoay, gõ gõ trên nắp bình lọc cà phê.

"Anh thèm một nụ hôn". Chàng ghì lấy vai nàng, vùi mặt vào rừng tóc đen mượt.

"*Me too!*" nàng thì thào.

Cuối cùng, họ cũng chẳng về sống với nhau, nàng cũng không hề đưa chàng ra tòa vì tội xâm phạm tiết hạnh (ở đây xảy ra hoài cái chuyện trai gái đi chơi đêm về, ở với nhau, cuối cùng người đàn bà thưa người đàn ông ra tòa vì tội hiếp dâm mà chàng không thể nào hiểu được). Giấy thông hành và giấy phép làm việc tạm thời của nàng đã hết hạn, nàng bỏ chàng cái rụp. Chàng vẫn tiếp tục ở trong căn phòng chung cư của chàng với những gói mì ăn liền buổi sáng và buổi tối. Nàng trả lại căn phòng thuê, và khăn gói biến đi vào khoảng mịt mù của trí tưởng có cái tên Đài Bắc.

"*Khi anh nhận được thư này, chắc em đã về tới Đài Bắc rồi. Đừng lo cho em, mọi chuyện sẽ đâu vào đấy*". Chàng muốn gào lên ngay trong văn phòng, giữa giờ làm việc. Sẽ đâu vào đấy làm sao được chứ. Người đi làm sao buồn bằng kẻ ở lại, "*Nếu không có gì trở ngại, em sẽ lấy chồng vào đầu mùa xuân năm tới. Anh đang giận em đấy phải không? Đừng giận em nhé T. Dù là dân đảo quốc, em vẫn bị ràng buộc bởi những khắt khe vô lý của lục địa. Anh ấy là giám đốc cái công ty mà ngày xưa em làm thư ký. Anh nhớ không? Song thân em đã quyết định rồi...*" Chàng cố hình dung cái ông- Vua-Cần-Long-Bố-nàng và cái-bà-Từ-Hi-Thái-Hậu-Mẹ-nàng, nhưng chỉ thấy troug ảo giác vũng biển Đài Trung ngập sóng, và gió biển từ ngoài khơi quất vào bờ cái vị mặn nồng nồng của muối. "*Cho tới bây giờ, em vẫn tự hỏi không biết anh có yêu em không*" (tiếng Anh sao mà nghèo nàn, chàng biết hiểu chữ *Love* của nàng là *thương* hay *yêu* đây) *Không biết anh có yêu em không*. Đầu óc nàng cũng nặng chất tiểu thuyết Quỳnh Dao lắm chứ. Chàng cay cú nghĩ. Dĩ nhiên là yêu nàng rồi. Giác quan thứ sáu nàng bỏ ở chỗ nào? Nàng không đọc được những điều chàng muốn nói và toan nói sao hở trời!

"*Chắc anh chỉ quý mến em như một đứa em gái nhỏ. Nếu yêu em, anh đã hỏi cưới em rồi, phải không? Nếu có chồng Canada, em đương nhiên sẽ được ở lại Canada, khỏi phải gia hạn giấy thông hành. Chắc anh không yêu em đâu*".

Chàng hình dung nàng ngồi đó, trên chiếc ghế đối diện chàng, tia nhìn hạ thấp xuống mặt bàn, tia nhìn có những giọt nước long lanh. Hai bàn tay trắng trẻo đặt lên cái túi xách bằng da màu đen. Đôi chân dài mang vớ lưới đen mỏng xuôi bên nhau mất hút dưới chiếc váy ngắn màu tím than, đôi giày cao gót cũng màu đen...

"*Những người con gái có hai đời chồng như em chắc không có được một chỗ nào trong trí nhớ của anh*". Tia lửa nóng quét phừng lên mặt, chàng ngấu nghiến đọc tiếp, "*mùa xuân tới em làm đám cưới, nhưng hình ảnh người chồng hay người tình thứ nhất (anh đó) sẽ không bao giờ phai mờ trong ký ức*".

Chàng ngây người ra như pho tượng. Nàng yêu chàng đến thế sao? Lá thư không ghi địa chỉ nàng ở Đài Bắc. Chàng muốn gào thét như một gã Samurai thất tình. Câu thơ ai đó viết ngày xưa, *Anh có yêu không để thất tình*, chàng còn nhớ. Yêu quá đi chứ sao không. Mà tại sao nàng không hỏi thẳng chàng lúc trước. Anh thù cái thằng-cha-Tần-Thủy-Hoàng-chủ- hãng-cũ-của-em, thù cái ông-vua-Càn-Long-bố-em, thù luôn cái bà-Từ-Hi- Thái-Hậu-mẹ-em, thù hết ráo những kẻ đã xâm chiếm nước anh, đã đổi nước anh thành An Nam Đô hộ phủ, đã đòi tổ tiên anh triều cống hằng năm. Và anh yêu em vô cùng, biết không?

"*Are you Okay, T.?*" Cô đồng nghiệp người Ba Lan đánh thức chàng khỏi cơn cay cú. *Mày có sao không vậy*. Chàng đang bực cứ hiểu *You* là *Mày*, có chết ai đâu. Chàng lúng túng:

"Ô, không, tôi khỏe ru à".

Chàng cười, nhưng cái nhìn đầy dấu hỏi trên mặt cô bạn khiến chàng nghĩ nụ cười của chàng hẳn là méo mó, thảm hại. Chàng nhấn mạnh:

"*I'am quite okay. Thanks*".

Vậy là hết một chuyện tình. Đài Bắc đã bỏ chàng. Trời ạ, mặt mũi thế này mà lại bị thất tình. Dù nàng có viết thế nào đi nữa thì thực tế là nàng vẫn bỏ chàng. Những dải lụa Hàng Châu, những người con gái đất Trường An có gì để chàng phải lưu luyến? Chả còn lý do gì để mơ tưởng đến một căn nhà bên bờ hồ Nhật Nguyệt, hay một hẹn hò trên sóng nước Đài Trung nồng nàn nắng gió. "Từ giã", chàng thì thầm.

"*Chai chiên*", chàng nghe được câu từ biệt bằng tiếng Phổ Thông của nàng và bỗng dưng ngửi cả được hơi thở nàng thơm mùi đậu chín.

Thứ tư 16-6-1993

YÊN TY

câu hỏi

Biết bao lần mình đã nói chia ly?
biết bao lần mình lại về điểm hẹn
biết bao lần mình chờ ngày-không-bao-giờ-đến
con thuyền đưa mình về nơi bến uyên nguyên.

Nếu giữa chúng mình chẳng có nợ duyên
thì tại sao, tại sao mình gặp gỡ
không có tình yêu thì đâu có tình lỡ?
không có mong chờ sao biết có yêu thương?

Đâu phải em là nàng Mỵ nương
mơ với trái tim không hình bóng
để thuyền ai trôi ngoài lề giấc mộng
hạnh phúc qua trong nỗi ơ thờ?

Đâu phải em chỉ muốn là nàng Thơ
vờn dưới gót mối tình anh đằm thắm
là nền tranh cho anh nhìn ngắm
mà áo bay không chạm đến tay người.

Em muốn là một tiếng chim vui
bên tai anh hót lời tình tự
em muốn là một bờ tóc rũ
bên vai anh nghiêng xuống êm đềm

Em muốn là những sợi mưa đêm
ru giấc ngủ anh tròn mộng mị
em muốn là vòng tơ trắng mịn
hong hồn anh những giọt sương buồn

Lòng em hoài như một tấm gương
soi hình anh trong giòng thương nhớ
đôi bờ xa lặng nhìn qua cách trở
như mình còn trông ngóng tin nhau.

Ngày về đâu năm tháng về đâu
bao giờ mình về nơi hội ngộ?
khi tất cả là nghìn trùng sóng vỗ
mình có gặp lại nhau ở chốn vô cùng?

ĐOÀN NHẬT

không thấy mình đâu

Ngày đưa bước chân như chẳng có
Nắng gió không nói năng điều gì
Trở về thăm những nơi bỏ ngỏ
Dọc đường bỏ lại nỗi sân si.

ẩn kín đất trời không nỗi nhớ
Có thực đợi chờ đã sớm mai
Một chút sóng đời gió đập vỗ
Một lần lầm lẫn giữa mây bay.

Cho riêng thầm lặng tình tự kín
Nghe đã nhiễm đau tiếng chim ran
Đường hai bên lá non đúng hẹn
Lắng lòng nỗi ẩn khuất vỡ tan.

Giữa chừng miếng ngày không chỗ đứng
Một chút gieo neo tắp cuối trời
Tìm lại tình nào đã hóa bướm
Trên sắc bóng ngày nhạt nỗi đau.

Quá trưa một dòng sông sáng nước
Giữa hiện hữu thân thế tiêu vong
Dõi theo thánh thiện ở phía trước
Cuối ngày bỗng đến một vùng không.

ẩn dấu kỹ mình trong hẻm hóc
Những u tình bung nụ hoa đầu
Mọi thứ đi qua cùng khổ nhục
Giữa phù sinh không thấy mình đâu...

NGÔ NGUYÊN DŨNG

đàn lạnh

Chúng tôi cưới nhau vào một ngày mưa cuối đông, nhằm tết ta. Phượng muốn như vậy. Không thân nhân, cũng không có người đồng hương nào tại tỉnh lẻ này, chúng tôi vớ lấy hai người bản xứ đi đường, giãi bày qua loa, nhờ họ làm người chứng. Sau khi hoàn tất các thủ tục hành chánh, hai người chứng bắt tay, chúc mừng chúng tôi trọn đời hạnh phúc. Người đàn bà ôm Phượng, áp mặt vào má nàng. Phượng đỏ mặt ngượng ngùng. Chúng tôi ngỏ ý mời họ vào quán cà-phê đối diện tòa đô chính, nhưng không ai có thì giờ. Tôi và Phượng từ giã hai người chứng dưới mái hiên hẹp. Mưa vẫn rơi lất phất. Mưa rắc những hạt nước li ti lên vành voan trắng cài trên tóc Phượng. Mưa điểm những chấm sậm màu lên vai áo chúng tôi, khi cả hai co ro đi tới trạm xe buýt về lại nhà trọ.

Trên xe, Phượng tháo khăn voan, đặt lên đùi. Vài ánh mắt chăm chăm nhìn chúng tôi. Tay Phượng tìm tay tôi, xoắn lại. Suốt đoạn đường quanh co, không biết Phượng nghĩ gì, còn trí óc tôi rỗng tuếch như hang trống. Tất cả đều dục tối, lặng lờ. Chợt, khi tôi nhìn xuống năm ngón tay Phượng tô hồng vụng về, trí tôi bật ra câu hỏi: "Tại sao chúng tôi cưới nhau vào một ngày mưa cuối đông, nhằm tết ta, tại một nơi xa quê hương tít tắp thế này?" Tôi di di ngón tay mình lên móng tay trỏ sơn hồng của Phượng. Nàng xoay mặt nhìn tôi, nhoẻn cười. Tôi nhìn trả, bâng khuâng.

Lò sưởi trong nhà trọ không đủ ấm. Những hôm lạnh gắt, trước khi đi ngủ, tôi rót nước nóng vào bình cao su, đặt dưới chăn. Sáng, bình nước nguội lạnh, chúng tôi ôm nhau tìm hơi ấm. Phượng thều thào: "Mỗi đứa chúng mình là một cái lò sưởi." Ngày thường, khi chuông đồng hồ đánh thức chúng tôi vào lúc 5 giờ kém 15, hai lò sưởi phải rời nhau. Tôi rời giường trước, vì phải sửa soạn bữa điểm tâm cho Phượng. Tôi ngấy ngật đong cà-phê vào túi giấy, cho hai lát bánh mì vào máy nướng, sau đó mới vào phòng vệ sinh. Trở ra thì cà-phê đã nấu xong, bánh mì đã nướng sẵn, tôi chỉ cần đặt thêm hộp sữa, hũ đường, lọ mứt, thỏi bơ vào khay rồi mang ra bàn. Lúc ấy Phượng đã xong phần vệ sinh sáng, đang ngồi điểm trang trước bàu gương. Khi nàng đứng dậy, đồng hồ chỉ đúng 5 giờ 10. Phượng có 12 phút để ăn

sáng, 3 phút bước sang trạm xe buýt bên kia đường để đến hãng nhuộm đúng 8 phút trước 6 giờ, vừa kịp bấm thẻ và khoác áo làm việc vào người.

Phượng kể cho tôi nghe như thế. Thời giờ và việc làm của nàng, sau khi rời nhà và trước khi trở về, tôi không rõ, cũng không cần biết rõ. Tôi chỉ thấy một Phượng tất bật vội vã mỗi sáng và một Phượng khác mệt nhừ rã rượi mỗi chiều. Có hôm vừa cởi áo khoác máng lên móc, Phượng bước mau tới giường, nằm vật ra. Tôi đang chuẩn bị bữa cơm chiều trong góc bếp, vội tắt lò, đến giường nằm xuống cạnh nàng. Phượng xô tôi ra, gắt:

– Mùi hành không hà!

Tôi nhỏ nhẹ:

– Làm bếp thì phải hôi mùi hành tỏi chứ sao.

Nói xong, tôi lặng lẽ đứng lên. Dấy không phải lần đầu tiên tự ái tôi bị tổn thương vu vơ. Tôi hiểu, Phượng gắt gỏng vì mệt mỏi. Còn tôi ngượng ngùng vì phải đóng một vai trò bất đắc dĩ. Nửa năm sau ngày quen Phượng, tôi mất việc. Rồi Phượng tìm được chỗ làm mới trong một hãng nhuộm tại một làng nhỏ cách tỉnh lớn, nơi chúng tôi ở trọ khi trước, gần năm mươi cây số. Tôi không muốn để Phượng đi về bằng xe lửa mỗi ngày, nên đề nghị với nàng tìm một chỗ trọ khác. Phượng không đồng ý. Tôi cũng không muốn thấy Phượng về nhà mỗi chiều, rã rời như xác chết. Nhất là vào những tháng mùa đông, trời tối sớm. Hôm nào Phượng về trễ vì lỡ xe, tôi đều thấp thỏm lo âu. Sau nhiều lần bàn luận thiệt hơn, Phượng đồng ý dọn nhà.

Tôi đến xem nhà mới vào một sáng lập thu. Trời nắng tươi. Nắng tươi lên cánh rừng thay sắc lá cho tôi cảm tưởng, cảnh vật đang dầm mình trong tách trà pha nhạt. Cảnh mùa màng thay đổi nơi đây, tôi đã thấy qua hằng năm, nhưng lần này dường như có khác. Cảm xúc tôi khi bước xuống xe, chân giẫm trên lối đi trải đầy xác lá, thật khó diễn tả. Có lẽ là tất cả cảm xúc hợp lại. Nhưng sắc nét hơn cả vẫn là cái tương lai vô định trước mặt. Chuyện mưu sinh bấp bênh. Mối liêu hệ tình cảm giữa tôi với Phượng và nhiều vấn đề nhỏ nhặt khác. Dường như mọi sự đều không bền, bất ổn, mờ lòa. Suy tư này càng rõ rệt hơn khi một sáng, tôi tỉnh cờ bắt gặp Phượng ngồi bất động nơi mép giường, mặt nhìn ra khung cửa kéo màn mở hé một khe trống. Ánh sáng đầu ngày nhòa nhạt len vào, soi lờ mờ mái tóc Phượng rối bung trên vai thon. Cảnh tượng này, tôi rùng mình nhận rõ, hình như tôi đã

thấy rồi đâu đó một lần. Trên màn ảnh, trong giấc mộng, tận đáy tiềm thức hay giữa những dòng tiểu thuyết nào? Tôi áp mặt vào vai Phượng, vòng tay khép lại quanh bụng này, giọng sẽ sàng ngái ngủ:

– Thức chi sớm vậy em?

– Em vừa nằm mơ thấy lại. Em sợ.

– Sợ gì?

– Sợ màu xám nhờ nhợ sắc xanh của bốn bức tường trong giấc mơ. Nó làm em bất an. Thức dậy, suy nghĩ một lát, em mới nhận ra đó là màu cô đơn.

Tôi kêu lên:

– Phượng.

Phượng vẫn tiếp tục, giọng trầm trầm:

– Cô đơn vì một mình là điều dễ hiểu. Còn cô đơn giữa đám đông, với sự có mặt của những người thân, đó mới là điều bất em thao thức.

Tôi bịt miệng Phượng lại. Nàng quay mặt nhìn tôi, hai mắt hốt hoảng như mắt thú trước khi bị xẻ thịt. Tôi đẩy Phượng nằm xuống, tay vẫn bít kín miệng nàng. Đường sáng đã tươi hơn, kẻ thành một rãnh rực màu, chia mặt giường làm hai phần không đều nhau. Chúng tôi co thân nằm trong phần rộng, như né tránh cái diện tích tù chật của phần hẹp. Như thế, tới sáng.

Trong bữa điểm tâm, Phượng đồng ý dọn nhà. Tôi hỏi nàng:

– Tại sao chúng mình không hợp thức hóa tình trạng sống chung này?

Phượng nhoẻn cười:

– Có cần thiết không anh?

– Về mặt tình, không cần. Nhưng về mặt lý, có nhiều cái lợi thiết thực chứ.

– Ừ nhỉ, em sẽ trả thuế lương bổng ít hơn.

– Đúng, muốn sống được vào thời đại này, phải thực tế.

– Chính vì vậy mà em đi làm.

Tôi chép miệng, nói như than:

– Cũng chính vì vậy mà anh cam phận lo việc nhà thay em.

Phượng vuốt nhẹ má tôi, khuyên:

– Anh đừng buồn. Bao giờ anh tìm ra việc, em xin nghỉ tức khắc.

Rồi nàng xòe tay giơ trước mặt tôi, run giọng:

– Anh xem!

Tôi cầm hai bàn tay Phượng thô kệch vì thuốc nhuộm, áp vào má rồi kề môi lên, nói miên man:

– Anh yêu nhất hai bàn tay này. Chúng là bàn tay của những người đàn bà thời mẫu hệ. Chúng là bàn tay của những mụ đỡ kéo trẻ sơ sinh trườn qua ngạch cửa đầu đời. Chúng là những con trăn cảm giác đưa anh vào cảnh giới của dục lạc. Hai bàn tay này là sở hữu riêng anh, đâu phải ai cũng có.

Tôi nhìn Phượng ướt mắt. Lệ cũng rưng rưng nơi khóe mắt tôi. Tôi muốn nói với Phượng, chúng mình là hai đứa trẻ đi lạc vào xứ lạnh, nhưng không thốt nên lời.

*

Chỗ trọ mới gồm một phòng rưỡi. Phòng lớn vừa là nơi tiếp khách, vừa là chỗ ngủ được ngăn lại bằng một kệ sách. Phòng nhỏ là nơi nấu nướng, giang sơn thường ngày của tôi. Tôi thích nhất khung cửa hai ô nơi đây, trông ra một ngọn đồi thưa cây. Nhìn qua ống dòm, tôi còn thấy có vài phiến đá nằm lẫn giữa những bụi cây xanh um mùa hè, đỏ rực mùa thu, trắng toát mùa đông và đủ sắc lúc xuân về. Trong cái tạp sắc bốn mùa đó, tôi yêu nhất màu đông trắng. Vào những hôm thời tiết xấu, trời vần vũ đổ tuyết như rải bông, ngọn đồi trông như một bức thủy mặc. Khi trời nắng tốt, tuyết hắt lên một ánh sắc kỳ lạ, bí ẩn. Dường như tuyết cũng muốn lên tiếng, muốn bật thành âm thanh, muốn nhắn nhủ điều gì đó. Cả chòm cây đơm đầy hoa tuyết. Cả những phiến đá rờn rợn sắc trắng. Có giây lát, tôi tưởng mình có thể bắt được âm thanh ấy. Thoạt đầu là tiếng ú ớ của người câm, rồi rõ dần, linh hoạt hơn. Cuối cùng vỡ thành tiếng hét dai dẳng, lanh lảnh của một con ó tuyết. Tôi thấy nó đậu trên cành tùng nơi bìa rừng vào một sáng, khi tôi đang ngồi gọt cải trắng, chợt ngẩng nhìn ra. Tôi run rẩy quan sát loài chim hiếm qua ống dòm. Còn đang run tay điều chỉnh nét độ thì con vật đã xoạc cánh ném mình lên không. Những cụm tuyết rơi lả tả. Một thoáng, con vật biến mất, để lại trong tôi cảm giác hao hụt với quang cảnh trắng toát đơn điệu. Con ó trông như một đốm tuyết hóa thú. Mọi sự có lẽ chỉ là ảo tưởng, nếu không có tiếng kêu dai dẳng, lanh lảnh dội vào không gian ngậm đầy hơi nước. Kể từ hôm đó, tôi có cảm tưởng ngọn đồi xa xa kia là một con ó tuyết khổng lồ đang ngủ giấc mùa đông, có thể vụt bay đi bất cứ lúc nào.

Nếu một sáng thức dậy, không còn thấy ngọn đồi bên ngoài cửa kính nữa, cũng không phải là chuyện lạ.

Tuy Phượng đã đồng ý dọn nhà về đây và thời khắc làm việc hằng ngày của nàng đã tiện lợi hơn nhiều, nhưng dường như Phượng vẫn không vui. Có điều gì u uất phảng phất mãi trên khuôn mặt nàng. Hỏi thì Phượng bảo, vì việc làm trong hãng dạo này nhiều quá. Nhưng tôi không tin. Trong tôi dấy lên mối linh cảm nữ tính, rằng tâm tư Phượng đang bị khuấy động bởi một mối sầu nào đó. Có thể là một ám ảnh nào trong quá khứ? Nhiều khi bực bội, tôi đẩy nàng ra giường, ghì nhẹ hai bên tóc, nói như đe doạ: "Anh muốn chẻ em làm đôi để xem trong tim em có còn hình bóng ai, trong đầu em chứa những ước muốn gì." Phượng chỉ nhìn tôi, cười xòa mà ánh mắt hờ hững lạnh. Và tôi quyết tâm hợp thức hóa chuyện sống chung giữa tôi và Phượng. Nàng chấp thuận ngay, khiến tôi phải ngạc nhiên. Rồi chúng tôi "cưới nhau vào một ngày mưa cuối đông, nhằm tết ta..."

Chuyện dọn nhà và cưới nhau, tôi và Phượng không cho ai hay, vậy mà vẫn có người biết. Một sáng trong tuần, khi tôi đang dọn dẹp trong nhà bếp thì nghe tiếng bấm chuông. Ra mở cửa, tôi thấy một người đàn bà đồng hương, tay cầm cây đàn tây ban cầm đựng trong bọc da. Tôi chưa kịp lên tiếng thì bà ta đã hỏi:

– Thưa, có phải đây là nhà của chị Phượng?

– Vâng.

– Còn anh là...

Tôi mau mắn:

– Tôi là Tam, chồng của Phượng. Mời chị vào nhà.

Người đàn bà bước vào, tay vẫn giữ khư khư bọc đàn. Rồi bà ta dựng đàn vào một góc hành lang, cởi áo măng tô móc, đảo mắt nhìn quanh căn phòng chật. Tấm màn che chỗ kê giường ngủ của chúng tôi mở hớ hênh, để lộ mớ chăn gối nhăn nhúm. Tôi cười ngượng:

– Chúng tôi mới dọn về đây, nhà còn bừa bộn lắm, chị thứ lỗi cho. Mời chị vào ngồi trong này cho ấm.

"Trong này" là góc bếp, chỗ đặt chiếc bàn ăn sơn trắng mà tôi vừa lau chùi sạch sẽ. Đấy cũng là chỗ ngồi yêu thích của tôi. Nơi tôi phóng tầm mắt mình trông ra ngọn đồi tuyết trắng, và đã có lần bắt gặp con ó tuyết đậu đơn độc trên cành tùng veu rừng.

Trong khi tôi nấu nước pha trà, người đàn bà bắt đầu kể chuyện:

– Tôi là Thư, chị của Nghi, một người bạn của Phượng. Tôi có đến nhà cũ của anh chị, được người láng giềng cho hay, anh chị đã dọn về địa chỉ này. Tôi tới để báo cho anh chị, nhất là cho riêng Phượng, một tin không vui...

Nói đến đây, người đàn bà ngập ngừng, hai mắt chớp nhanh. Tôi nhỏ nhẹ cất lời:

– Nhà tôi đi làm, chiều mới về.

Người đàn bà chép miệng:

– Không có Phượng ở đây, có lẽ hay hơn... Mà thật ra cũng chẳng có gì, vì chuyện đã xong. Tôi muốn nhờ anh nhắn lại với Phượng, rằng Nghi vừa qua đời cách đây một tuần. Trong thư để lại, Nghi muốn tôi mang đến cho Phượng cây đàn. Soạn lại chồng thư cũ, tôi mới tìm ra địa chỉ của Phượng.

Tôi bày ấm tách ra bàn, chậm rãi đong trà vào ấm, châm nước, rồi kéo ghế ngồi xuống. Giọng người đàn bà trầm đều, buồn buồn. Tôi lắng nghe mà mắt vẫn không ngừng theo dõi nét linh động của đồi tuyết trong trí tưởng tượng tôi. Đấy là một con gấu tây-bá-lợi-á, một con ó tuyết hay một con rùa bắc sơn thời tiền sử đang dấm đuối trong giấc ngủ ngàn năm? Mê man đến độ cây cỏ mọc trên lưng, vẩn thạch rơi xuống thân, vẫn không hay. Biết đâu chừng, vào một ngày xuân ấm, con gấu ảo tượng ấy sẽ cựa mình tỉnh dậy, rúng rẩy giũ tuyết, há miệng ngáp dài, rồi đủng đỉnh bước đi, chân giẫm lên cỏ cây và đá núi ngổn ngang đầy mặt đất. Và tôi thấy cả những trang thư của Phượng viết gửi một người tên Nghi phủ kín đồng cỏ phẳng lì sau khi con gấu tuyết bỏ đi biệt tăm.

Tôi muốn hỏi người đàn bà về mối liên hệ giữa Phượng và em trai bà ta. Nhưng biết để làm gì? Tôi ngập ngừng lên tiếng:

– Anh Nghi qua đời vì lý do gì?

Giọng người đàn bà buồn thảm:

– Bác sĩ bảo, vì chứng sưng gan cấp tính. Mấy năm sau này nó sinh tật nghiện rượu. Thỉnh thoảng nó đến thăm tôi, thấy nó tiều tụy quá, tôi có khuyên răn, nhưng không được. Nghi là đứa ít nói. Chuyện riêng tư, chưa lần nào nó kể tôi nghe. Tới lúc đã rồi...

Người đàn bà ngưng lại, hai mắt đỏ hoe, ngước nhìn ra khung kính lao chao ánh sáng. Tôi đưa cho người đàn bà tấm khăn giấy, nhỏ giọng:

– Chị cho tôi xin mấy lá thư, được không?

Nét mặt người đàn bà trở nên đăm chiêu rồi chau lại khổ sở:

– Tôi cũng không biết phải làm sao. Thật khó xử. Nghĩ lại, tôi thấy cái chết của Nghi có vài điểm vô lý. Nếu chết vì bệnh, tại sao lại có lá thư tuyệt mệnh? Nhưng bác sĩ đã bảo như vậy thì tôi biết vậy. Tuy nhiên, đấy là mối nghi vấn đeo đuổi tôi suốt đời.

Nói xong, người đàn bà uống cạn tách trà, rồi rút ra từ sắc tay chiếc gương con, kê mặt săm soi chặm dấu điểm trang nhòe nhoẹt mi mắt. Tôi cảm thấy lòng mình vừa nhen lên những đốm lửa vô hình, bồn chồn nôn nóng, có thể làm tan chảy cả thiên nhiên tuyết lạnh ngoài kia. Phượng và những lá thư trao đổi với người đàn ông tên Nghi, mà tôi chưa hề gặp mặt.

Người đàn bà cho gương vào sắc tay, đóng lại. Một tiếng "cạch" bật lên khô khan. Trong tôi vừa mở ra những hoang tưởng mới.

– Tôi cứ nghĩ, đến đây vào giờ này, sẽ gặp mỗi mình Phượng. Đâu ngờ! Đáng lẽ...

Ánh mắt người đàn bà nhìn tôi lúng túng. Tôi cười nhẹ:

– Chị cứ nói. Ai lại chẳng có những liên hệ cũ.

– Tất cả vật dụng của Nghi, một phần tôi đem tặng các hội từ thiện, phần khác tôi vất bỏ, cả những lá thư. Tôi chỉ giữ lại cây đàn để mang tới đây, theo lời ước muốn sau cùng của Nghi. Hy vọng tôi đã không làm phiền lòng anh!

– Không, không đâu. Tôi không ngờ là Phượng biết đàn.

Và tôi đưa mắt nhìn bọc đàu da nâu dựng trong góc nhà. Những tiết điệu rung lên nhún nhẩy trong trí tôi. Một khuôn mặt không quen cũng vừa hiện lên chao động mờ ảo trong trí tưởng tượng tôi. Tôi thấy ra cặp mắt xa lạ nào, trông như hai nốt nhạc ẩn trên thân đàn, đang nghiêm nghị nhìn tôi. Tôi lắc đầu xua đi những ảo tưởng. Người đàn bà đẩy ghế đứng lên.

– Xin phép cáo từ anh.

Tôi đứng lên theo:

– Chị cứ ở lại trò chuyện với tôi, chờ Phượng đi làm về. Cũng sắp rồi.

– Không, tôi có việc phải về. Anh cho tôi gửi lời hỏi thăm Phượng. Nếu cần, anh chị liên lạc với tôi.

Người đàn bà ghi cho tôi địa chỉ và số điện thoại. Sau khi người đàn bà đi khỏi, tôi nhấc ghế ngồi đối diện cây đàn, đăm đăm ngắm. Âm nhạc tấu lên réo rắt trong tôi, lạnh lẽo như một cơn mưa tuyết. Tôi thấy mình gập người quỳ xuống mặt đất lấp đầy tuyết trắng, tay vốc lên những nốt nhạc lạnh, hình dung đấy là những giọt lệ trối trăn của người chết gửi cho Phượng. Con gấu trước mặt tôi bỗng hóa thành nấm mộ phết vôi trắng, ngạo nghễ thách đố. Tôi sực nhớ lại khuya nào bắt gặp Phượng ngồi bất động trong bóng tối. Có phải đó là khoảnh khắc người đàn ông tên Nghi ra đi? Tôi ôm đầu rối trí với những hoài nghi, cho đến khi nghe tiếng cửa mở.

Phượng bật đèn. Tôi ngước mặt nhìn nàng, ánh mắt ngờ vực. Tôi chỉ Phượng cây đàn, không nói. Phượng đứng lặng một đỗi lâu mới lên tiếng hỏi:

– Ai tới báo tin này?

Tôi kể lại cuộc gặp gỡ với người đàn bà sáng nay, nhưng không nhắc tới những lá thư. Phượng giải thích ngắn gọn:

– Anh Nghi với em chỉ là bạn, khá thân. Em quen anh ấy từ bên nhà, lúc còn đi học.

Tôi muốn hỏi Phượng nhiều điều, nhưng thấy nàng có vẻ mệt mỏi, nên thôi. Trong bàn ăn, Phượng chỉ nói về một vài dự tính cho tương lai, sẽ đi tìm một chỗ ở khác rộng rãi hơn, sẽ có con, sẽ học lấy bằng lái xe, sẽ đi Hy Lạp nghỉ mát vào dịp hè năm nay. Tôi lắng nghe mà tâm trí váng vất nơi đâu. Cùng lúc, ý nghĩ mình đang vướng bệnh tâm lý càng rõ rệt hơn trong tôi.

Đêm, tôi nằm trăn trở bên cạnh Phượng, rồi thiếp ngủ lúc nào không hay. Những cơn mơ rối loạn lướt nhanh trong giấc ngủ nặng. Chúng bám theo tôi như chiếc bóng, cho tới lúc tôi bị tiếng đàn lay thức. Âm thanh léo réo trong suốt, khởi sự thoang thoảng rồi rõ dần. Ngũ quan tôi mở toang trong bóng đêm vây kín. Tiếng đàn nghe như phát ra từ mọi nơi trong căn phòng chật. Tôi duỗi tay sang chỗ Phượng nằm. Trống lạnh. Tôi thảng thốt bật ngồi dậy, hai mắt mở to, quen dần với bóng tối. Tôi nhận ra dáng Phượng ngồi cạnh bàn ăn, lưng xoay về phía tôi, một phần cây đàn nhô ra hai bên, đầu nàng hướng ra khung cửa mở hoác. Tôi ngây người theo dõi cảnh tượng kỳ quặc, toàn thân tê dại như đóng băng. Tuyết trắng bên ngoài đẫm màu trăng non, hắt ánh sáng yếu vào bên trong, đắp lên mặt bàn một màu xanh ốm yếu yêu vao. Tôi muốn gọi Phượng, nhưng không bật ra tiếng. Tôi

rợn người thấy lại đấy là cảm giác của vài chục năm trước ở quê nhà, tôi còn là cậu bé thức giấc vào đêm trăng đầy, thấy chòm cây mận in bóng chập chờn khắp nơi trong phòng ngủ. Thân tôi như có ai đè nặng. Cổ họng tôi ú ớ không ra lời. Bóng cây hóa thành những bàn tay lóng dài, xòe ra, chực chờ úp xuống... Tôi vùng dậy, bước xuống giường, chạy tới đóng cửa lại. Tiếng đàn ngưng bặt. Tôi vội vàng bật đèn. Tia mắt Phượng nhìn tôi vô cảm. Vòng tay nàng trống hốc, không có cây đàn nào. Tôi ôm lấy Phượng, vồ vập. Tay tôi xoa khắp người nàng, thều thào không ngớt:

– Tại sao, trời ơi, tại sao?

Tôi lấy mền phủ lên người Phượng, rồi hấp tấp mở lò, nấu nước pha cho nàng một tách trà gừng. Phượng nâng tách bằng hai tay. Ánh mắt nàng dịu lại. Tôi kéo ghế ngồi sát bên Phượng. Tay tôi loắn xoắn, hết vuốt nắn bả vai, lại xoay vòng lên hai thái dương nàng. Lát sau, Phượng trầm giọng kể:

– Anh Nghi vừa lên tiếng gọi em dậy, bảo em ra mở cửa. Em vẫn còn nợ anh ấy một chuyện, đã hứa sẽ là người thứ nhất nghe anh ấy đàn khúc nhạc đầu tay, mà không giữ lời, bỏ quê hương, sang đây một mình. Sau này, bắt được liên lạc với em nơi xứ người, anh ấy nhắc lại chuyện cũ. Em cố gắng giải thích, bảo rằng mọi sự đã thay đổi. Em không còn là đứa con gái tươi trẻ hồn nhiên như ngày xưa. Em đã trở thành một bộ máy sản xuất của đời sống văn minh, hoạt động cho những nhu cầu của chính mình. Cảm giác em đã chai mòn thô kệch, không còn xúc động vẩn vơ như trước. Em đã là một con người hoàn toàn khác, bị lệ thuộc vào vật chất, là một hình người đồng dạng với đám đông, là một con số trong tỷ ức con số khác. Thật ra mọi chuyện không đến nỗi cực đoan như em đã ghi trong thư viết gửi anh Nghi, em chỉ muốn gián tiếp bảo anh ấy hãy quên em. Em đã có người bạn lòng khác, đã nhập vào một đời sống khác, đã trở nên thực tế như mã số dán trên mỗi món hàng trong một hiệu tạp hóa. Có lẽ vì thế mà anh Nghi thất vọng rồi đâm ra bê tha. Tất cả chỉ vì em...

Phượng gục đầu vào vai tôi, run rẩy. Tôi dìu Phượng trở lại giường. Tôi không biết nói gì, chỉ lặng lẽ ghì chặt nàng trong tay. Bỗng dưng tôi nhớ tới những hạt mưa bám trên vai áo Phượng trong ngày cưới, nhằm tết ta...

3-1-1994

LÊ TÍN HƯƠNG

trên dốc đồi

mình ta trên dốc đồi lộng gió
mênh mông chiều rớt xuống mênh mông
chơ vơ một bóng sầu hiu quạnh
ta thấy mình như sao mong manh

chiều buống trên dốc đồi thinh lặng
ta nghe từng tiếng lá rơi nghiêng
ta nghe ngọn gió vừa lay động
trong cõi lòng ta nỗi muộn phiền

trên dốc đồi cao, dốc đồi cao
ta lắng nghe tiếng dời hư ảo
ta lắng nghe tiếng nói từ tâm
và ta nghe trong khoảng trời im vắng
con sóng nào xô đẩy chập chùng

mình ta ôm bóng chiều lan rộng
bên ta ngày tháng cũ rơi nhanh
sương sa điểm mái đầu xanh mộng
một thoáng đời sao ta loanh quanh

chiều buông trên dốc đồi hoang lạnh
cô đơn nhìn xuống đáy sông mê
đâu đây từ cõi nào vang vọng
dấu bước ngàn xưa thoắt trở về
Cali 09-03-94

TRẦN MỘNG TÚ

mười bảy năm mười bảy đoạn thơ.

Em ở nơi này mười bảy năm
Có khi cất tiếng gọi dòng sông
Có lúc bóng chùng lên bóng núi
Sao núi sông, bỗng đỗi, lạ lùng.

Thảm cỏ này bao lần thay sắc
Gót chân in, dấu, vẫn chưa quen
Bầy sẻ đó em không biết tuổi
Thoáng bay qua, thoáng đậu bên thềm.

Em ở nơi này mười bảy năm
Mưa trên mái gỗ, rất âm thầm
Tiếng mái tôn xưa mưa tháng sáu
Khua thức trong tim, nhịp trống đồng.

Nắng hạ cũng vàng thêu áo lụa
Chẳng ai níu vạt tặng câu thơ
Chữ hiếu như kim, chìm, đáy biển
Chữ tình gió thổi, đến xác xơ.

Em ở nơi này mười bảy năm
Vườn sau hoa mướp, cũng nở vàng
Hoa táo, hoa lê cài trong tóc
Chỉ tiếng ong bay cũng ngỡ ngàng.

Cũng rắc tình lên từng luống đất
Mỗi cọng rau thơm, một cọng buồn
Dĩa muối, lát gừng bưng ngang mặt
Khựng trên môi, nỗi nhớ, quê hương.

Em ở nơi này mười bảy năm
Sao như chiếc lá giữa cơn giông
Mặc gió dắt tay, vào định mệnh
Rơi xuống đâu, thì cũng, hóa thân.

Mấy ai có được điều mong ước
Người vẫn sống bằng, những giấc mơ
Bánh Thánh cứ ăn, nuôi hồn vọng
Tóc có đầy hoa tuyết, vẫn chờ.

Em ở nơi này mười bảy năm
Giấc xuân vẫn lạnh một góc chăn
Có đêm trăng sáng choàng cơn mộng
Tưởng hỏa châu, sa xuống, chỗ nằm.

ôi lửa na-pan trên quê cũ
Tiếng thét kinh hoàng của trẻ thơ
Cả một ngôi làng trong biển lửa
Khói xông vào mắt, đến bây giờ.

Em ở nơi này mười bảy năm
Khóc cha, khóc mẹ, khóc vầng trăng
Xương thịt mẹ cha, vùi đất khách
Vầng trăng quê cũ, vẫn muôn trùng.

Tình dưới hàng cây, hiền như lá
Trăng nhòa hai bóng, lẫn vào nhau
Tiếng ve hát rộn đêm mùa hạ
Người đi, chỉ giữ, được tiếng sầu.

Em ở nơi này mười bảy năm
Hoa đào vẫn chiết mỗi độ xuân
Cánh cửa, mang mang câu thơ cũ
Ngọn gió đông xưa, thổi giữa lòng.

Hoa chẳng vì em, hoa vẫn nở
Lượng trời, rót xuống rộng vô ngần
Em đứng giữa bờ xôi, giếng mật
Ngụm xuân trong miệng, bỗng, rưng rưng.

Em ở nơi này mười bảy năm
Buông vào nhật, nguyệt nắm tuổi xuân
Cầm như thả tuyết vào lò sưởi
Những cánh hoa tan dưới lửa hồng.

Tóc đã sợi đen chen sợi trắng
Mắt cười, đã lụn bấc dam mê
Người vẫn từ quê, ngơ ngác đến
Ngượng môi, không dám nhắc...chuyện về.

Em ở nơi này mười bảy năm
Người ơi! Chim chóc phải xa rừng
Gọi những thân cây, còn đứng thẳng
Có nghe tiếng cánh, đập, trong lồng.
Tháng Giêng 1993
(Sau khi đọc "Ta về" của Tô Thùy Yên)

TRẦN DOÃN NHO

lạnh lẽo ánh trăng

Cuối hè, nhưng ngọn nắng còn nồng. Những cây phượng đã trở lại màu xanh, chỉ còn dăm ba cánh lẻ loi như những điểm đỏ chấm phá, chẳng níu kéo nổi hơi hướm của mùa hè.

Con đường lặng lẽ dưới bóng cây và vạt nắng. Đám cỏ ngu ngơ bò ra khỏi lề đường.

Việt vịn vai Điểm Nhi hỏi:

– Em đã thấy mỏi tay chưa?

Điểm Nhi cười:

– Sao mà mỏi được, nghề của em mà.

Nàng quay vòng tay nhanh hơn. Chiếc xe lăn vụt lên khỏi xe đạp của Việt, Việt níu lại.

– Thôi, anh biết rồi. Nhưng lẽ ra để anh đẩy mới phải.

– Anh nói vậy, chứ ngó sao cho được. Không có anh thì em vẫn đi đây, đi đó chứ. Có cả chục năm tới trường nữa thì sao.

– Nhưng anh thích được dẩy em đi chơi.

Việt phanh xe đạp lại, nhảy xuống. Tay trái anh cầm ghi đông xe đẹp, tay phải anh đẩy chiếc xe lăn. Điểm Nhi ngừng tay, nhìn anh cười âu yếm:

– Anh không sợ người ta cười?

Việt nghiêm mặt:

– Sao lại cười? Sợ họ cười, anh đã không đi với em.

Điểm Nhi nhượng bộ. Nàng ngồi yên, hai tay để lên cần lái, không cử động, để mặc Việt đẩy.

– Có thế chứ, cô bé. - Việt cười thỏa mãn.

Đường thưa thớt người. Đây là một trong những con đường yên tĩnh nhất của khu nội thành. Màu xanh của cây lá chen lẫn với màu rêu, màu gạch đá của những bức thành loang lổ đầy dấu vết của một

cuộc chiến xa xưa nào đó được kể lại nhiều lần. Mỗi lần nghe một người lớn nào đó nhắc lại kỷ niệm hãi hùng về một trận chiến trên đường phố, anh nghe mênh mang những hoài vọng nhuốm màu cổ tích. Nó vừa xa xưa, vừa gần gũi. Anh lớn lên, chỉ nghe nói về chiến tranh, chứ không hề thấy. Đôi khi anh có cảm giác tiếc rẻ, sao mình không được ra đời sớm hơn. Đám người lớn đó sao họ phong phú quá. Họ có vô vàn điều mới lạ để nói, để hãnh diện và để ngậm ngùi. Còn thế hệ Việt nghèo nàn, đơn điệu quá.

Qua khỏi cửa Hiển Nhơn, Điểm Nhi nói:

– Mình đi cửa Ngọ Môn. Vào cửa này xin xỏ mất công lắm. Tốn mấy đồng mua vé cho khỏe.

Việt đồng ý. Anh đẩy xe lăn đi sát lề đường để tránh chiếc xe tải vừa chạy qua. Nhìn đôi tay của Điểm Nhi cử động thành thạo trên trục quay của chiếc xe lăn, anh chợt cảm thấy lòng xốn xang vô hạn. Đôi tay búp măng, thon nhỏ, hồng hào phải làm thay công việc bình thường của đôi chân. Dưới nắng, đôi tay như hồng hơn, thanh tú hơn, lấm tấm những hạt mồ hôi.

Đi ngang Viện Bảo Tàng Quân Đội, Điểm Nhi hỏi:

– Chỗ này sao trông hoang vu thế. Hồi trước khác.

Việt nhìn vào bãi đất rộng của Viện Bảo Tàng. Chiếc máy bay, mấy chiếc xe bọc sắt, giàn phóng hỏa tiễn. Tất cả đều rỉ sét, cỏ dại phủ quanh. Anh nhớ hồi còn học cấp I, nhiều lần cô giáo dẫn tới tham quan ở đây. Lúc đó, chỗ này được gọi là nơi trưng bày tội ác của Mỹ Ngụy. Anh cùng đám bạn cùng lớp trèo lên máy bay, xe tăng, hỏa tiễn rờ mó, ngắm nghía và ao ước lớn lên được ngồi lên đó để ngắm bắn quân thù.

Việt hỏi:

– Hồi nhỏ, em có đến tham quan ở đây không?

– Có chứ, hồi còn đeo khăn quàng đỏ.

– Em thích đi bộ đội không?

– Không đâu, em sợ người chết lắm.

Việt cười:

– Còn anh, hồi trước thích. Còn giờ thì sợ. Nay mai, anh là bộ đội rồi.

– Cái gì? Anh đi bộ đội à? - Điểm Nhi ngạc nhiên.

– Anh có giấy của phường đội gọi trình diện đợt tuyển quân mùa thu. Sao, em không thích à?

Điểm Nhi hạ giọng:

– Cũng chẳng sao.

Việt nhìn chiếc hỏa tiễn chổng cao hướng mũi lên trời và nghĩ đến cái ngày mình cầm súng. Anh thấy lòng mình như chùng xuống. Anh sẽ được thấy chiến tranh như từng thẩm ao ước!

Hai người quẹo sang đường Ngọ Môn. Mặt trời lên cao trên khu hoàng thành. Màu nắng và màu hoang phế như trộn vào nhau tạo nên một cái vẻ hoang đường khó hiểu. Những tàn cây cao vượt lên bức tường thành như bày tỏ một ước muốn không rõ nét. Tiếng vài con chim dùa bỡn trên cây xoài, cây mù u nghe lạc lõng. Hằng ngày Việt vẫn đi ngang con đường này, vẫn nhìn bức tường, ngọn cây, mà rồi lần nào, cái cảm giác u hoài vẫn trở lại với anh. Khu hoàng thành lặng lẽ, nhẫn nhục, bao giờ cũng như muốn nói một điều gì đó, nhưng không nói được. Việt hỏi:

– Em vào Đại Nội nhiều lần không?

– Không nhiều đâu. Một hai lần gì thôi. Còn anh chắc vào chơi nhiều. Đi với bồ chẳng hạn.

– Nhiều, nhưng đi một mình. Anh không có bồ, chỉ có em. Anh thích lang thang một mình với các phế tích.

– Giờ thì đèo bòng thêm con nhỏ tàn phế này nữa, e phiền.

– Đừng nói thế. Có em anh vui lắm.

Giọng Việt nghe cụt ngủn. Hình như Điểm Nhi muốn anh nói một câu gì đó dài hơn. Cô nhìn anh chờ đợi, nhưng Việt lặng lẽ đẩy xe. Khuôn mặt anh bần thần như thể có điều gì không ổn.

– Vui gì mà khuôn mặt như đưa đám vậy.

Việt không trả lời. Anh mải chăm chú nhìn bàn chân nhỏ nhắn của Điểm Nhi. Điểm Nhi khẽ xê dịch đôi chân, cố thu cái chân tật nguyền của mình dưới ống quần. Cô hỏi:

– Anh buồn vì em?

– Không.

Thực ra, Việt đang nghĩ đến lúc xa Điểm Nhi. Ai sẽ đưa nàng đi chơi? Anh nói:

– Anh đang lo là anh đi rồi, ai sẽ đưa em đi chơi.

– Anh lo gì. Em có thể đi một mình cũng được.

Giọng nàng chợt thấp xuống:

– Nhưng chẳng có gì quan trọng lắm. Em cũng chẳng muốn đi chơi nữa. Cứ xem như lần này nữa là thôi.

Việt nhìn nàng:

– Anh đã đi đâu. Tháng Chín trình diện, tháng Mười mới lên đường. Tụi mình còn đến hơn ba tháng nữa.

Đã đến cửa Ngọ Môn. Lác đác đây đó có nhiều khách tham quan. Một chiếc xe khách Hà Nội đổ xuống khá nhiều người bên kia đường. Nhìn cái nón cối trên đầu các ông, chiếc quần đen của các bà, Việt biết ngay là dân từ Bắc vào. Họ bước xuống xe, chỉ trỏ, cười nói, hút thuốc, uống nước mía. Vài người tò mò nhìn Việt và Điểm Nhi.

Việt gửi xe đạp ở một quán nước mía. Bây giờ, anh rảnh tay, thoải mái đẩy chiếc xe lăn băng qua khoảng sân lát gạch phía trước cửa Ngọ Môn.

Điểm Nhi nói:

– Đến đây là nghe cái mùi Vua Chúa.

Việt cười:

– Em khác anh. Anh thì nghe cái mùi buồn buồn.

– Mắc chi mà buồn buồn.

– Chẳng thà đã mất thì mất hẳn luôn. Mất rồi mà cứ còn sừng sựng thế này khó chịu lắm.

– Thì di tích lịch sử mà.

– Đã hẳn. Anh học Sử, nói triều Nguyễn bán nước...

– Thì họ thích họ nói, họ có quyền mà. Còn mình có tin hay không thì quyền mình.

– Anh nói chưa hết. Không phải chuyện bán nước hay yêu nước. Anh chỉ muốn nói mọi sự rồi cũng qua đi. Không có gì vĩnh cửu hết.

– Độ này anh vẩn vơ quá nhé.

Việt vẫn tiếp tục:

– Lăng Bác ở Hà Nội trông bộ vững chắc hơn Đại Nội này.

Anh chỉ những cột gỗ nghiêng ngả trên lầu Ngọ Môn:

– Không sửa thì e vài năm nữa mình hết cái lầu này.

– Anh mới nói "thà mất thì mất luôn" mà.

– Ừ, thì nói vậy, nhưng mà...

Anh định nói tiếp, nhưng thấy Điểm Nhi không thích, lại thôi. Anh mua vé, rồi đẩy xe qua cửa kính vào bên trong. Điểm Nhi cười:

– Cửa này ngày xưa ma đi đó.

Việt đọc:

Dấu xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương

Điểm Nhi thắc mắc:

– Anh làm thơ à?

– Đâu có. Thơ của bà Huyện gì đó thời nhà Nguyễn.

– Sao anh thuộc.

– Anh đọc trong sách Văn cũ thời trước 75.

– Ừ, loại thơ phong kiến, phản động không học. Trước giải phóng, họ cho học đủ thứ. Giờ ở với cách mạng chỉ học thơ văn cách mạng.

– Thơ văn cách mạng gì học mãi chán phéo. Em cứ thấy bắn, giết rồi anh hùng, kẻ thù, chiến đấu...

Việt đẩy xe thẳng lối vào điện Thái Hòa. Màu gạch vàng trên lối đi trông vàng hơn dưới nắng. Sen trong hồ đã tàn, còn sót lại lơ thơ dăm búp màu hồng lạc lõng.

Việt hỏi:

– Sao, em muốn đi đâu. Lang thang các nơi hay ngồi.

Điểm Nhi nhìn anh:

– Em đi đủ rồi, chỉ có một chỗ chưa đi. Anh giúp em nhé.

– Sao lại giúp. Anh chìu em hết.

Điểm Nhi ngập ngừng:

– Em thích lên lầu Ngọ Môn.

Việt nhanh nhẩu:

– Tưởng gì. Chúng mình đi.

Anh đẩy xe đến bậc thềm. Nhìn bậc thềm đi lên cao quá, Điểm Nhi nói:

– Hay là thôi anh à. Cao quá làm sao lên được.

Việt cười:

– Anh bồng em.

Má Điểm Nhi chợt hồng lên. Giọng cô nghe nũng nịu:

– Mà có bồng em nổi không. Té, em đền anh cho coi. À mà hái cho em cái bông sứ kia kìa.

Việt hái bông sứ cho cô. Lòng anh chợt hồi hộp, tay run rẩy. Anh nói:

– Em vin cây sứ, nhón chân lên.

Điểm Nhi làm theo. Việt luồn tay dưới đôi chân và lưng Điểm Nhi bổng cô lên. Hai tay cô níu chặt cổ anh. Mùi hương con gái tỏa vào mặt anh khiến anh cảm thấy ngây ngất. Lần đầu tiên trong đời, anh nghe cái mùi hương lạ lùng này. Quen Điểm Nhi lâu, nhưng chưa có khi nào anh đụng chạm da thịt cô. Anh quay mặt đi chỗ khác để tránh cái cảm giác rạo rực khó chịu.

Bổng Điểm Nhi xong, Việt lại xuống vác xe lăn lên. Anh hớn hở như vừa làm xong một công trình. Anh cười:

– Thế nào? Em vừa ý chứ!

Điểm Nhi tỏ vẻ biết ơn:

– Chỉ có anh, em mới được lên tận đây. Trời, ở đây mát và thú quá hả anh.

Hai người ngồi trước bậc thềm nhìn ra phía cột cờ. Gió thổi từ phía sông Hương vào mát rượi. Điểm Nhi nhìn quanh:

– Trông hoang tàn quá anh há!

– Ừ, hoang phế quá!

Việt thích chữ hoang phế hơn. Cột kèo xiêu vẹo, mái ngói lổn nhổn, mối mọt, mạng nhện tùm lum. Người ta phải dùng rất nhiều cột để chống đỡ. Như thế này thì mùa mưa, nước giọt lung tung.

Điểm Nhi chỉ cái cầu thang:

– Mình có lên được trên kia nữa không?

– Không được, cầu thang này lâu năm mối mọt ăn hư hết rồi.

– Còn cái trống?

– Cũng thế, không dùng được.

– Đúng rồi, cả hơn trăm mấy chục năm.

– Em biết rõ thế.

– Anh tính xem. Nhà Nguyễn bắt đầu với vua Gia Long. Vua Gia Long lên ngôi năm 1802 và chọn đây làm kinh đô. Thành Nội được xây vào giai đoạn đó, đến giờ cũng cả trăm bảy, trăm tám chục năm rồi còn gì.

– Em trông bộ lưu ý đến triều Nguyễn nhỉ?

Điểm Nhi cười:

– Em "hoàng phái" mà.

Việt hơi ngạc nhiên:

– Hoàng phái? Em họ Lê mà.

– Em lấy họ mẹ. Mẹ em giận ba em bạc tình nên không cho em lấy họ cha.

– Vậy em là Tôn Nữ.

– Ừ, Huyền Tôn Nữ Điểm Nhi.

– Nghe hay hơn Lê Thị Diễm Nhi. Vậy ba em đâu?

Điểm Nhi thở dài:

– Em không rõ. Hình như ông cũng chẳng biết có em trên đời nữa. Nhiều lúc em muốn đi tìm, nhưng tật nguyền thế này làm sao đi đâu được.

– Còn mẹ em?

Điểm Nhi yên lặng. Cô nhìn thẳng phía trước như nhìn vào một khoảng xa xăm nào đó. Việt bóp ngón tay, cố tránh không nhìn mặt cô. Anh nhìn ngọn cờ đỏ sao vàng to thật to treo trên cột cờ, gió thổi vướng vào dây, không tung bay được. Nắng chan hòa cả bãi cỏ phía trước.

– Mẹ em cũng không muốn nhìn em. Em là kết quả của một cuộc tình chẳng tình chút nào. Ba em thì đùa bỡn mà mẹ em thì yêu. Ba em thì trốn, mẹ em thì tìm. Rốt cuộc em bị bỏ quên.

Việt chưng hửng. Điểm Nhi tội như thế kia à? Từ lâu, quan hệ với Điểm Nhi, anh chẳng lưu ý gì đến hoàn cảnh của cô. Anh gặp cô và yêu, đơn giản thế thôi. Bạn bè chế giễu, anh lại càng cảm thấy yêu thêm. Có lần, Điểm Nhi hỏi "Anh mà thương em là khác thường đấy", Việt cười "Anh khác thường nên anh làm việc khác thường, có sao đâu". Điểm Nhi lại nói "Em lại chỉ thích bình thường thôi", Việt lại cười "Anh cũng vậy". Điểm Nhi không chịu "Bình thường sao lại thương em", Việt nghiêm nghị "Anh nghiêm chỉnh thương em, còn khác thường hay bình thường thì mặc kệ người ta". Anh nhấn mạnh hai chữ nghiêm chỉnh anh bắt chước thằng bí thư đoàn.

Việt yên lặng nhìn Điểm Nhi. Lúc này anh chẳng muốn nói một câu gì hết, vì sợ cô cho là thương hại. Cô rất hay tự ái. Anh nói qua chuyện khác:

– Em nghe tiếng ve kêu trên hàng phượng đằng kia không?

– Ừ, cuối mùa phượng cũng là cuối mùa ve. Cái gì cũng có đoạn cuối. Chưa tới đoạn cuối thì mình trông, mà tới đoạn cuối rồi thì mình buồn, phải không anh?

Việt gật gù:

– Anh cũng sắp đến đoạn cuối, đoạn cuối của tuổi đi học.

Điểm Nhi hỏi, vẻ lơ đãng:

– Mà anh đi bộ đội thật à?

– Trốn cũng được, nhưng sợ công an kêu ông già lên hạch xách mất công. Họ cứ dọa đưa ông đi cải tạo thêm, vì chưa đủ năm. Hơn nữa, đi về còn có thể đi học được, vì lúc đó anh sẽ có thêm điểm bộ đội.

– Thế năm này họ lấy lý do gì họ gạt anh ra?

– Điểm lý lịch. Lý lịch anh loại 12, đủ điểm đậu vào Y nhưng phải chuyển xuống trung cấp y tế. Anh chẳng thích. Thà anh đi bộ đội.

– Mà học y làm gì anh. Học kế toán, ngoại thương có tiền hơn. Ba cái bằng đại học có ra gì mà anh ham.

Việt im lặng. Từ lâu anh vẫn phân vân giữa chuyện đi bộ đội hay trốn, học lên đại học hay kiếm một việc làm. Đằng nào cũng chẳng thấy có tương lai. Đi bộ đội thì giải tỏa được phần nào cái lý lịch quái ác, nhưng tham dự vào cuộc chiến tranh, Việt không ham. Bạn bè anh đi bộ đội đều lên chiến đấu ở biên giới phía Bắc hay qua Kampuchia. Mà trốn thì không còn hộ khẩu, không còn hộ khẩu thì xem như nằm ngoài lề xã hội.

Việt hỏi:

– Còn em, em thích anh trốn hay đi?

– Cũng thế thôi Việt à. Cái gì rồi cũng có đoạn cuối.

Giọng Điểm Nhi chợt mơ hồ, xa vắng. Việt ngắm cô. Khuôn mặt thanh tú đến kỳ lạ. Mọi đường nét đều đáng yêu. Từ cái nốt ruồi ẩn dưới chân tóc trên thái dương đến cái cằm nhọn, mấy cái ngấn cổ, đôi con mắt hơi xếch, hàng lông mày đứt khoảng và cái mím môi bướng bỉnh. Anh vẫn thích ngắm cô ngồi gọn trong chiếc xe lăn với bộ đồ lụa hồng, đôi tay thoăn thoắt thêu những con rồng, con phụng trên vải xuất khẩu.

– Anh nhìn chi dữ vậy? - Điểm Nhi hỏi.

– Anh ngắm em.

– Thôi đi ông ơi. Giúp em cái này tí đi.

Điểm Nhi mở túi xách, lấy từ trong đó ra đủ thứ: bánh bọc lọc, bánh ngọt, nước cam, thuốc, chả, nem... Việt ngạc nhiên:

– Em định làm gì vậy.

Điểm Nhi nhìn anh cười:

– Hôm nay là ngày sinh nhật của em, sinh nhật lần thứ 20.

– A, sinh nhật em? Sao chẳng báo cho anh biết trước.

– Thì trước sau cũng vậy thôi.

– Sinh nhật. Anh chẳng nhớ ngày sinh nhật của mình bao giờ.

– Em cũng vậy chứ sao. Mình con nhà nghèo, bày đặt sinh nhật gì cho người ta cười. Nhưng bữa nay khác. Em mời anh ăn sinh nhật với em.

Việt cảm thấy chưng hửng. Cô bé này cũng ngộ thật, bỗng nhiên cái, rủ lên đây ăn sinh nhật! Anh tò mò nhìn cô và tự dưng thấy cô có thêm nhiều nét mới.

– Không giúp em sao nhìn sững thế?

– Em lạ thật lạ.

Điểm Nhi lấy khăn trải ra trên nền đá, sắp các thứ đồ ăn lên. Ở giữa khăn là một bình hoa nhỏ với một đóa hồng nhung và bông sứ. Điểm Nhi mời:

– Hãy mừng em tròn hai mươi tuổi đi.

Việt nhìn Điểm Nhi, giọng bối rối:

– Em à, sinh nhật em, anh không có quà gì cả. Bây giờ, bây giờ anh muốn tặng em một món quà. Nhưng mà... khó quá.

– Gì mà khó lắm thế?

Việt thu hết can đảm:

– Anh muốn hôn em một cái.

Vừa nói, anh vừa cầm tay Điểm Nhi, kéo cô lại gần, hôn lên mái tóc cô, rồi buông tay ra. Nét mặt anh chợt thẫn thờ như vừa trải qua một cơn mê. Anh lắp bắp:

– Xin lỗi em. Đừng giận.

Điểm Nhi cúi mặt. Hình như cô khóc, vì Việt thấy đôi mắt cô ươn ướt. Anh im lặng, bối rối. Một lát, như sực tỉnh, Điểm Nhi ngẩng lên nhìn anh:

– Anh ăn đi. Em cám ơn anh.

Việt ăn ngon lành. Thỉnh thoảng anh nhìn quanh như sợ ai bắt gặp. Điểm Nhi tâm sự:

– Thực ra, em mới biết gốc gác của em gần đây. Mẹ em nhục vì nỗi có con mà không có chồng nên đẻ em xong, gửi cho đì rồi bỏ đi biệt. Bà đi tìm ba em, gặp rồi lại sinh con, rồi ba em lại bỏ đi, rồi gặp, rồi sinh con, rồi ba em lại bỏ đi. Ba em trốn, mẹ em tìm. Ba em thì song tàng mà mẹ em thì chung thủy. Giận thì giận, mà thương thì thương. Anh xem, như thế có khổ không?

Việt không nói, chỉ chia sẻ nỗi đa diết của Điểm Nhi bằng một cái nhìn sâu, thật sâu. Điểm Nhi tiếp:

– Năm bảy tuổi, em sốt, bị y tá chích lầm thuốc, nên tê liệt một chân. Mẹ em biết, vẫn không về. Em không giận bà đâu. Bà quá sợ thứ dư luận khắc nghiệt của xứ mình. Đời em chỉ mong được gặp hai ông bà một lần, nhưng chắc khó quá. E cũng cái số thôi, anh há.

Anh gật đầu. Anh cảm thấy mình không đủ chữ để nói một cái gì hết về nỗi bất hạnh của Điểm Nhi. Rốt cuộc, chỉ có sự im lặng là đầy đủ ý nghĩa nhất. Điểm Nhi vịn cột đứng dậy, dịch về phía trước, tay dựa vào lan can, nhìn vu vơ xuống phía dưới. Nắng chênh chếch xuyên qua mấy ô trống chiếu xuống nền. Đám khách tham quan leo lên lầu, tỏa ra các phía, trò chuyện, bàn tán ồn ào. Việt đứng bên cạnh Điểm Nhi. Từ nãy giờ, anh vẫn không nói gì. Anh nắm bàn tay nhỏ nhắn của Điểm Nhi, đan ngón tay cô vào ngón tay anh, lòng bồi hồi rạo rực. Anh thì thầm:

– Ngày xưa, hẳn vua và hoàng hậu cũng thường đứng nơi đây để ngắm cảnh.

– Đâu có, triều Nguyễn không có lập hoàng hậu. Chỉ có vua Bảo Đại phá lệ, lập bà Nam Phương làm hoàng hậu mà thôi.

Việt cười:

– Thì có hay không có hoàng hậu, đâu có sao. Anh chỉ giả sử ấy mà. Giả sử em là hoàng hậu, còn anh thì là vua. Giả sử bây giờ là hai trăm năm trước.

– Ờ mà hai trăm năm trước thì có khác gì bây giờ?

– Cảnh thì khác nhiều, nhưng lòng người e vẫn vậy. Cũng thương, cũng ghét, cũng thù, cũng hận, cũng chia ly... mặt trời cũng lên, hoa cũng nở, trai gái cũng yêu nhau.

Việt định nói tiếp, thì bỗng nghe có tiếng người hỏi. Anh quay lại

nhìn. Hóa ra hai người đàn ông nước ngoài. Họ vừa nói vừa chỉ trỏ, nhưng anh chẳng hiểu mô tê gì cả. Anh hỏi Điểm Nhi:

– Họ nói tiếng gì em có hiểu không?

– Em chịu. Lẽ ra anh phải biết hơn em chứ.

– Bọn anh có học tiếng nước ngoài đâu. Mới đây có học tiếng Liên Xô, nhưng khó quá, anh chẳng nói được gì.

– Ừ, mà thôi, biết tiếng nước ngoài thêm phiền. Nói chuyện, lỡ công an gọi lên gọi xuống mất công.

Việt ra dấu cho hai người nước ngoài biết là anh không hiểu gì hết. Họ bỏ đi. Việt nói:

– Năm anh lên lớp sáu thì giải phóng, chương trình học bỏ môn tiếng nước ngoài. Năm ngoái anh có ghi đi học lớp Anh văn, nhưng chưa đến đâu cả.

Điểm Nhi lấy mấy bông hoa ở bình, tách từng cánh, ném xuống, ném xuống.

– Sao uổng thế, đóa hồng nhung đẹp quá mà! - Việt phản đối.

– Cái gì cũng có đoạn cuối mà. Anh đã chẳng đồng ý với em sao.

– Em muốn nói đoạn cuối của ngày sinh nhật?

– Chưa đâu. Đoạn cuối của một ngày đi chơi. Ngày sinh nhật chưa chấm dứt. Thôi mình về. Hôm nay được đi với anh như thế này, em chẳng còn mơ ước gì hơn.

Việt chợt buồn. Anh lẳng lặng vác xe lăn xuống lầu, rồi trở lên bồng Điểm Nhi xuống. Anh cúi mặt sát mái tóc Điểm Nhi để tận hưởng cái mùi thơm con gái toát ra từ chân tóc, từ da thịt cô. Nắng xế. Cả vùng phế tích như lặng đi, buồn bã. Khách tham quan đã vắng. Tiếng chim xa. Vài bông sứ rụng trên lối đi. Cỏ dại và tranh phủ kín góc hoàng thành.

Việt đẩy xe Điểm Nhi ra phía cửa Hiển Nhơn. Điểm Nhi thích vậy. Đi ngang trước cửa trường Mỹ Thuật, cô nói:

– Anh biết không, hồi xưa, vua Kiến Phước lúc đó, ngài mới mười mấy tuổi, bị Tôn Thất Thuyết bức tử, chạy trốn ra phía cửa này, nhưng bị lính đuổi theo bắt lại, ép phải uống thuốc độc chết.

– Chắc là giai đoạn "tứ nguyệt tam vương triệu bất tường".

– Anh còn nhớ à?

– Đoạn sử này cũng đặc biệt, nên anh nhớ, vua Dục Đức, Hiệp Hòa rồi Kiến Phước, cả ba vua đều nhỏ tuổi và đều bị bức tử.

Ra khỏi cửa Hiển Nhơn, Điểm Nhi nói:

– Bây giờ anh để em về một mình. Em thích thế. Anh lấy xe đạp về đi. Đêm nay, em để cửa mở, anh đến với em, khoảng 11 giờ. Nhớ đừng để dì em biết, thêm phiền. Thế nào, anh có đến không?

Cố nhiên, Việt gật đầu. Anh đứng lặng nhìn chiếc xe lăn chầm chậm di động trên đường, lòng vô cùng bối rối.

*

Càng về khuya, trăng càng vắng vặc. Đêm yên tĩnh, dịu dàng. Những mái nhà và những chọm cây như cố chen nhau để hứng lấy thứ ánh sáng bàng bạc từ trên trời tỏa xuống. Đêm thanh thoát ru dỗ những giấc ngủ đầy. Đêm nuôi lớn những giấc mộng vàng. Đêm chứa chấp những hẹn hò tinh khôi, mới lớn. Đêm bồi hồi, thao thức.

Việt vừa đi vừa nhìn lên những khoảng trời loang loáng sợi vàng. Một tiếng con gì kêu nhẹ trong đêm. Còn hình như tất cả đều chìm trong mộng mị. Việt đi bộ qua nhiều con đường ngập ánh trăng. Anh vào một con hẻm nhỏ, cây cối um tùm. Nhà Điểm Nhi nằm sâu trong khu vườn cây. Anh lách qua hàng chìa tàu đi về phía sau nhà, nơi có căn phòng Điểm Nhi ở. Anh đứng yên dưới cây khế, nhìn vào, hồi hộp đợi chờ. Vắng lặng, tịch mịch. Anh nghe rõ từng tiếng đập của trái tim. Anh nhìn quanh. Cái võng, bờ giếng, bụi mía, thùng nước... Tất cả như đồng lõa với anh, kể cả ánh trăng bát ngát vườn khuya. Anh nhìn thấy những giọt sương lấp lánh, và tưởng như nghe cả tiếng thì thầm của lá.

Anh bước nhẹ, thật nhẹ đến chỗ hẹn hò. Cửa khép hờ. Anh đẩy nhẹ và nhìn thấy trong bóng tối, Điểm Nhi ngồi bất động trên chiếc xe lăn. Một mảnh ánh trăng từ ô cửa lọt vào. Điểm Nhi ra dấu anh ngồi xuống. Cô với tay vặn nhẹ ngọn đèn dầu nhỏ, rất nhỏ, đủ để có một vạt sáng trên chiếc bàn kê sát cửa sổ. Cô cẩn thận che chắn khắp nơi để ánh sáng không lọt ra bất cứ một góc nào. Trên bàn, một tờ giấy trắng, một cây bút bi. Việt đọc:

– Em cám ơn anh đã đến với em cho trọn ngày sinh nhật. Xin yên lặng như bóng trăng.

Anh viết tiếp:

– Anh cũng cảm ơn em đã cho anh đến đây với em, trong đêm nay.

Anh rút túi ra một đóa hồng nhung đặt lên bàn.

– Anh đến đây với một đóa hao và một trái tim.

– Thế là quá đủ. Em chẳng mong gì hơn.

Anh nhìn Điểm Nhi. Điểm Nhi nhìn anh. Căn phòng như sáng dần lên cùng với ánh trăng lan dần vào. Anh thấy đôi mắt Điểm Nhi nhấp nháy. Cô cười lặng lẽ, rồi cúi xuống vân vê tà áo.

Anh viết:

– Dì và mấy đứa ngủ cả rồi à?

– Có lẽ thế.

– Em không sợ? Lỡ dì biết thì sao?

– Cũng đành vậy.

– Anh lo lắm.

– Em không lo, anh lo làm gì.

Lại nhìn nhau. Ánh trăng phủ đầy cái bàn nhỏ. Điểm Nhi vặn đèn lu bớt.

– Em... Anh muốn...

– Gì?

– Muốn cầm tay em, được không?

– Được.

Việt nắm lấy bàn tay nhỏ nhắn của Điểm Nhi, bóp chặt trong tay anh, đặt trên trái tim mình, rồi đưa lên môi hôn. Bàn tay anh run rẩy. Bàn tay Điểm Nhi run rẩy. Anh ngồi dịch lại sát Điểm Nhi. Mùi hương con gái thơm phức tỏa ra. Anh lại viết, ngập ngừng:

– Cho anh... Cho anh... Cho anh... hôn một cái.

Anh chờ. Nhưng Điểm Nhi bất động.

– Thế nào? - Anh lại viết.

Điểm Nhi ngồi yên. Đột nhiên, cô ngả đầu vào vai anh. Anh đặt viết xuống, ôm lấy vai cô, hôn nhẹ lên mái tóc, trên vai, trên má. Vụng về, nhưng thận trọng, anh hôn, rồi hôn. Nụ hôn dầu dời lạ lùng quá thể. Người anh như lịm đi trong dư thứ cảm giác. Điểm Nhi bé bỏng, yếu đuối, tội nghiệp. Một lát, anh chợt tỉnh, buông cô ra, nhìn quanh, nghe ngóng.

Anh viết:

– Muỗi cắn quá.

– Em có cái quạt để ở góc bàn, lấy mà quạt.

Việt lấy quạt, quạt dưới bàn để xua đám muỗi háu đói. Nhưng chúng vẫn vo ve, dạt ra rồi lại lao vào tiếp tục cắn. Để mặc chúng, hai người lại hôn nhau. Anh ôm cô, ngồi bất động như để tận hưởng hết những cảm giác rạo rực, hân hoan.

Ánh trăng dần đà lan căn phòng bé nhỏ. Vườn khuya vẫn im vắng, mơ màng. Anh lắng nghe tiếng rơi của một giọt sương hay một chiếc lá. Anh viết dưới ánh trăng:

– Mai anh đưa em đi chơi tiếp.

– Thôi, đủ rồi.

– Sao lại đủ rồi.

– Em... Em...

Điểm Nhi ngừng viết, nhìn Việt.

– Sao em?

– Một dịp khác đi anh. Đêm nay mình cứ nói chuyện đêm nay đã.

Ngừng một lát, Điểm Nhi viết:

– Anh có thương em nhiều không?

– Nhiều, nhiều lắm.

– Anh không chê em tàn tật.

– Không.

– Em cô đơn quá, bất hạnh quá.

– Có anh ở bên em mà.

– Nhưng sao em vẫn thấy cô đơn quá!

Điểm Nhi nhìn anh, buồn bã:

– Đừng buồn, em.

Lại im lặng. Điểm Nhi viết nguệch ngoạc:

– Em lạnh quá!

Việt ôm nàng khỏi xe lăn, đặt lên chân anh. Điểm Nhi run rẩy. Việt viết:

– Em nằm nghỉ một lát nhé.

Điểm Nhi gật đầu. Anh ẵm cô đặt lên chiếc giường nhỏ, thấp gần sát đất. Cô thì thầm:

– Khép cửa lại đi anh.

Việt làm theo lời cô như cái máy. Anh đến ngồi bên cô, bồn chồn, xao xuyến. Điểm Nhi kéo anh xuống.

Đêm đã sâu, thật sâu. Trăng nghiêng hẳn, chiếu ánh sáng gần như ngập cả gian phòng. Việt đứng dậy, bàng hoàng. Anh nói thật khẽ vào tai Điểm Nhi:

– Anh xin lỗi em, xin lỗi em.

Điểm Nhi nấc lên, nước mắt giàn giụa.

– Cám ơn anh. Anh không có lỗi gì.

Im lặng. Một lát, Điểm Nhi đẩy anh ra:

– Thôi, khuya rồi. Anh về đi.

– Ừ, chúc em ngủ ngon. Mai anh ghé lại thăm em.

– Mai lại thăm em... Mai lại thăm em, Ừ, mai lại thăm em nhé!

Việt đẩy nhẹ cửa, băng qua khu vườn khuya, bước về như kẻ mộng du.

*

Sáng hôm sau, Điểm Nhi chết. Cô để lại mấy dòng viết nắn nót "Tôi chết hoàn toàn tự ý. Xin miễn mọi thông báo và điều tra. Xin được mai táng như một kẻ vô thừa nhận".

Việt đứng sững trong gian phòng, nhìn cái bàn, ô cửa sổ và một góc vườn. Không còn trăng khuya. Không còn sự im lặng. Không còn mùi hương ngây ngất, Không còn gì cả. Chỉ còn anh.

2-1994

HOÀNG XUÂN SƠN

hóa thân

Đâm đầu ra ngõ trời mưa cụt
gió chắn hoành sơn tít tít mù
đường hầm trôi mút mùa đô thị
mà kéo đi dài nỗi tự ti

Nhà vút cao lên trăm khí thế
múa may. Cùng quẫn. Một dời a?
hóa thân làm chú rùa vô địch
bò mãi không xong lối kỷ hà.

CAO XUÂN TỨ

bạn

Bên kia ô kính
chút trời
sớm hồng
lăn trên ngói
bửa sợi tóc
mê-la-nin hai nhánh vàng
ngước mắt bồ câu
cú vọ đêm đêm
vẫn cười
chuôi mắt cày nát rạch hào
vẫn nói
nốt ruồi lăn trên má
duỗi chân
gò ngực
xẹp
quê hương tôi
bơm hoài chẳng thấy
như cuộc sống cái chết
ngày tháng loanh quanh
múi tình vắt khô
nuốt hoài chẳng thấy

khoảng trống
giữa bạn
và
tôi.

PHAN NI TẤN (N.D.)

qua cù lao ông chưởng

Ba phen quạ nói với diều
Cù lao Ông Chưởng có nhiều cá tôm
(Ca dao)

Lúc thì tràm đứng như người
Lúc lơ mơ thấy tràm ngồi như em
Chèo anh qua kinh Đông Xuyên
Chớ đừng qua vịnh anh không quen tròng tành.

Vô trường Tân Lập ghi danh
Xuôi thời hoạn lộ quẩn quanh trường dời
Tấm lòng qua lại hết lời
Vẫn không duyên nợ với người Long Xuyên.

Trả Long Xuyên với niềm riêng
Tìm ra quán cốc thui nguyên một ngày
Miếng sầu tôi mút đưa cay
Dứt xong tam xị thì say tít mù.

Buồn tình chạy xuống Năng Gù
Hốt nắm cát trắng tung mù trời chơi
Lội qua Ông Chưởng xin ngồi
Ăn tôm cá chán thì tôi xin nằm.

Dò giang chiều đã âm âm
Bóng tà nửa mặt máu trầm mé sông
Cù lao Ông Chưởng mênh mông
Hồn tôi giạt giữa bến không đò về.

NGỤ THUYẾT

dậy mà đi

"Hấn tên là Thiện, chắc chắn vậy".

"Thiện à? Có lẽ không phải. Hay là Thịnh chăng?"

"Thịnh, Vượng. Đúng rồi, tên hấn là Vượng".

"Vượng cái con khỉ. Các ông gà mờ ơi. Mới ngày nào... chưa đầy 20 năm mà đã lú lẫn hết. Hấn là thằng Phúc, ha ha... ha ha... Đúng ngay chóc".

"Phúc? Có lẽ nào?"

"Sao lại có lẽ nào? Đúng ngay chóc rồi mà. Ờ... ờ... tớ nhớ ra rồi. Xin lỗi, tớ nhớ ra rồi. Hấn là thằng Lộc. Phúc, Lộc, Thọ. Đúng thế, lần này hết tên nào còn chối cãi được. Ha ha... ha ha...".

Nhóm phụ nữ đang nói chuyện rì rà rì rầm như tiếng máy chạy khẽ đều đều từ nãy đến giờ bỗng im bặt trước tiếng cười rổn rảng đó. Các bà quay đầu nhìn bọn năm người đàn ông đang kèn cựa với nhau về cái tên.

Tính, người vừa phát biểu xong, nhìn quanh bàn ăn một lượt, đứng nhỏm dậy, lên cao giọng:

"Cái thằng này moa nhớ rõ như in. Gầy gầy, cao cao, xương xương, đen đen...".

Một người trong bọn cướp lời:

"Ăn nói vô duyên. Có thằng tù nào trên đời này mà lại không gầy, không đen".

Tính cười xòa:

"Để cho moa nói hết cái đã... và còn trẻ. Đúng, còn trẻ, ha ha... ha ha... chưa già khú đế như tụi mình đâu. Nếu hấn còn sống có mặt nơi đây, hấn sẽ là thằng ngũ linh nhất. Chớ còn bọn mình ha ha nên cơm cháo gì đâu. Quá 'dát' cả. 'Oác' cả".

"Thế cậu muốn nói hấn đã chết? Vô lý. Vô lý".

Người tên Tính lại được dịp rống lên như con bò mộng:

"Sao lại vô lý. Cuộc đời này có cái gì là có lý đâu. Nội cái chuyện mấy cậu lại có thể tụ tập ngồi hú hí nhậu nhẹt với nhau cũng là điều vô lý rồi. Lẽ ra toa, moa, mấy tên kia đã chết dấp trong rừng mới phải.

Ha ha... để cho các phu nhân xinh đẹp ở đây biến thành góa phụ nhăn nheo... hay là, nói cho thật hơn, để cho các bà có dịp đi tới tái nạm tái giá ha ha như thế mới là có lý".

Đám phụ nữ có người tán thưởng cái lối đùa đó, nhấm mắt cười tít, có người tỏ vẻ khó chịu. Một bà lạnh lùng ngoảnh mặt nhìn nơi khác rồi làm bộ đi rót thêm cô ca vào cái ly đã đầy ắp. Một bà cau mày ấp úng muốn nói điều gì rồi lại thôi. Tính dường như không để ý đến điều đó, tiếp tục bô bô:

"Phải như vậy mới công bằng chứ. Các ông đóng quân ở đâu là phải có 'nàng' ở đó. Nàng hai, nàng ba rồi nàng bốn. Còn các bà thì mốc meo ha ha... hoặc hóa đá. Thế mới là vô lý. Nhưng đó là đề tài cho cuộc đấu láo khác. Bây giờ trở lại chuyện hồi nãy".

Bà chủ nhà phản đối:

"Không chuyện không vãn gì nữa. Chuyện các ông nghe kinh lắm. Các ông để bún của tôi sình lên, rồi chê tôi nấu dở. Ăn đi chứ, ăn đi kẻo nguội. Người đâu mà lắm chuyện".

"Cái bà 'Kỳ' cục. Các bà chỉ muốn độc quyền kể chuyện cho nhau nghe thôi sao", Tính lè nhè nói rồi chu mồm hát nhại lạc cả giọng mấy câu trong một bản nhạc quen thuộc. "Chuyện đôi ta... chuyện ngắn chuyện dài, chuyện khóc chuyện cười, chuyện vui chuyện buồn, chuyện xấu chuyện đẹp... chuyện vừa vừa... chuyện tùm lum... ư ư... Đâu có được".

Chúng tôi suýt soát tuổi nhau, khoảng nửa chừng xuân" như Tính thường nói, nếu cõi người ta một trăm năm toàn là mùa xuân, chúng tôi là những người bạn tù, mà bạn tù khó quên nhau lắm, mỗi người từ một phương trời rồi bị lùa về ở chung với nhau dăm bảy tháng, rồi chuyển trại, rồi phân tán mỗi người một ngả, rồi gặp những người bạn mới. Rất ít có trường hợp - dường như không hề có - hai người đi tù cùng ngày, ở chung một trại tập trung, rồi cùng được thả về.

Từ khi đặt chân lên đất Mỹ đến bây giờ, cũng chẳng có lâu la gì, tôi gặp lại Tính, Kỳ và Ngôn. Tính ở tù chung với tôi tại Trảng Lớn rồi Đồng Bang. Về sau tôi chuyển đi Gia Ray, Tính "biên chế" đi Phước Long. Kỳ và tôi gặp nhau ở Phú Quốc sau chuyến đi biển nhớ đời trong tàu "há mồm". Còn Ngôn thì làm anh nuôi, nói vậy cho nó oai, trong thời gian tôi ở Gia Ray. Lẽ dĩ nhiên Tính, Kỳ và Ngôn trước

kia không biết nhau, mới quen nhau đây qua tôi. Tính cách đây mấy tuần tình cờ gặp Cự tại sở Xã hội, mà Cự thì cũng từng chung trại với tôi tại Trảng Lớn. Thế là chúng tôi có năm người thỉnh thoảng gặp nhau "tiệc tùng" tại nhà Kỳ.

Đời sống ở Mỹ lạ lùng quá cho nên chúng tôi thường có cảm giác hụt hẫng, lạc lõng khi ngồi một mình. Gặp nhau chúng tôi thấy ấm áp hẳn lên, tha hồ ôn chuyện cũ, nói đùa khỏi cần kiêng kỵ. May quá, có nhà của Kỳ để họp mặt - vợ Kỳ đi may tại một "shop" Việt Nam, hai đứa con gái của Kỳ làm thợ lắp ráp điện tử, nhờ vậy Kỳ thuê được căn nhà đủ rộng để có thể tiếp dăm người bạn.

Hôm nay, theo sáng kiến của Kỳ, chúng tôi họp mặt có cả các bà đi theo để họ làm quen với nhau. Bữa tiệc thịnh soạn. Ngoài nồi bún bò do vợ Kỳ "chịu trách nhiệm", mỗi chúng tôi còn mang theo người nước ngọt, người bia, người chè. Có các bà là có ăn ngon. Nếu chỉ riêng chúng tôi, một bịch phá lấu đưa cay cho "nước đái khỉ" là đủ.

"Thôi, cứ đồng ý hắn tên là Lộc đi. Các cậu muốn nói cái thằng nhóc quân y sắp ra trường chứ gì? Ở chung với mình hồi Trảng Lớn chứ gì?" Cự ngồi im từ đầu bữa tiệc, đến bây giờ mới lên tiếng.

"Đúng ngay chóc", Tính đáp. "Đúng nhưng thiếu. Cậu đâu có cùng sống với nó tại Phước Long. Biết đếch gì cái đoạn sau".

"Cái gì mà sau với trước?" Cự tiếp. "Moa biết rõ hắn trong thời kỳ bị giam ở Trảng Lớn. Toa với thằng Trân đây ở đối diện với lán của moa, phải không Trân? Moa ở cùng dãy với hắn, biết hắn nhiều lắm. Hắn một cây bổ bịch với quản giáo...".

"Lại biết một mà không biết hai", Tính hùng hổ. "Để tớ nói cho mà nghe... Những ngày cuối cùng của hắn ở Phước Long. Nghĩa là không phải tù xong Phước Long rồi chuyển trại đi nơi khác như cậu, như tớ, mà...".

*

Trảng Lớn. Mấy chục ngàn người bị lùa về đây ùn ùn như mối đùn trong những chiếc xe bít bùng, những quân xa mang nhãn hiệu Liên Xô, Trung Cộng, tung đầy trời khói mù và mùi xăng khét lẹt. Rời Sài Gòn lúc nửa đêm, đến Trảng Lớn đã xế chiều. Trời tối nhanh, mưa lóng cóng, đường lầy lội, cỏ cây ướt sũng. Từng dãy nhà hoang, hàng hàng lớp lớp, mái tôn lỗ chỗ dấu đạn, vách trống gió lùa, giường chõng

đổ nát, bếp núc ngổn ngang, rác rến ngập ngụa, mùi tanh tưởi xông lên đặc quánh. Mảnh chai, mảnh chén vỡ vụn choán hết lối đi trên những bậc thềm đã có lớp rêu mỏng. Nằm rải rác nhiều nơi là giày lính, guốc cao gót, dép Nhật, và những món đồ chơi bằng nhựa móp méo của trẻ con, xe tăng, máy bay, tàu thủy, súng cối, sơn pháo... Nhiều, thật nhiều chuột cống lở loét trố mắt nhìn, chạy ngù ngờ.

Những trại gia đình này của những người lính bại trận nay tan tác không biết trôi giạt về đâu đang chờ đón chúng tôi. Chúng tôi, trong đó có Lộc.

Trảng Lớn. Trảng tức là truông chăng - "Sợ truông nhà Hồ, sợ phá Tam Giang", những vùng đất mênh mông, hoang sơ, tiêu điều, mọc đầy tràm, chổi, cỏ, tranh, lau, lác và đủ loại cây con quấn quýt, chằng chịt, lác đác cổ thụ đứng trơ trọi. Và chồn, cáo. Và gà rừng, chim cút. Và rắn.

Hồi bé đi học tiểu học gặp được người thầy vui tính thỉnh thoảng kể chuyện anh hùng thảo khấu trên sơn trại, chuyện Truông Nhà Hồ trong lịch sử cận đại, có đầu lĩnh lâu la, có áp trại phu nhân, có khao quân bằng rượu nồng dê béo. Chuyện cũ tưởng rằng chuyện vớ vẩn, thế mà sau này khi có dịp đi ngang qua vùng Trảng Bom, một địa danh có mang chữ Trảng, tôi không khỏi nghĩ đến những Truông Nhà Hồ của tuổi thơ đầy huyền hoặc bí ẩn, có lẽ nay không ai còn biết nó nằm ở nơi nào trên dải đất hẹp nhất của miền Trung, rồi lang thang nghĩ đến thời Đệ Nhất Cộng Hòa có kế hoạch xây dựng Trảng Bom thành quốc gia lâm viên, lại nghĩ đến trại Hướng Đạo Thế Giới quy tụ đại diện nhiều nước về đây, về một khoảnh rừng cao su của Trảng Bom, những nước gọi là đồng minh gắn bó thiết tha, nào Mỹ, Anh, Pháp, Úc, nào Nhật, Trung Hoa Quốc Gia, Đại Hàn... Những nước cùng hoàn cảnh phân chia Quốc Cộng như Việt Nam ta như Trung Hoa Quốc Gia, Đại Hàn thì nay Trung Hoa Quốc Gia trở thành Đài Loan, Đại Hàn vẫn là Đại Hàn nhưng hùng cường hơn nhiều. Còn miền Nam thân yêu của ta thì sao?

Trảng Bom âm thầm trở lại vị trí cũ của một thị trấn nhỏ ít ai để ý đến nằm ven con đường từ Sài Gòn đến ngã ba Dầu Dây. Qua bao phế hưng đổi đời Trảng Bom đang rơi rớt ra ngoài trí nhớ. Một địa danh khác nổi lên, ít nhất là đối với chúng tôi, Trảng Lớn. Chúng tôi, như mối đùn, cuốn về đó.

*

"Cái thằng đó làm 'ăng ten'. Nguy hiểm quá".

"Ai? Ai? Thằng nào ăng ten?"

"Không".

"Ăng ten sao? Thằng đó mà ăng ten. Ai cậu cũng nghi là ăng ten cả, sống sao nổi".

"Thế tại sao hắn cứ ưa làm cái trò khỉ lập lờ chối cả mắt".

"Hắn muốn bon chen đó mà".

"Nhưng việc gì phải bon chen cho bệ rạc cả con người?"

"Bon chen để được về sớm. Thế cậu không muốn về sớm à?"

"Hỏi gì ngu thế. Nhưng bộ cứ bon chen là được về sớm sao?"

"Lầm, lầm to. 'Về sớm hay không về là do ở các anh'. Cái chân lý muôn đời trước sau như một đó mà cậu quên đi sao".

"Cả hai thằng đều trật bét. Để mỏa nói cho mà nghe: Muốn về sớm, a lê, nao động tốt, học tập tốt".

"Suỵt, suỵt. Coi chừng".

Cán bộ quản giáo từ hàng rào kẽm gai bước tới. Lộc lên lại dây đàn. Đó là cây đàn ghi ta "cây nhà lá vườn" do anh em tù cải tạo gò lấy. Tù cải tạo có nhiều người khéo tay, làm được nhiều thứ từ những vật liệu phế thải, đặc biệt là đàn và va li samsoton. Samsoton chứ không phải samsonite, làm bằng tôn lợp nhà đã lủng, nứt, hoặc đặc biệt hơn nữa là bằng nhôm, có đủ bộ sậu như ngăn đựng quần áo, ngăn đựng giấy tờ "ngoại giao", ngăn đựng tiền, chỗ cắm viết, khung để hình của "em", khóa, bản lề. Đàn cũng hết sẩy, vĩ cầm, măng đô, băng jô, ghi ta, kìm, cò... đánh lên nghe cũng lọt tai.

Lộc xương xương, rắn rỏi, ăn mặc tươm tất: cái quần xà lỏn bằng vải bao cát vừa vặn, gọn ghẽ, cái áo chẽn cũng bằng vải bao cát có bốn túi, đầu đội nón rộng vành làm bằng bị lác, chân mang giày chéo quai làm bằng vỏ xe hơi trông mỹ thuật hơn dép râu. Hắn khéo tay, những thứ đó hắn đều làm lấy, trừ cây đàn mượn của ban gò đàn.

Cũng nên nói thêm là hắn, như đa số anh em khác, thường có vài thứ đồ trang sức. Cổ tay đeo vòng nhôm khắc hình "hoa hòe hoa sói" hoặc những hàng chữ cái mà chỉ chủ nhân của nó mới hiểu nổi, túi giắt chiếc lược phụ nữ cũng làm bằng nhôm mài dũa bóng loáng, chạm trổ tinh vi. Chiếc lược sẽ là món quà tặng cho người yêu một ngày nào đó mình được thả về.

Nhưng kiếm đâu ra nhôm mà làm thứ như thế? Có một chiếc máy bay C47 bị hỏng, hoặc bị bắn hạ từ bao giờ nằm phơi mình giữa mưa nắng gần phi đạo của phi trường Trảng Lớn. Khi nào có dịp đi lao động ngang qua đó, chúng tôi tìm cách "làm thịt" cái C47 đó. Mỗi người "khẩn trương" rỉa một tí nhôm to bằng bàn tay là quý rồi. Thoạt tiên, việc này chúng tôi phải làm lén, về sau cán bộ cũng đâm ra mê vòng, mê lược, nhất là mê va li nhôm, kéo chúng tôi đi đến chiếc máy bay tháo gỡ những miếng nhôm lớn. Chẳng mấy chốc chiếc máy bay chỉ còn bộ xương khô.

"Các bạn hát đoạn này chưa được tốt. Hát lại. Hai... ba... Không được, không được rồi. Tất cả im lặng nghe tôi: Dậy mà đi... Dậy mà đi".

"Trông cái mặt hắn căng căng dếch chịu được", Tính thì thầm bên tai tôi.

"Nào... hai... ba... Dậy mà... Vào đi chứ, bắt dầu đi chứ. Ồ, không được rồi. Thưa quản giáo, để lấy khí thế, tôi xin đơn ca một bài. Các bạn im lặng coi!"

Cán bộ quản giáo lừ mắt, giọng dấm dẳn:

"Bài gì?"

"À, vâng, vâng, Nổi Lửa Lên Em".

Tính lại thì thầm:

"Đúng là cái thằng ăng ten, thằng nằm vùng. Bài hát cách mạng đếch nào hắn cũng thuộc. Coi cái bản mặt vênh vênh váo váo của nó kìa...".

Lộc dứt tiếng hát, nhều tiếng la ó "bis, bis". Anh chàng cán bộ còn trẻ măng rán lập nghiêm:

"Tất cả ổn định. Bít bít cái gì? Anh kia, đứng dậy trả lời, bít cái gì?"

"Anh Lộc hát hay quá. Chúng tôi đề nghị hát lại".

"Không hát lại. Tập bài cũ cho thông suốt. Anh Lộc, hát hết bài một lượt, rồi tập từng câu. Khẩn trương! Khẩn trương!"

Lộc hát:

Dậy mà đi!
Dậy mà đi!
Ai chiến thắng không hề chiến bại?
Ai nên khôn không khó một lần?

Dậy mà đi!
Dậy mà đi!
Dậy mà đi hỡi đồng bào ơi...

Cuộc sống của chúng tôi ở Trảng Lớn như thế đó, lao động nhọc nhằn, học chính trị nhàm chán, làm bản tự khai trích ngang trích dọc dài thậm thượt, và thỉnh thoảng tập hát các bài tuyên truyền cách mạng do Lộc điều khiển. Còn nơi ăn chốn ở? Ồ, nói làm chi chuyện đó. Mèo mù đâu cần cá rán. Thời gian cứ thế trôi đi lê thê ngày lại ngày, mỗi sáng sớm *dậy mà đi* lao động quẩn quẩn quanh quanh trong cái trảng mênh mông này, mỗi chiều trở về "chuồng" từ xa đã thấy cái bồn nước bỏ phế lâu ngày đứng trơ trô chưa chịu ngã quỵ cho rồi, và xa hơn nữa, nơi đường chân trời, núi Bà Đen nằm lì trong nắng trong mưa đã mấy mùa.

Một sáng chủ nhật, tiếng kẻng giựt giọng liên hồi đánh thức mọi người dậy tập trung khẩn trương tại hội trường. Được về chăng? Tin gì vui chăng? Hay tin buồn? Tin gì cũng được, có chuyển biến là tốt rồi.

Khi đến nơi chúng tôi được cho biết có hai tên "phản động" nổi cơn điên giựt súng của bảo vệ tính làm loạn. Cách mạng đã xử lý nhanh chóng. Tiếp theo là lệnh tan hàng ai trở về phòng nấy, không được lui tới nhốn nháo, không được bàn bạc "linh tinh". Nửa giờ sau, tám người được triệu tập đến phòng quản giáo, trong đó có Lộc, Tính và tôi.

Chúng tôi được lệnh bó tám cây cuốc lại thành một bó để cho một người vác, rồi cùng bảy người kia lên đường theo sự hướng dẫn của quản giáo: người vác bó cuốc đi trước, bảy người còn lại nối đuôi đi thành hàng một, cán bộ quản giáo đi cuối cùng chỉ đường. Bó cuốc cồng kềnh và nặng, anh chàng vác cuốc eo lưng, méo mặt. Chúng tôi hướng về cổng chính của trại.

Từ lán đến cổng chính khoảng trên dưới hai cây số nếu sử dụng con đường cái lát đá, đằng này chúng tôi đi đường tắt quanh co dưới những rãnh đất ngoằn ngoèo dọc theo những công sự phòng thủ nằm sau những hàng tre, những hàng cây không tên dủ loại. Chưa bao giờ chúng tôi được phép đến gần cổng chính. Thỉnh thoảng có dịp đi lao động băng ngang con đường cái lát đá, chúng tôi ngoái đầu nhìn ra phía cổng thấy thấp thoáng dáng người lính gác cổng ôm súng, đội nón cối in hình mờ mờ trên một khung trống trổ ra con đường chạy ngang

ngoài xa kia tung bụi lên khi vài ba chiếc xe lướt qua. Xe ngựa chăng? Hay xe lôi? Xe ôm? Cuộc đời bên ngoài cổng ra sao sau ngày miền Nam sụp đổ? Trường học có còn là nơi của tuổi hoa niên ấp ủ? Chùa chiền, nhà thờ, tòa thánh có còn trang nghiêm, êm ả? Căn nhà có cái cổng sơn xanh nhìn ra chung cư, mỗi khi chiều về, có còn vang tiếng cười của lũ con thơ, tiếng nói thủ thỉ của mẹ chúng? Và ngày tháng có còn vui không? Tôi bỗng thấy thương xót cuộc sống man mác ngoài kia, cuộc sống mà tôi không thể nào hình dung ra nổi, tim nhói lên, nước mắt có khi ràn rụa.

Đi chưa được nửa đường thì có tiếng quản giáo đằng sau gọi đứng lại. Chúng tôi nhìn lui. Cán bộ quản giáo cách chúng tôi chừng hai mươi thước, mặt rắn đanh lại khác hẳn mọi ngày, một tay trỏ vào đám cỏ tranh mọc cao, một tay tì vào thắt lưng có đeo lủng lẳng khẩu súng lục, nói lập cập:

"Các anh nhìn đằng kia kìa. Hai tên... Biết là ai chưa? Khiêng đi chôn... Biết nơi chôn chưa? Biết rồi hả, hả? Tốt, tốt. Phải về trước 12 giờ. Tuyệt đối không được bước một bước ra phía cổng. Trái lệnh nghiêm trị".

Nói xong, anh ta ném cho chúng tôi một cuộn dây thừng cất kín trong cái cặp da, rồi nhảy lên khỏi hố, đi đến đường cái, quẹo trái, tiến về phía cổng.

Hai xác nằm cạnh hai tấm dệm lác. Chúng tôi nhận ra Đạt và Khánh ngay. Đạt bị bắn vào quai hàm, vết đạn loét to làm mất đi nửa cái mặt, Khánh ruột đổ ra ngoài thành từng khoanh. Anh bạn Khánh của tôi tốt nghiệp luật khoa vào đầu thập niên 60, nói tiếng Bắc, người trắng trẻo khôi ngô, Đạt thì xuất thân trường kỹ thuật Phú Thọ, da ngăm ngăm đen, quê ở Bến Tre. Đó là khi còn sống. Bây giờ cả hai ngả qua màu vàng khè, Khánh vàng như nghệ, Đạt vàng mắt cua, bốn con mắt mở trừng trừng.

Chúng tôi đứng sững sờ không biết phải làm gì. Một người trong nhóm trẻ tuổi nhất mặt mày tái mét, người run giật từng cơn như bị động kinh. Có lẽ anh chàng này chưa hề thấy xác chết. Nói đúng ra đại đa số tù ở Trảng Lớn vào giao đoạn đó là loại tù thuộc diện biệt phái từ các ngành nghề, bắn súng chưa thạo, chưa hề ra trận, chưa hề thấy xác chết, trừ những người thuộc ngành quân y.

Mặc mọi người sửng sốt, Lộc rút từ trong túi áo bao cát một chiếc khăn tay - ở tù mà cũng có khăn tay, đúng là cái anh chàng lạ lùng -

ngồi xuống bên xác của Đạt, nâng cái đầu đã mất một nửa khuôn mặt đặt lên đùi mình, thọc chiếc khăn vào vết thương toác rộng lau khô máu. Xong hắn đặt nhẹ cái đầu xuống kê lên tấm đệm, rồi đến xác của Khánh cầm nhét mấy khoanh ruột vào cái bụng thủng một lỗ to như miệng nồi. Sau một hồi quýnh quáng, chúng tôi tháo bó cuốc, lấy ra hai cây cuốc làm hai đòn gánh, bó hai cái xác trong hai tấm đệm lác, gánh đi.

Trời mưa lâm râm. Bốn người gánh hai xác đi trước, bốn người còn lại theo sau chia nhau vác sáu cây cuốc, đi băng qua con đường cái lát đá, không một ai ngoảnh đầu nhìn ra cổng như mọi khi. Chúng tôi vừa băng qua khỏi phi đạo của phi trường Trảng Lớn thì mưa bắt đầu nặng hạt. Nhìn quanh tìm vẫn không thấy bóng dáng núi Bà Đen nơi nào cả. Chân trời mưa nhòe. Mưa quất mạnh vào đầu vào mặt chúng tôi làm cho mắt người nào người nấy cay sè, đỏ hoe. Nước từ đầu từ tóc từ trán đổ xuống mắt, rồi từ đó chảy ròng ròng xuống hai gò má, xuống cằm.

Nơi chôn, không thể gọi là nghĩa địa được vì đây là một thửa đất cỏ rác sình lầy, đã có nhiều ngôi mộ mới. Đất mềm nhưng khó đào huyệt quá. Phải chi có cái mai chúng tôi sẽ đào huyệt nhanh chóng biết mấy. Dùng cuốc khó đào huyệt lắm, nhưng cứ đào sâu thêm một chút nữa đi, được ba tấc đất chưa, sâu hơn nhiều chứ, đào mạnh tay vào, bùn bắn tung tóe.

Chôn cất xong, chúng tôi loay hoay đi kiếm cái gì đây để làm bia mộ. Kiếm được hai tảng đá bằng quả bưởi, lấy một mảnh gạch vụn viết tên Khánh và Đạt vào, chỉ tên mà thôi, chúng tôi không nhớ họ. Vừa đặt mộ chí xuống nấm đất, nhìn lại đã thấy không còn chữ - mưa trôi nhanh hai cái tên viết lên đá. Lộc rút trong túi một cái bật lửa Zippo, rồi lấy từ trong cái nón lát - chỉ một mình Lộc đội nón, chúng tôi đầu trần - một mảnh giấy đã chép bài hát và một mẩu bút chì dài bằng hai lóng tay, chép tên hai người bạn vừa nằm xuống dưới lỗ sũng nước. Hắn cố bật lửa lên. Bật mãi không cháy, cái bật lửa ướt mèm. Hắn định làm gì đây, mặt cứ căng căng, lầm lì, cho nên chúng tôi không biết hắn định làm cái gì. Mảnh giấy trong tay hắn lại ướt mèm, hắn vo thành viên tròn, ném xuống nấm đất, rồi chắp tay, cúi đầu. Chúng tôi cũng cúi đầu lâm râm khấn vái.

Từ lúc vác cuốc đi, chúng tôi không ai hẹn ai, đều câm như hến. Mãi đến lúc này mới có tiếng nói, hay đúng hơn, tiếng lầm rầm trong

cổ họng, nhưng chẳng ai biết ai nói điều gì, chẳng ai biết ai mang ý nghĩ gì trong đầu. Tính nổi tiếng ba hoa, bộp chộp, bạ đâu nói đấy, thế mà lần này cũng im thin thít.

Gần đến trưa, chỉ áng chừng vì không có đồng hồ, không có mặt trời, chúng tôi đứng dậy quay về. Khi gần tới khu vực của lán, Lộc bảo anh em tập trung cuốc bó lại thành một bó để một người vác. Anh trẻ tuổi thắc mắc tại sao không chịu chia mỗi người vác một cây cho tiện. Tính không nhịn được, pha trò:

"Tại sao à? Tại vì cách mạng chu đáo lắm. Biết bọn ngụy mình hiếu chiến, mỗi người cầm một cây cuốc lỡ phang nhau thiệt mất nhân tài của Tổ Quốc Xã Hội Chủ Nghĩa sao!"

*

Mấy bà chăm chú nghe chuyện của chúng tôi. Khi nghe đến đây, mắt các bà đều đổ dồn về Tính, không phải bằng cái nhìn lạnh lùng, khó chịu như lúc ban đầu mà là cái nhìn chờ đợi. Một bà góp ý cho có vị:

"Trảng Lớn của các anh kinh quá".

"Tôi xin chị", Tính đáp "Đừng bắt tôi độn thổ. Thế mà kinh cái nỗi gì. Muốn kinh, đi tới những trại khác. Suối Máu, Cà Tum, Ba Lòng, Đầm Đùn... Ha ha. Vân vân và vân vân. Rải rác khắp nơi trên đất nước có biết bao nhiêu chuyện tùm lùm. Nhưng mà, chết tôi rồi. Tôi phải về ngay lập tức bây giờ không thể trì hoãn một phút một giây nào nữa".

"Cái ông Tính này lắm vấn đề quá", bà Kỳ lên tiếng, "Ăn xong còn chè tráng miệng, làm gì mà đòi về gấp thế!"

"Không gấp sao được", Tính đáp "Tối nay có người hẹn cho tôi dóp. Ở đất Mỹ dóp tới là phải chạy ngay theo nó, nếu không nó mọc cánh bay đi liền. Tôi có những bảy dóp lận".

"Quỷ cái ông này", một bà chen vào "Sao, đến đoạn Phước Long phần anh rồi đó, kể tiếp đi anh".

"Từ từ chứ", Tính nhẩn nha "Đã Phước Long đâu, còn ở Trảng Lớn mà. Vẫn ngày lại ngày, chán bỏ mẹ, nhất là từ sau khi đi chôn chúng nó về. Mong thả về dài cả cổ, mà ngày về cứ lùi mãi lùi mãi tít mù cà cưỡng. Có tên đặt câu đồng dao: *Bao giờ Trảng Lớn hết tranh; Bà Đen hết đá thì anh mới về*... Anh chàng đồ gạn nằm bên cạnh nhại thơ Tàu: *Anh hỏi ngày về? Đếch có ngày; Bà Đen mưa tối nước dâng*

đầy... Để tôi kể chuyện con heo cho nghe. Con heo của nhà bếp bị mưa đêm từ núi Bà Đen mưa về kéo trôi đi làm khổ cho chúng tôi không biết bao nhiêu mà kể...".

"Thôi đi, cái ông Tính ưa lạc đề", bà lúc nãy tiếp "Kể tiếp chuyện anh chàng Lộc giùm cho tôi nhờ".

"Ừ thì kể", Tính vui vẻ đáp, "Càng về sau lao động càng nhiều và đói và ghẻ lở. Cái mục hát hỏng bởi dần. Ai dư hơi đâu mà hát. Chỉ có thằng Lộc còn hăng, lâu lâu nó cũng 'Vâng, vâng, thưa cán bộ, tôi xin đơn ca...'. Thỉnh thoảng nó tập lại cho chúng tôi Dậy Mà Đi. Vẫn cái mặt cân cân đó, vẫn có nhiều tiếng xì xào ăng ten, bon chen, nằm vùng. Rồi có tin đồn hắn cho cán bộ cái lược nhôm quý của hắn. Hả? Hả? Ý kiến của tôi hả? Ha ha... Tôi bị mang tiếng ăn nói bừa bãi... Nên tôi không có ý kiến gì về nó nữa. Với lại hắn khó hiểu quá. Thật ra ai cũng khó hiểu cả, tôi chả bao giờ hiểu nổi một ai. Sau đó tôi cùng Trân đây này đi Đồng Bang. Ở đó đâu có vài tháng tôi lại chuyển lên Phước Long, lại đụng đầu thằng Lộc. Nhận ra ngay. Chào lạnh lùng. Chắc là hắn ghét tôi. Có lý do chính đáng... Trước kia tôi hay có ý kiến về hắn lắm... Thì cũng đại khái ăng ten, nằm vùng. Có một lần tôi đang bô bô, hắn từ đâu dẫn xác tới. Tôi coi như pha, nói tiếp, tới đâu thì tới. Hắn nhếch mép cười khinh bỉ rồi đi thẳng. Tôi lo ngay ngáy, mất ngủ mấy đêm. Trở lại Phước Long Bà Rá. Những ngày cuối cùng của hắn ở Phước Long, nghĩa là không phải tù xong nơi này chuyển đi nơi khác mà là khác. Nghĩ đến nó nhớ lại cái bộp chộp của tôi, tôi khó nói quá. Cũng một sáng chủ nhật được tin hắn 'nổi cơn điên' đoạt súng làm 'loạn' và cách mạng đã... ha ha... 'cách cái mạng' của hắn rồi, tôi muốn ói. Tôi tưởng tượng ra ngay cái hàm của Đạt toác rộng như cái nọng heo bị xẻ làm ba, mấy khúc ruột của Khánh để lểnh bểnh trên đám cỏ tranh nằm rạp một phía, và bàn tay khéo léo của hắn vốn là sinh viên quân y năm thứ sáu tại Sài Gòn chuồi chiếc khăn tay lau khô lớp máu, nắm lùng bùng khúc ruột nhét vào cái bụng vỡ toác hoác. Lần này phiên hắn. Tôi mong được đi vác cuốc. Tôi mong được đi chôn. Được nhìn hắn lần chót trước khi lấp đất lên. Được nói riêng nhau nghe vài câu. Nhưng tại sao người ta giết hắn? Tôi chẳng có thể nào tìm thấy tin tức gì xác đáng. Có người bảo hắn trốn trại, có người bảo hắn gây lộn với lính canh. Có người lại cả quyết hắn phải chết vì hắn lén tập cho tù bài hát đã bị cấm: Dậy Mà Đi".

Ngụ Thuyết

HẰNG HÀ SA

đàn tiên

Một năm rồi đó em
một năm qua với nắng đếm bậc thềm
với mưa đi ngoài phố
Căn phòng em quá nhỏ
không đủ chỗ cho thanh âm
từ mười ngón tay em, hay từ chiếc dương cầm?
Căn phòng em quá nhỏ
nên âm thanh lách mình qua ngách ngõ
len nhẹ vào hồn anh
thứ tình yêu lung linh
như buổi chiều thu lung linh sương khói
ba trăm sáu mươi lăm ngày vời vợi
anh theo mưa ngoài phố đọc tên em
anh theo nắng đếm chín mươi sáu bậc thềm
và theo mây, vẽ dáng em trên trời rải rác.
Và như thế một năm trời rồi đó
đông lạnh, hạ vàng, thu lung linh
theo nắng, theo mưa, theo chiều bỏ ngỏ
ba trăm sáu mươi lăm ngày mông mênh
Nhưng làm sao tấm thân anh cồng kềnh
như âm thanh, lách mình qua cửa hẹp
như âm thanh, lách mình qua ngõ ngách
để đến với em
qua chín-mươi-sáu-bậc-thềm
bằng ba-trăm-sáu-mươi-lăm-ngày vời vợi
Làm sao em hỡi?
Làm sao hỡi em?

TRÚC CHI

nhắn gió

Này gió, từ đâu người tới đây
Có mang hơi thở kẻ tù đày
Tanh hôi bốc tự xà lim lạnh
Thán khí quẩn quanh lồng ngực gầy.

Này gió từ đâu người tới đây
Có chở mồ hôi dưới bóng dài
Của kẻ khổ sai đang lặng lẽ
Xẻ luống cày bằng hai bàn tay.

Này gió từ đâu người tới đây
Có mang chất muối nặng u hoài
Của từng giọt lệ không thèm nhỏ
Chảy ngược vào tim kẻ đọa đày.

Này gió bao la sao nặng trĩu
Cả nỗi cô đơn của tủi hờn
U uất câm lời trong bóng tối
Trăm mùa không có một giờ xuân.

Trong gió giờ đây đã dứt chưa
Dư ba xoang xoảng tiếng chuông chùa
Vụn nát dưới bàn chân bạo lực
Dù Bi Trí Dũng không hề thua.

Hỡi gió đã từng qua những miền
Giáo đường không một tiếng Amen
Của vạn người quì, nhưng chẳng cúi
Vai mang thánh giá nặng nghìn cân.

Này gió xin người bay ngược đường
Trở về vùng bóng tối mênh mông
Thắp giùm ngọn nến cho Hy vọng
Cháy bằng dưỡng khí của Yêu Thương.

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG MƯỜI LĂM

TÂM

34. Trên đường từ phi trường John Wayne về nhà, Tâm bảo cô:

"Em đã dọn sẵn buồng cho chị rồi. Em xếp lại đồ đạc, lại sắm thêm bức tranh mới nữa. Đang nóng ruột chờ xem chị có vừa ý không."

Cô cảm ơn em:

"Chị ở sao cũng được mà. Tội nghiệp em, chu đáo quá."

Tâm mau mắn bàn kế hoạch trong ngày:

"Mới ba giờ chiều, chị về nhà nghỉ ngơi, cơm nước xong em đưa chị đi dự lễ tất niên của hội dược sĩ nhé. Năm nay tụi em mời ca sĩ có hạng lắm, Karaoke với ca sĩ vườn là giới hạn tới mức tối đa."

Cô quay sang nhìn em:

"Miễn cho chị được không?"

"Chị mệt hả?"

"Không," cô lúng túng.

Như hiểu ngay, Tâm nhe răng cười:

"Muốn đi gặp chàng phải không?"

Cô nhìn em gật đầu.

Tâm lại nói:

"Có muốn nghe tin tức của chàng không?"

"Muốn."

Cô biết mình lì, lại không biết ngượng nữa. Nhưng cô đã nhất định từ nay không ngượng ngùng, không rụt rè, trong những chuyện liên hệ tới Lương. Cô đã hoãn chuyến sang Cali này cả tuần lễ rồi. Chẳng qua là tại bác Lan. Bác đã định đi Pháp cùng chuyến với mẹ cô, nhưng phút chót lại đổi ý kiến. Không, bác không muốn khiêu khích dư luận làm gì, hơi sức ấy để lo những việc hữu ích cho mẹ cô và cho bác. Vả lại bác còn phải thu xếp nhà cửa - nhà ba mẹ cô và nhà bác - tìm người trông nom vườn tược, tìm chỗ gửi con chó Lu của bác... Bác dâu còn trẻ con nữa mà bốc đồng bỏ mặc hai cái nhà.

Cô nghĩ Tâm sẽ ngạc nhiên với chủ định của cô trong chuyến đi Cali này. Nhưng cô sẽ nói, và cô sẽ không lúng túng khi cho em hay. Tuy nhiên, chuyện dâu còn đấy, và cô không thể đường đột. Nhất là chuyện bác Lan kiếm cớ sang Pháp để chăm sóc cho mẹ cô.

Cô chăm chú nghe em kể những tin tức về Lương. Anh đã hoàn tất ly dị với vợ cũ, đã chia cho vợ cái tài sản cuối cùng là căn phố sang trọng cô tới thăm anh kỳ trước. Mẹ con Huệ, vợ cũ của anh, hỉ hả với thắng lợi.

Anh vẫn thất nghiệp và họ để anh yên. Không có lợi lộc cụ thể gì, họ không lưu tâm đến đời sống của anh nữa. Ít lâu sau, chút tiền vốn cuối cùng tiêu hết, anh ra sở an sinh xiu trợ cấp.

May mắn thay, một người bạn học cũ hiện làm lớn ở sở an sinh tình cờ đi qua phòng đợi thấy anh đang ngồi xe lăn chờ đến lượt mình giữa đám dân nghèo thuộc mọi sắc tộc thiểu số. Sau cái bắt tay xã giao, người bạn học cũ đã không bỏ đi mà còn ở lại hỏi han sự thể. "Làm sao đến nông nỗi này? Liệt chân chứ đâu có liệt não mà cậu phải bỏ nghề y. Cậu muốn đi làm không? Không ai thuê sao? Vô lý, sao lại có chuyện kỳ thị với người tật nguyền. Để mình kiếm việc cho cậu. Sở đang có chỗ trống, cậu phụ trách nhé..." Và thế là Lương được thu nạp bởi ty y tế quận, lo việc văn phòng...

Tâm kết thúc câu chuyện:

"Anh ta tử tế lắm chị ạ. Không những tranh đấu với phòng nhân viên của sở để họ chấp nhận Lương, mà còn sửa sang lại cả bàn giấy để thích nghi với tật nguyền của bạn... Ấy là Lương gọi điện thoại cho em hay, chứ em chưa có dịp đi thăm anh ấy..."

Cô hỏi em:

"Sở Lương có xa đây không?"

"Gần thôi. Nhưng hôm nay sở anh ấy nghỉ bù, không làm việc."

Ranh mãnh Tâm nói tiếp:

"Đằng nào thì cũng về nhà nghỉ ngơi một chút đã chứ."

Vờ đi như không biết em trêu, cô trả lời:

"Chị chợp mắt trên phi cơ được một giấc, không mệt đâu."

Tâm ngắm chị, từ mái tóc chải tiệm cho đến chiếc áo blouse lụa mới đang mặc. Rồi Tâm cười:

"Hèn gì mà diện thế này. Lúc nãy em hơi ngạc nhiên là đi tầu bay mà chị mặc như đi dự tiệc cưới... Thế là chị có sẵn kế hoạch từ trước."

Cô cười theo, hưởng ứng lời em nói đùa. Nhưng ngượng thì không. Cô về Cali vì Lương, vậy sao không gặp Lương ngay. Và muốn gặp Lương ngay tất nhiên là phải sửa soạn một chút. Mà có sửa soạn nhiều đi nữa cũng có làm sao. Tâm lại nói:

"May mà em có ghi địa chỉ mới của anh Lương trong sổ tay. Thôi được, em đưa chị đến thăm chàng ngay bây giờ nhé."

*

Lương vừa mừng vừa ngạc nhiên thấy hai chị em tới. Cô mừng và ngạc nhiên không kém, khi thấy thần sắc anh khá hơn lần gặp gỡ trước. Cô cũng thích nhà mới của anh. So với nhà cũ sang rộng hơn nhưng bỏ bê, chung cư một buồng ngủ của anh thật là ấm cúng và gọn ghẽ.

Anh chia buồn với cô:

"Ba mất như vậy là gần hai tháng rồi. Anh quý ba như ba ruột của anh."

"Cảm ơn anh. Lúc sinh thời, ba nhắc đến anh luôn..."

Mọi người yên lặng. Anh tìm chuyện nói:

"Nhưng kể ra ba cũng thọ. Anh biết anh sẽ không thọ như ba..."

Tâm cau mày. Như khó chịu với không khí bệnh hoạn đang xâm lấn câu chuyện, Tâm bả lả:

"Nói dại nào. Anh sẽ sống một trăm tuổi."

Lương đánh trống lảng:

"Hoàng về Cali chơi cũng phải. Anh biết em cần đi xa Hoa Thịnh Đốn một thời gian cho khuây khỏa. Lần này em ở được bao lâu?"

"Chắc em về ở luôn."

Anh nhìn cô rồi nhìn Tâm, tựa hồ như không tin điều vừa nghe thấy. Cô nhắc lại:

"Em đã tính như vậy, em nói thiệt đấy..."

Cô muốn nói cho anh tất cả những lý do tại sao cô quyết định như vậy. Cô muốn chia sẻ với anh tất cả những chuyện cô mơ ước cho những năm tháng còn lại của đời sống hai người.

"Em nghĩ..."

Nhưng không để cho cô nói hết ý, Tâm dổi sang chuyện khác:

"Mình phải ăn khao ngày trở về Cali của chị Hoàng, anh Lương nhỉ. Em có sẵn bánh đây, mới ghé lại Vân Bakery mua đấy. Chị Hoàng xuống bếp pha trà đi."

Cô làm theo lời em, với chút bực mình vì bị em ngắt lời. Nhưng cô bực mình không lâu, ghi nhận nếu ở địa vị em, cô cũng không muốn nghe chuyện tình tự giữa cô và Lương. Em cô bình thường, chỉ có cô khi quyết định tìm về với Lương quên mất những thọn thùng thường lệ của người nữ.

Trà bánh dọn ra, câu chuyện hàn huyên vui vẻ. Tâm khoe thành công học dưỡng của con cái, và cho hay dược phòng cũng phát đạt. Lương kể cho cô những ổn định mới trong cuộc sống riêng của anh mà Tâm đã cho cô hay trước. Anh có lợi nhuận đều đặn, có tương lai trước mặt. Anh cũng đã sắm được chiếc xe hơi trang bị đặc biệt cho người bại liệt hai chân. Anh kết luận:

"Thành thử anh không còn phải ăn bám quỹ an sinh như trước nữa. Lại không còn lệ thuộc người khác trong chuyện di chuyển... Việc mưu sinh đã ổn, anh đã có thì giờ viết lách."

"Anh viết gì?"

"Phẩu lớn là thơ."

"Em xem bây giờ được không?"

"Tất nhiên rồi. Nhưng em thích thơ của anh như vậy sao."

"Anh còn phải hỏi. Cơm gạo của em mà, anh biết không. Xấp thơ kỳ trước anh cho em, thỉnh thoảng em vẫn lấy ra đọc... Những lúc..."

Tâm xen vào:

"Không được đâu, chị ngồi đọc thơ thì ai tiếp chuyện anh Lương cho đây. Không phải là em không thích, nhưng anh ấy chỉ muốn nghe chuyện chị, em làm sao biết mà trả lời."

Anh rụt rè:

"Tâm nói phải đấy."

Cái rụt rè của anh làm cô thương hại. Từ khi mới gặp lại cho đến giờ, anh tuy vui mừng nhưng vẫn rụt rè từ hành động đến ngôn ngữ... Tựa hồ như anh chỉ sợ lỡ lời lỡ ý, cái hạnh phúc hiện tại sẽ tan biến đi. Cô nghĩ lẽ ra Tâm không nên gượng nhẹ với Lương hơn. Nhưng cô cũng hiểu em cô. Cô khen văn thơ Lương mà quá riêng tư, và chắc Tâm không tự nhiên khi phải chứng kiến những riêng tư đó.

Cô bảo anh:

"Không sao, em sẽ đọc sau..."

Quay sang, Tâm cô nói:

"Chị còn ở đây còn lâu mà..."

*

Thấy Tâm vẫn không thoải mái, cô không biết em cô ái ngại chuyện gì. Tâm cho rằng cô làm thân lại với Lương nhanh quá chăng? Nhưng chính Tâm đã bằng lòng bỏ cuộc vui tối nay để đưa cô tới thăm anh... Cô nghĩ con nhỏ này phức tạp quá.

Cô giật mình khi Tâm hỏi Lương:

"Thằng Thoại nó còn hành hạ anh không?"

Câu hỏi của Tâm đưa mọi người lui về cái hôm gần nửa năm trước, khi Thoại tới phá phách và hành hung bố ngay trước mặt cô và Tâm. Cô biết Tâm đặt vấn đề với Lương. Nó lo cho chị, và nó quả quyết nhắc nhở cho chị những lôi thôi lếch thếch trong đời sống của Lương. Cô chợt hiểu ý em. Nó không chống đối chuyện cô giao thiệp với Lương, nhưng với Tâm, mọi chuyện phải có giới hạn. Nhưng cô không ngờ em cô đột ngột đến như vậy. Hơn nữa, trái với thường lệ, nó còn chủ động nữa.

Lương trả lời Tâm:

"Thằng Thoại ấy ư? Gần đây, thỉnh thoảng mẹ nó vẫn sai nó tới."

Tâm hỏi tiếp:

"Nhà bán rồi, anh cho họ cả rồi, nó còn đến làm gì nữa hả anh?"

"Đến xin tiền... Mẹ con thằng Thoại bao nhiêu cũng không vừa. Hồi mới ly dị, chuyện đi làm lại của anh như tuyệt vọng, mọi việc tưởng đã yên. Giờ đây nghe anh có lợi tức, Huệ lại sai con tới. Bây giờ thì không mè nheo nữa mà xin xỏ. Nghe nói người bạn trai của Huệ hồi này có vấn đề với pháp luật... Nhưng chuyện ấy em nghe làm gì cho nó nhàm tai. Gia đình cũ của anh thật là lôi thôi và không có cung cách... Từ xưa tới nay là vẫn như vậy."

Lấy giọng ngậm ngùi, Tâm nói:

"Cũng vì như vậy mà nhiều khi muốn tới thăm anh mà em không dám tới. Chúng em quý anh lắm, nhưng khổ quá, chuyện như thế này thành chỉ biết đứng mà nhìn thôi..."

Lương cúi đầu như người chịu tội.

Cô thấy Tâm đang vạch rõ giới hạn cho cô và cho Lương. 'Đứng mà nhìn thôi...', cô nhẩm lại lời em. Thật ra Tâm muốn nói 'Đứng *ngoài* mà nhìn thôi'... Tâm có thiện ý quá quắt lắm, cô phải cho em

hay là cô không muốn nó dúng vào chuyện của chị. Việc cô, cô dư sức lo liệu lấy. Cô bảo:

"Tâm ơi, em lầm rồi. Lần này sang Cali, chị không đứng ngoài mà nhìn đâu. Chị sẽ giúp anh Lương... Chị sẽ không cho người ta quyền muốn hành hạ anh bao giờ thì hành hạ."

Bây giờ thì Tâm đánh trống lảng:

"Thôi đổi đề tài nhé. Lúc nãy, em không cho chị đọc thơ anh Lương thì bây giờ em cho dấy."

Quay sang Lương, Tâm bảo:

"Anh lấy tác phẩm ra đưa cho chị em đọc đi."

Lương lấy bản thảo ra đưa cho cô. Lướt qua nhãn *NHÌN TỪ XE LĂN*, cô tò mò muốn đọc ngay, nhưng thấy không khí còn trì trệ quá cho việc ấy. Lương còn lúng túng mà Tâm cũng chưa tự nhiên. Nhưng cô không ngã lòng, tựa hồ như cô biết trước những bẽ bàng có thể xảy ra. Cô hỏi Lương về công việc ở sở, về các bạn văn của Lương. Cô kéo Tâm vào câu chuyện chung...

Lát sau, cô chấp nhận không khí buổi tái ngộ đã hỏng không phương cứu chữa. Nhưng vẫn lạc quan, hôm nay không phải là tất cả. Cuộc đời còn ngày mai, còn ngày kia, còn nhiều lắm... Và cô sẽ làm cho ngày mai ngày kia đẹp hơn tốt hơn ngày hôm nay...

Cô bảo Lương:

"Thôi chúng em về đây. Vừa bay xa, em cũng cần nghỉ ngơi chốc lát. Mai em sẽ gọi điện thoại nói chuyện với anh. Cuối tuần, em sẽ tới thăm anh."

35. Ra đến xe, nửa nghiêm nửa đùa cô trêu Tâm:

"Định can thiệp vào chuyện của chị phải không?"

Tâm cười theo:

"Ai mà dám can thiệp. Thật ra thì anh Lương và chị hoàn toàn không bận bịu gì, muốn làm gì thì làm, ai mà nói được... Em chỉ muốn nhắc chị, và nhắc cả anh Lương nữa, là câu chuyện không có dễ đâu..."

Cô không sờn lòng khi em nhắc đến khó khăn. Những cái khó khăn em cô thấy, cô cũng thấy, và chắc Lương cũng thấy. Tâm khỏi lo, cô sẽ vượt qua những khó khăn ấy. Cô biết cô can đảm và Lương cũng

can đảm. Cô còn biết nếu Lương không đủ can đảm, cô sẽ can đảm giùm cho Lương.

Tâm lại nói:

"Chị sang đây ở với em, hai chị em mình có nhau. Chuyện anh Lương, để từ từ rồi coi. Như em vẫn nói, chị muốn yêu ai thì yêu, nhưng với Lương thì đứng xa mà yêu. Hành lý của anh ấy lôi thôi lắm, chị xắp lại chỉ thêm mệt thôi."

Cô bảo:

"Tâm tính đóng vai chị hai của chị phải không?"

Tâm cười. Lát sau, Tâm hỏi cô:

"Em biết chị thích anh Lương. Nhưng em hỏi lẩm cẩm cái này, đừng giận em nhé. Có thể nào chị kiếm được ai giống anh ấy mà hiện tại ít bệnh hơn và quá khứ ít kềnh càng hơn không?"

Cô không trả lời. Cô thấy cái khác nhau căn bản giữa hai chị em.

*

Buổi tối cơm nước xong, Tâm nằm nói chuyện với cô. Giữa hai câu chuyện, cô nghe cái yên lặng của tòa biệt thự rộng lớn. Biết khu phố của em an ninh nhất quận, cô yên tâm nhưng cô vẫn không thoải mái với cái trống vắng. Một tòa nhà như thế này ở Sài Gòn, chắc một đại gia đình ba đời cư ngụ cũng vừa. Như biết cô nghĩ gì, Tâm nói:

"Nhiều khi em muốn đổi lấy cái condo nhỏ hơn cho vừa ở."

"Phải đấy, nhưng sao không đổi?"

"Ồ, không dễ chị ạ. Bây giờ địa ốc rất khó bán. Vả lại, lợi tức nhà thuốc tây của em hồi này cũng khá, em đóng thuế nhiều lắm. Ở nhà lớn còn được miễn thuế ít nhiều, đổi nhà nhỏ thì phải đóng cho ông chính phủ nhiều quá."

Áng chừng cô không hiểu, Tâm nói:

"Em không cắt nghĩa cho chị được. Nó lôi thôi lắm, đời sống bên này cái này kéo theo cái nọ... Tóm tắt về phương diện thuế má, thì chuyện em làm hợp lý."

Cô đổi sang chuyện khác:

"Các cháu phải đi học lại rồi sao?"

"Chưa, nhưng chúng nó phải về trường sớm ít bữa để sửa soạn. Vả lại chúng nó cũng lớn rồi chị ạ. Quý mẹ thì về ít ngày, nhưng chúng nó có đời sống riêng của chúng nó."

"Tết dương lịch vừa rồi, Hoài cũng không về hả em?"

"Về chứ, tụi nhỏ được nghỉ thì thế nào anh ấy cũng về. Hồi này anh không ở nhà thường xuyên vì sở lại cho thăng chức và đổi lên Sacramento. Hoài nghĩ không đi không được..."

Không thấy mặt em trong tối, cô gắng đọc trong giọng Tâm ý nghĩa lời em vừa nói. Nhưng cô chịu thua, giọng Tâm phẳng lì không biểu lộ một tình cảm nào đặc biệt. Không cả mỉa mai.

Cô hỏi:

"Chuyện thăng chức, Hoài không nhận không được sao?"

Tâm trả lời:

"Hoài không nhận thì ai mà bắt được. Chỉ có Hoài bắt Hoài phải nhận. Đàn ông mà chị, sự nghiệp kêu gọi là bỏ tất cả mà đi."

Cô nhớ Tâm có lần nói Hoài bị mặc cảm vì ít lợi tức hơn vợ. Cô thấy thương hại cho cảnh hai em. Lấy nhau mấy chục năm rồi, con cái trưởng thành rồi, mà chính bản thân chưa trưởng thành nổi để vượt lên trên những chuyện như vậy. Vậy mà thay vì thông cảm và giúp chồng ra khỏi cái mặc cảm ấy, Tâm lại cay đắng mỉa mai. Không biết Tâm muốn gì. Cô khuyên em:

"Em phải hiểu cho Hoài thôi. Vì nếu sự việc ngược lại, Tâm có hạnh phúc không? Chị muốn nói nếu Hoài ỷ vợ giầu, không chịu nhận việc nơi xa, ở nhà cho vợ nuôi thì em sung sướng hơn sao?"

"Sướng thì em không chắc, nhưng ít nhất là ít vấn đề hơn bây giờ. Chị ơi, em hiểu chị muốn khuyên em điều tốt, nhưng chuyện em với Hoài nặng hơn thế nhiều lắm."

Cô nằm yên lắng nghe cái trống trải của ngôi nhà rộng và vắng người. Cô có thiện cảm với Hoài, và cô nghĩ vấn đề của vợ chồng em cô chưa hết thuốc chữa. Cô nói:

"Nhưng nhìn từ phía chị..."

Tâm ngắt lời cô:

"Em biết, nhìn từ phía chị, chị thấy hạnh phúc gia đình em là chuyện kế hoạch được. Sự thật không như vậy đâu. Em bỏ tham vọng kế hoạch cho hạnh phúc từ lâu rồi. Em nghĩ em chỉ kế hoạch được những chuyện cụ thể thôi, như bán nhà mua nhà, đầu tư làm sao, tránh thuế làm sao... Không phải em chỉ biết chuyện tiền bạc thực tế, nhưng chỉ có những chuyện ấy là kế hoạch được... Còn hạnh phúc ấy ư, đầu tư vào nó thì chỉ mua khổ vào thân.

Hoài đã nhất định làm mình làm mẩy vì vợ thành công trong nghề nghiệp hơn mình, thì em có can cũng không xuể... Em đã rán thuyết phục anh ấy và đã khổ sở nhiều, mỗi lần thuyết phục không được... Hoài muốn một thứ mà em bất lực không cho anh ấy được. Anh cần một người vợ thất bại không xương sống... Phải vậy, Hoài mới có hạnh phúc nổi..."

Cô khuyên em:

"Em cố gắng thêm một lần nữa được không?"

"Trễ rồi chị ạ. Anh đã kiếm được một người đàn bà như vậy trên Sacramento. Hai người ăn ở với nhau trên ấy... Như vậy cũng tiện..."

*

Ngoài vườn có tiếng sột soạt ven bụi hoa ngay sát tường. Tâm ngưng nói, lắng tai nghe rồi bảo chị:

"Chắc lại mấy con chồn hôi trong bụi chui ra lục thùng rác. Chị yên chí, nhà em không có đàn ông, nhưng là một pháo đài điện tử kiên cố, cửa ngõ nối thẳng đến sở cảnh sát. Động dụng, họ tới còn nhanh hơn bà con lối xóm..."

Lát sau, cô nói:

"Em ở lẻ loi thế này không được."

Tâm nói:

"Được chứ sao không, Hoàng à. Cái cô độc coi vậy mà khỏe lắm. Những chuyện Hoài làm bây giờ không còn làm khổ em nữa. Em không lệ thuộc vào Hoài. Mà thật ra không cứ Hoài, đàn ông nói chung không làm khổ em được..."

Cô nghĩ đến đám *đàn ông nói chung* Tâm vừa nhắc tới. Trong đêm tối, qua giọng phẳng lì của Tâm, họ không có chân dung, không tên tuổi, không cá tính, người nọ có thể thay thế người kia để đóng góp cho cái yếu tố *đàn ông* chung chung của em cô. Họ là ai? Em cô bất nhân tình để trả đũa chồng từ bao giờ? Hay chẳng qua chỉ là một cách nói của em để biểu thị sự coi thường nam giới. Gắng làm nhẹ câu chuyện, cô nói đùa:

"Em ghét đàn ông đến như vậy sao? Một nửa nhân loại đấy."

Tâm đùa theo:

"Em không ghét họ chị ạ. Làm sao mà ghét được. Nam giới có cái tài của họ, cái duyên của họ. Nhưng em biết quý trọng nam tính mà không ghiền cái món ấy. Không, chị đừng tưởng em là nữ tu, sống

mòn mỏi trong cái lầu Ngưng Bích này... Em thiếu gì bạn đàn ông... Em đi ăn với họ... đi chơi với họ... Và nếu thuận tiện và kín đáo, em đi chơi xa với họ..."

"Em nói gì chị không hiểu."

"Chị hiểu chứ sao không hiểu. Liên hệ của em với họ không phải chỉ có ngắm trăng hay vãn cảnh... Em ngủ với họ... Em chưa già mà...

Nhưng lệ thuộc họ thì nhất định không... Việc ấy phải minh định rõ trước, chị ạ... Tại vì đàn ông Việt Nam thích đóng vai chủ nhân ông hay xếp lớn... Có chàng em quen lơ mơ hồi ở Sài Gòn, gần đây gặp lại mừng lắm... Chị biết không, mới mất việc mà vẫn muốn le, đi ăn bắt em dúi tiền trước để ăn xong có phương tiện móc túi trả bồi và cho *tip*... Cảnh đó cũng vui thôi, nhưng phải cảnh giác trước để các chàng khỏi có những ảo tưởng dài hạn..."

Cô tò mò:

"Hai người... Các người làm sao mà gặp nhau, gặp nhau ở đâu? Hoàn cảnh nào mà có dịp mặc cả với nhau những chuyện như vậy?"

"Ồ, nếu quen nhau trước thì thiếu gì dịp. Còn không quen hay chưa quen, thì những bạn quen chung hỏi ý mình rồi *set up* cho..."

Xót xa cho em, cô buột miệng:

"Như thế khác gì chợ thịt..."

Cô biết mình lỡ nặng lời, nhưng cô không muốn chữa lại. Không cô không muốn nhân nhượng với những liên hệ nam nữ băng hoại đến mức ấy. Vậy mà Tâm không tỏ ra bị thương tổn. Bình thản Tâm nói:

"Chị dùng chữ hay mà đúng, tại Mỹ nó cũng gọi cảnh ấy là *Meat Market*. Nhưng chợ thịt còn hơn là chợ đau khổ. Người ta tới chợ thịt chỉ để mua bán thịt, không có chuyện tới đấy để hành hạ nhau..."

Cô lặng người trước sự chai sạn của em.

Tâm lại nói:

"Chị khinh em phải không? Nhưng mà chị đừng hiểu lầm. Cái chợ thịt chị nói, em có đi khi nào cần, nhưng em không thường trực ở đấy. Em còn có những công việc tử tế khác phải làm, như lo cho con em, lo cho sự nghiệp em, cho dược phòng, cho thuế má, cho nhà nước... Nhiều khi em còn làm việc nghĩa nữa..."

Cô ôm Tâm vào lòng. Thấy má Tâm ướt, cô xót xa bảo em:

"Nhưng em làm như vậy để làm gì?"

Tâm không trả lời cô. Hai chị em nằm ôm nhau như vậy một lúc lâu. Sau cùng, cô nhỏ nhẹ:

"Nếu em hỏi ý kiến chị, thì chị khuyên em một câu. Là em thành công tất cả, trừ một thứ. Em không có hạnh phúc. Hơn nữa, em khổ quá. Mà em khổ vì thành kiến của em với đàn ông..."

"Có thể chị nói đúng, em không thể yêu được họ. Em muốn nói yêu như lối yêu của chị... Em không còn khả năng ấy nữa..."

Cô nghĩ đến con bé Tâm của quá khứ, đến hồi nó mới biết yêu... Yêu không tự vệ, không thủ thân, và được yêu lại. Cô còn nhớ em cô như người mất hồn khi Quân cởi mô tô đến nhà lần đầu đưa quà của mẹ Quân cho chị Năm... Cô thấy lại hình ảnh em lăng xăng chạy ra mở cổng... Hôm ấy Quân đi rồi, nó trở lại ngồi bên cô trên chiếc ghế sắt trong vườn hoa, má đỏ hồng, mắt sáng long lanh, hai tay ôm cuốn "Vol De Nuit" ép vào bộ ngực con gái mới lớn... Không biết nếu lấy Quân thì cuộc đời em cô ra sao. Chắc khổ có sướng có, nhưng nhất định không đến nông nỗi này. Cô buột miệng hỏi em:

"Từ ngày mất nước, em có được tin Quân không?"

"Có..."

"Anh ấy khá không?"

"Quân phải đi học tập tám năm. Mới sang đây. Vợ vượt biên hồi anh ấy ở tù, đã lấy người khác. Quân có hồi làm cho một công ty đại nông nghiệp trên Fresno, chật vật nhưng cũng đủ ăn... Hiện giờ vừa mới mất việc..."

Cô nói:

"Tội nghiệp Quân. Chị nghĩ hồi đó Quân thật tình yêu em, nhưng mẹ mình phá quá, mà cả hai chị em còn nhỏ dại nên thua trí mẹ... Chị làm được gì, chị sẽ sung sướng giúp anh ấy. Giá còn ở Hoa Thịnh Đốn, chị sẽ nhờ chị Quỳ đưa anh ấy vào làm sở xã hội."

Tâm trấn an cô:

"Mấy năm nay, em cũng vẫn giúp cho Quân. Có lẽ em sẽ nhờ mấy người bạn tìm việc cho anh ấy ở mấy cơ quan thiện nguyện... Nếu Quân chịu..."

Giọng Tâm mềm lại khi nói đến Quân. Cô thấy hy vọng hồi sinh. Em cô chẳng qua là quá khổ sở với Hoài, làm bộ rắn mày rắn mặt. Thật ra nó không chai đá như cô nghĩ. Cô hỏi em:

"Quân tinh thần vững vàng không em?"

"Tốt lắm chị ạ."

Rồi Tâm cao hứng kể tiếp:

"Đầu óc còn mơ mộng trẻ trung lắm. Chưa có tóc bạc. Hôm em đưa xem phim "The Misfits" chiếu lại ở San Francisco, anh ấy bảo anh quen thuộc lắm với chiếc phi cơ phế thải dùng trong phim. Trước khi thất nghiệp, anh vẫn lái loại ấy để thả thuốc trừ rầy cho các nông trại trên ấy.

Nói đến chuyện bay anh chàng như trẻ lại... Anh hỏi còn nhớ hôm mừng sinh nhật em, anh biểu diễn một đường bay dưới gầm cầu sông Sài Gòn cho em và mấy con bạn xem không... Khi em nói hôm ấy em vừa thích vừa sợ vừa tự hào có bạn trai như Quân, Quân hứa sinh nhật sắp tới của em, nếu có việc lại, anh sẽ bay lại như vậy cho em... Bên này thì không bay dưới gầm cầu, mà bay qua mấy vựa chứa cỏ khô... Những lúc như vậy, em cũng thấy trẻ lại chị ạ, tưởng như mình còn là cô nữ sinh...

Anh chàng vẫn nghệ sĩ lắm. Buổi tối chúng em đi ngắm cầu Golden Gate, Quân còn làm thơ tặng em, nhắc lại những ngôi sao khác trong những chuyến bay đêm của anh ấy hồi hai đứa mới quen nhau..."

Cô sung sướng nghĩ trong lòng em cô, Quân vẫn là anh chàng lãng tử của ngày xưa... Tâm vẫn còn lãng mạn, vẫn còn có thể khóc với chị, và cái thần của cuộc sống vẫn còn có thể trở lại với em cô... Cô vui mừng... Hôn nhân với Hoài dã đến nỗi này thì dứt khoát đi cũng phải thôi. Hoài đã có người khác...

Mà xem chừng em cô ăn ý với anh chàng Quân lắm. Cô nghĩ đến một tương lai bình thường hơn cho Tâm, có vợ có chồng, có thương yêu, chăm sóc nhau. Như một bà mẹ kén rể cho con gái, cô hỏi em:

"Sức khỏe Quân còn tốt không em?"

Tâm cười thành tiếng:

"Chị khỏi phải lo vụ ấy. Tóc Quân chưa bạc. Thậm chí bụng cũng chưa phệ nữa. Đường dốc trên San Francisco, em phải lâu lâu dừng lại thở, mà anh ấy cứ cuốc bộ phăng phăng, không hụt hơi chút nào..."

Rồi Tâm nói tiếp:

"Quân còn cường tráng lắm..."

Nét tinh nghịch trong giọng em làm cô sực nhớ San Francisco cách xa thành phố Irvine này cả ngàn dặm, không dễ gì thăm viếng mà

không ở qua đêm. Mà đúng là em cô đã ở qua đêm trên ấy với Quân, Tâm chẳng vừa nói đến cảnh buổi tối trên cầu Golden Gate đó sao...

"Em biết Hoàng đang nghĩ bậy..."

Tâm vừa nói vừa ôm sát chị và cười ngặt nghẽo trong bóng tối.

Cô đùa theo em:

"Em không làm bậy, không nghĩ bậy, sao biết chị nghĩ bậy?"

Lát sau, lấy lại nghiêm trang cô hỏi em:

"Tâm còn yêu anh Quân nhiều lắm phải không?"

Cô đợi Tâm thẹn thùng thú nhận. Cô sẽ gợi ý với Tâm về một cuộc sống tử tế với Quân. Cô nghĩ tất cả cái lập luận chai sạn của em cô từ nãy tới giờ chẳng qua chỉ là cái bạo mồm bạo miệng. Mà thật ra cũng không phải tại em. Chính cô là người dùng chữ 'chợ thịt' trước trong câu chuyện với em tối hôm nay. Chính cô mới là người mắc phải cái khẩu nghiệp này...

*

Nhưng Tâm không thẹn thùng hay lúng túng. Trong vòng tay, cô chợt thấy cái thư giãn vừa tạo được nơi em tan biến đi. Câu hỏi của cô như tạo ra một đe dọa to lớn và bất thần cho Tâm. Cơ thể em như đanh lại để sẵn sàng tự vệ, sẵn sàng chống đối.

Gỡ khỏi vòng tay chị, Tâm nghiêm trang nói:

"Hoàng lầm rồi. Mà Hoàng cổ lắm. Em đã nói là em không để cho đàn ông làm khổ em nữa. Gần nhau thì vui đấy, nhưng Quân cũng nhiều hành lý lắm... Những chuyện anh ấy trải qua... Những mặc cảm, những u uẩn dồn nén... Nổ khi nào, em biết được... Em không hất hủi Quân, nhưng nổ chung, chết chung với anh ấy, thì không có em...

Không, nếu chị nghĩ em sẽ lấy Quân, thì không bao giờ đâu... Vả lại em không bao giờ cho Quân hay bất cứ một người đàn ông nào khác có độc quyền trên em..."

Cố vớt vát, cô tìm lời bênh vực Quân:

"Em nghe chị một chút nhé..."

Tâm ngắt lời cô:

"Chị ơi, em sắp cho chị hay một chuyện rất dung tục..."

"Em cứ nói đi."

"Quân là cái anh chàng em kể cho chị lúc nãy. Cái anh chàng đòi

em đưa tiền trước cho anh ta, để anh làm le thanh toán tiền ăn tiệm hay tiền khách sạn mỗi khi hai đứa đi chơi với nhau..."

Giọng riễu cợt của Tâm làm cô khó chịu. Cô bênh Quân:

"Chuyện đó có gì mà em gọi là dung tục. Em yêu Quân, hiểu những cái khổ của Quân, rồi giúp Quân sửa cái dổm đi... Nếu thật tình yêu nhau, gặp lúc khó khăn em đỡ Quân một tay, chẳng mấy chốc rồi đâu vào đấy."

Tâm dứt khoát:

"Chị ạ, thỉnh thoảng em vẫn giúp Quân, nhưng không giúp với cái chung thủy gắn bó như chị nói đâu. Em không nghĩ tới mà không muốn cái chung thủy cái gắn bó đó... Liên hệ chúng em giản dị hơn nhiều lắm chị ạ..."

Cô vớt vát:

"Nhưng còn cầu Golden Gate về đêm, còn bài thơ tặng, còn trời sao trên vịnh, còn cái ngang tàng của người phi công sắp mừng ngày sinh nhật của em bằng một đường bay nguy hiểm và ngoạn mục như anh ta đã từng bay dưới gầm cầu sông Sài Gòn năm xưa..."

Tâm trả lời ráo hoảnh:

"Chị ơi, chợ thịt đôi khi cũng có lãng mạn... Nhưng dù lãng mạn, chợ thịt vẫn chỉ là chợ thịt thôi chị ạ."

Bất giác cô nhích xa ra mép giường. Tâm trở mình vắt tay lên trán. Trong ánh sáng lờ mờ, cô không thấy rõ nét mặt em. Cô nằm nhìn trần nhà suy nghĩ. Chuyện gì đã xảy ra cho em cô. Nó mất mát nhiều quá. Tất nhiên không phải là những chuyện vật chất, những chuyện có hình tướng, mà một cái gì vô cùng quý hóa thâm sâu trong mỗi con người. Sau cùng cô nói:

"Khuya rồi, mình ngủ thôi em ạ."

Tâm trả lời:

"Em về phòng cho chị nghỉ nhé."

Nói xong Tâm ngồi dậy. Cô không giữ em lại. Tâm đi rồi, cô thoải mái nghe tiếng cửa phòng đóng lại.

Cô nghĩ đến Lương. Cô ôn lại quá khứ. Cô ngạc nhiên là em cô có tất cả những cái cô đã có trong giao thiệp với dàn ông, từ chuyện chung chạ xác thịt cho đến những thương những nhớ, những giúp đỡ những nhờ vả, những vui những buồn, những chung thủy những phản bội... Nhưng ở em cô, tất cả đều bị méo mó băng hoại đến thê thảm.

Hay tại những người đàn ông nó gặp không tài ba như Lương. Nhưng cô ghi nhận ngay là Lương không có gì xuất chúng, và Lương cũng có những cái yếu hèn như người khác... Vậy thì tại sao cô yêu Lương? Rồi cô nghĩ với Lương, có lẽ cái chính là không có chuyện dùng hay bị dùng, không có hơn thiệt, không có phán xét, tựa như hai người cùng biết những cái gì quý hóa của cuộc sống và chia sẻ với nhau những cái quý hóa ấy... Đúng rồi, bên Lương, ngoài những cái dung tục không tránh được của con người, những cái đẹp hiếm có của cuộc sống bị phao phí, bị chà đạp...

Cô bỗng thấy quý hóa tất cả cái quá trình sống cô đã trải qua, cái quá trình luôn luôn có Lương trong, gián tiếp hay trực tiếp. Và cô thấy cô may mắn hơn em cô nhiều lắm...

Mai Kim Ngọc

HUỲNH LIỄU NGẠN

huế ơi

(tặng Hoàng Xuân Sơn với Huế buồn chi)

lâu rồi một ngọn gió đưa
buồn qua bên đó trời mưa xuống nhiều
giang đầu em đứng cô liêu
trông như hoài vọng một chiều tơ vương
thuyền em ngã mạn sông Hương
anh đi xa Huế sầu thương cả đời
rồi mai dặm liễu lơi lơi
tiếng hò khoan có đầy vơi giữa rầm
em buông buông thả mái dầm
nghiêng nghiêng chút nắng thổi tầm mắt đi
Huế ơi Huế có buồn chi
chừ anh bỏ Huế mà đi răng đành
nhớ mai về với Hoàng thành
cho em vọng nguyệt kinh thành năm xưa.
17-2-1994

tòa soạn và bạn đọc

Thư từ liên quan đến việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ...:

Thu Pham Los Angeles CA, Sy Sue Sue & Oliver Luu Laguna Niguel CA, La Thạch Hà Australia, Nguyễn Quang Hân Malboro NJ, Lê Trung Định Atascadero CA, University of California, Berkeley, Khai Hoang Tustin CA, Hoang Nguyen Dirham NC, Anh Ho USNS SPICA, Han Nguyen Philadelphia PA, University of Adelaide South Australia, Nguyen Chan Quynh Paris France,

Bài vở nhận được trong tháng:

Lặng lẽ ánh trăng gửi từ Worcester MA, *Huế ơi* gửi từ Montery Park CA, *Tháng 8-1914, Bạn* gửi từ Holland, *Biển yêu mê* gửi từ Santa Ana CA, *Qua cù lao Ông Chưởng* gửi từ Ontario Canada, *Mười bảy năm mười bảy đoạn thơ* gửi từ Seatle WA, *Đợi chờ* gửi từ Milpitas CA, *Không thấy mình đâu, Tám năm* gửi từ Springfield VA, *Vài cảm nghĩ nhân đọc "Một kỷ niệm đẹp"* gửi từ Montreal Canada, *Dốc nắng, ở cuối chân mây* gửi từ Durham N.C., *Ưu khúc, Thầm lặng, Khi đã xa người, Câu hỏi, Trò chơi* gửi từ Santa Clara. Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các báo khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của quí bạn.

Sách mới nhận được trong tháng:

Việt Nam: Nhìn từ bên trong và bên ngoài của Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa, Văn Lang xuất bản, sách dày 294 trang, giá 15 Mỹ kim. Văn Lang là một tập san nghiên cứu Việt học do nhà văn Nguyễn Mộng Giác chủ biên, mỗi năm xuất bản hai kỳ và đã ra được 5 số. Theo lời giới thiệu của nhà xuất bản, kể từ số 6, Văn Lang đổi hình thức, từ dạng tạp chí sang dạng sách, và tác phẩm của Tạ Chí Đại Trường và Nguyễn Xuân Nghĩa là cuốn sách đầu tiên của nhà xuất bản Văn Lang. Đây là một cuốn sách nghiên cứu Việt học có giá trị do một sử gia và một kinh tế gia viết, hai phần nhận định soi rọi Việt Nam theo hai nhãn quan và kinh nghiệm khác nhau. Một người từ trong nước nhìn lại bản chất các vận động chính trị Việt Nam trong quá khứ, mạnh tay giải ảo một số huyền thoại, thành kiến. Một người từ bên ngoài nhìn về Việt Nam trong cuộc biến chuyển nhanh chóng lớn lao của thế giới do cuộc cách mạng tin học mang lại, từ đó đưa ra

một số đề nghị định hướng cho tương lai. Một tập sách có giá trị đề cập tới những vấn đề thời sự mọi người đang quan tâm. Sách hiện bán tại các hiệu sách. Bạn đọc ở xa xin liên lạc: Nhà xuất bản Văn Nghệ, PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA. Tel: (714) 527-5761.

Thơ Bùi Giáng, Thế Kỷ xuất bản, Tựa của Phạm Xuân Đài, Bạt của Mai Thảo, Bìa Nguyễn Đồng. Sách dày 146 trang, giá 8 Mỹ kim. Tập thơ sưu tập 106 bài thơ Bùi Giáng sáng tác sau 1975, do chính tác giả và gia đình ủy nhiệm cho anh Phạm Xuân Dài và nhà xuất bản Thế Kỷ ấn hành ở hải ngoại. Xin mượn nhận xét chính xác sau đây của nhà xuất bản về tác phẩm này: "Thơ Bùi Giáng là một giòng liên tục chảy suốt cuộc đời của ông. Giòng chảy có lúc đầy lúc vơi, nhưng luôn luôn là tiếng nói tâm thức người nghệ sĩ trong từng khoảnh khắc đối diện với đời và với chính mình. Đối với Bùi Giáng các khoảnh khắc ấy phong phú và hầu như lúc nào cũng thẳm sâu và mênh mông."

Địa chỉ liên lạc: Thế Kỷ, P O Box 2054-1139 Westminster CA 92684. Phone: (714) 894-9021.

Gia đình Cún, truyện thiếu nhi của Ngô Nguyên Dũng, tranh bìa và minh họa của Nguyễn Nhật Tân, Làng Văn xuất bản, sách dày 186 trang, giá 10 Mỹ kim. Ngô Nguyên Dũng, nhà văn cộng tác liên tục và thường xuyên của Văn Học, ngoài những tác phẩm viết cho người lớn còn dành nhiều thì giờ và tâm huyết cho sách báo thiếu nhi. Anh chủ trương tờ Măng Non ở Đức, phụ trách trang thiếu nhi cho tạp chí Làng Văn, nên Gia Đình Cún là kết quả tất nhiên của lòng yêu trẻ và tài năng Ngô Nguyên Dũng. Một tác phẩm cần thiết cho tủ sách thiếu nhi trong gia đình.

Địa chỉ liên lạc: Làng Văn P O Box 218, Station "U", Toronto, Ontario, M8Z 5P1 Canada. Phone: (905) 607-8010

Miền đất hứa, tùy bút của Trà Lũ, Làng Văn xuất bản. Trà Lũ là một cây bút viết tùy bút và phiếm luận duyên dáng, bài đăng thường xuyên trên Văn Nghệ Tiền Phong. Ông viết về nhiều vấn đề, thường đứng từ vị trí một người Việt tị nạn ở Canada. Miền đất hứa của Trà Lũ dĩ nhiên là Canada, quê hương thứ hai của tác giả. Tác phẩm giúp bạn đọc hiểu được tâm tình và sinh hoạt của đồng bào Việt ở Canada. Nhìn chung, qua lời kể của Trà Lũ, cuộc sống tị nạn ở Canada có nhiều cái vui hơn cái buồn. Có thế mới gọi là "miền đất hứa".Địa chỉ liên lạc: Tạp chí Làng Văn, Canada.

Ở chốn không quen, tập truyện ngắn của Nguyễn Ý Thuần, Thời

Văn xuất bản, Bìa của Khánh Trường, sách dày 190 trang, giá 10 Mỹ kim. Đây là tác phẩm thứ tư được xuất bản của Nguyễn Ý Thuần, sau tập truyện ngắn đầu tay "Tối tháng Năm ở quán ăn đường Fifth" (1988), truyện dài "Sợi chỉ trong hồn" (1990), và tập truyện ngắn "Người lính còn lại" (1991). "ở chốn không quen" gồm chín truyện ngắn hầu hết viết vào thời gian tác giả sống ở San Jose, và vẫn còn giữ đầy đủ văn phong Nguyễn Ý Thuần người đọc tìm thấy trong ba tác phẩm trước: bi đát phẫn nộ trong nội dung, và giản dị gọn gàng trong hình thức diễn đạt.

Địa chỉ liên lạc: Nhà in Người Việt Tự Do, 639 Tully Road, Suite K, San Jose, CA 95111. Tel: (408) 292-4944.

Tâm khúc lưu vong, thơ Ngô Đức Diễm, Tựa Hà Thượng Nhân, Lời giới thiệu của Quyên Di, Cảm nghĩ của Vi Khuê, Nguyễn Mộng Giác, Giao Chỉ, Bìa và phụ bản của Hồ Thành Đức, Bé Ký, Thanh Trí. Thi tập dày 160 trang, in trên giấy quí , giá 10 Mỹ kim. Đây là tập thơ thứ hai của một nhà thơ gốc nhà giáo, ra hải ngoại trở thành một người hoạt động xã hội và chính trị. Thơ và đời quyện vào nhau. Quyên Di nhận xét trong lời giới thiệu: "Ngô Đức Diễm, trong "Tâm khúc lưu vong" đã làm những cuộc hành trình trở về với chính anh. Điều đặc biệt là anh lôi kéo những người đọc thơ anh cũng cùng anh trở về. Tôi đã đọc, và đã cùng trở về với anh. Về với kỷ niệm quá khứ, về với đất nước quê hương, về với mái ấm gia đình, về với nội tâm sâu thẳm, và về với Thượng Đế, Đấng Yêu Thương."

Thư từ liên lạc: Vương thị Thìn, 2138 Treewood Lane, San Jose, CA 95132-USA.

Trại Ái tử và Bình Điền, hồi ký cải tạo của Dương Viết Điền, Thằng Mõ San Jose xuất bản. Sách dày 262 trang, không thấy đề giá bán. Hồi ký cải tạo của một sĩ quan VNCH, có nhiều sự kiện có thật được ghi chép về một trại cải tạo ở Miền Trung. Tác giả khổ công ghi chép, chôn giấu, học thuộc lòng để mong kinh nghiệm của mình trở thành chứng liệu lịch sử. Có điều đáng tiếc là tác giả chưa phân biệt được cái gì riêng, cái gì chung, cái gì chính, cái gì phụ. Một tấm lòng, chưa đủ để viết hồi ký cải tạo!

Kẻ đào mồ, tập truyện ngắn của Trần Long Hồ, Minh Văn xuất bản. Sách dày 220 trang, bìa của Đinh Cường, gồm bảy truyện ngắn đa số đã đăng trên các tạp chí văn chương như Văn Học, Văn. Đây là tác phẩm thứ năm được xuất bản của một nhà văn sung sức vào bậc

nhất hiện nay tại hải ngoại. Bốn tác phẩm trước gồm hai tập truyện ngắn (Ngày quanh quẩn, Niềm vui ung thư), và hai tập đầu của bộ trường thiên Dung Thân (tên từng tập là Cõi sa mù, Cửa địa ngục). Truyện ngắn Trần Long Hồ có cái linh hoạt sống động của văn phong miền Nam, đồng thời lại có chiều sâu tâm lý và tư tưởng, khiến truyện của Trần Long Hồ khác hẳn truyện các các bạn văn đồng quê của ông.

Địa chỉ liên lạc: Nhà xuất bản Minh Văn, P O Box 647 Oakton VA 22124. Phone: (703) 560-0390, Fax: (703) 204-9239.

Truyện hay hải ngoại, tập 2, do Bình Minh xuất bản. Chủ biên là nhà văn Nguyễn Văn Ba ở Canada. Sách dày 440 trang, giá 20 Mỹ kim, 25 Gia kim. Tuyển tập gồm truyện ngắn tiêu biểu của Cao Bình Minh, Chính Nghĩa Hoàng Chí Kiên, Đỗ Tiến Đức, Hà Thúc Sinh, Hàn Song Tường, Hoàng Thị Dáo Tiệp, Hồng Hoang, Huỳnh Hữu Cửu, Lê Bảo Trân, Lê Đại Lãng, Mai Kim Ngọc, Ngô Nguyên Dũng, Nguyễn Mạnh An Dân, Nguyễn Thiếu Nhẫn, Nguyễn Tư, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Xuân Quang, Phạm Thăng, Phan Lạc Tiếp, Phan Thị Trọng Tuyến, Phùng Nhân, Sĩ Liêm, Tam Thanh, Thập Lang, Thiếu Mai,Trần Thị Bông Giấy, Trường Sơn Lê Xuân Nhị. Tưởng cũng nên nhắc lại là nhà văn Nguyễn Văn Ba đã chủ biên tuyển tập "Truyện hay hải ngoại, tập 1" do Phù Sa xuất bản năm 1991, giới thiệu các tác giả: Hồ Trường An, Nguyễn Văn Ba, Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, Trần Long Hồ, Nguyễn Lê Hồng Hưng, Trần Thị Nhật Hưng, Vi Khuê, Nguyễn Lê, Nguyễn Bạch Mai, Vũ Nam, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyên Nghĩa, Võ Phiến, Thanh Phương, Kiệt Tấn , Diệu Tần, Bùi Tĩnh, Mai Thảo, Đinh Thìn, Hoàng Dư Thụy, Trần Hoài Thư, Đỗ Vẫn Trọn, Anh Vân, Nguyễn Thị Vinh, Trần Vũ, Xuân Vũ.

Tu dois vivre, bản dịch ra Pháp văn cuốn "Anh phải sống" của Khái Hưng và Nhất Linh, dịch giả là Marina Prevot, nhà xuất bản You-Feng, Paris. Tựa và giới thiệu khái quát của Đinh Trọng Hiếu. Bản dịch có kèm theo nguyên bản Việt ngữ để những người Pháp hoặc trẻ em Việt Nam trưởng thành tại Pháp muốn học tiếng Việt dễ dàng tra cứu, đối chiếu. Dịch giả là giáo sư dạy ngôn ngữ và văn chương Việt Nam tại Đại học Paris VII.

Địa chỉ liên lạc: Editions-Librairie YOU-FENG, 45 Rue Monsieur-le-Prince, 75006 Paris France.

Thị Lộ, tuyển tập thơ, văn, kịch của Tủ Sách Áo Trắng, Florida

xuất bản. Tên "Tủ Sách Áo Trắng" cùng cách trình bày dễ làm cho bạn đọc tưởng nhầm đây là tuyển tập văn chương của một nhóm nữ sinh trung học nào đấy. Nhưng càng đọc càng thấy không phải vậy. Áo trắng không phải áo học trò, mà là đồng phục của giới y sĩ. "Thị Lộ", tên vở kịch của Lương Thế Nam được chọn làm tên chung của tuyển tập. Các y sĩ khác góp bài cho tuyển tập có Mùi Quí Bồng, Bằng Vân, Cẩm Tâm, Đặng Huy Lưu, Hà Huyền Chi (có phải là một y sĩ hay nhà thơ Hà Huyền Chi đi lạc vào đây?), Hồng Phượng, Ph.D. Nguyen, Phương Tuấn, Hoàng Vũ Đức Vân, Vi Đạo Nhân, Châu Oanh Oanh, Phạm Thế Trường, Tam Thanh, Nguyễn Thanh Giản, Huyền Châu Nữ.

Cuốn sách đầu tiên của một "Tủ sách" mà nhóm chủ trương không chịu khó viết cho vài dòng giới thiệu, làm bạn đọc băn khoăn không ít. Sách dày 252 trang, không đề giá bán.

Địa chỉ liên lạc: 1975 Wells Road # 8, Orange Park, Florida 32073, USA. Tel: (904) 772-9993.

Chập chờn mộng ảo, tập thơ của Hằng Hà Sa, tác giả tự xuất bản, bìa và châu dung tác giả của Đinh Cường, dày 46 trang, thơ in trên giấy quí mầu vàng nhạt. Thi tập gồm 25 bài thơ tác giả làm vào nhiều thời điểm khác nhau, phần lớn lấy hứng từ cuộc tình với người bạn trăm năm yêu dấu của ông. Có một khiếm khuyết về kỹ thuật là người trình bày trang chữ đã dùng quá nhiều kiểu chữ khác nhau, mỗi bài thơ mỗi kiểu chữ, làm rối mắt người đọc. Trong thư gửi các thân hữu kèm theo thi tập, tác giả có nhã ý dùng số tiền bán thơ để giúp học sinh nghèo trường tiểu học Phú Mỹ Huế. Lại thêm một nhã ý "rất thơ". Giá mỗi tập thơ là 5 Mỹ kim hoặc 10 Mỹ kim.

Xin liên lạc: Tôn Thất Chiểu M.D., 7505 New Hampshire Ave. Suite 310, Langley Park MD 20783. Tel: (301) 445-4100.

Giai phẩm Quảng Đà Xuân Giáp Tuất 1994, do nhà thơ Thái Tú Hạp chủ biên, tranh bìa "Phố cổ Hội An" của họa sĩ Hồ Thành Đức, tuyển tập thơ văn của hầu hết các nhà thơ nhà văn quê ở Quảng Nam Đà Nẵng. Tuyển tập dày 360 trang, không đề giá bán.

Báo, tạp chí thân hữu Văn Học nhận được trong tháng vừa qua: Chân Nguyên số 21, Phật Giáo Hải Ngoại số ra mắt Tết Giáp Tuất, Nắng Mới số Tân niên, Hoa Sen số 21, Lạc Việt số 3 Xuân Giáp Tuất, Tia Sáng số 23 & 24 (Đức), Thế Kỷ 21 số 59, Văn số 141 tháng 3-94. Kính cảm ơn các bạn đã gửi báo biếu tới Tòa soạn Văn Học.

MUỐN BIẾT NGUỒN GỐC SÂU XA CỦA HAI CUỘC CHIẾN 30 NĂM TRÊN QUÊ HƯƠNG, MUỐN BIẾT BẢN CHẤT VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC LỰC LƯỢNG THAM CHIẾN, MUỐN TÌM MỘT SỬ LUẬN LƯƠNG THIỆN CHO LỊCH SỬ CẬN ĐẠI CỦA NƯỚC TA, MUỐN TRA CỨU NHỮNG TÀI LIỆU CHƯA TỪNG ĐƯỢC PHỔ BIẾN ĐẠI CHÚNG... HÃY TÌM ĐỌC NGAY

VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI

Hồi Ký Chính Trị

HOÀNH LINH ĐỖ MẬU

■ Cuốn sách đã từng làm chấn động dư luận trong và ngoài nước, tạo ra những **tranh luận sôi nổi** trong giới Sử học và Chính trị gia.

■ Cuốn sách khởi dẫn cho **13 tác phẩm khác** lý giải về chế độ Ngô Đình Diệm và sự sụp đổ của Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1975 mà chính Hà Nội cũng phải in lại cho cán bộ nghiên cứu.

■ Cuốn sách mà **dù ủng hộ hay chống đối** ông Ngô Đình Diệm và chín năm cai trị của ông, cũng đều phải đọc để biết tường tận hơn.

Trong lần Tái bản thứ Ba, Ấn bản thứ Chín này, tác giả cập nhật và bổ túc thêm nhiều bí ẩn lịch sử mới:

• Âm mưu xâm lăng Việt Nam thực sự có từ thời Giáo sĩ Pháp nào? • Vì sao Giáo Hoàng Pius XII và Hồng Y Spellman đã chọn ông Ngô Đình Diệm cho nước Việt Nam? • Hiến Pháp Đệ Nhất Cộng Hòa đã bị một số Luật gia tên tuổi phê phán như thế nào? • Bảo Đại có phải là vị Vua Thiên Chúa giáo đầu tiên của Việt Nam không, và vì sao ông không có cảm tình với cuộc đấu tranh của Phật giáo? • Thượng Tọa Trí Quang và cuộc đấu tranh 1966 của Phật giáo tại miền Trung dưới mắt một Luật sư tên tuổi. • Ông Nixon đã không lương thiện với Lịch sử Việt Nam ở điểm nào? • Giáo Hoàng Paul VI đã tiếp tay Cộng sản tiến chiếm miền Nam như thế nào? • Và nhiều tiết lộ lịch sử mới...

Nội dung tăng thêm 15% so với ấn bản cũ.
Sách dày 1100 trang khổ lớn, đóng bằng chỉ.
Bìa cứng có jacket và bọc plastic.

Giá bán kể cả cước phí: 32 Mỹ kim
Ngoài Hoa Kỳ, thêm 5 Mỹ kim
Có bán ở các hiệu sách hoặc đặt mua tại:

P.O. BOX 2301, Westminster, CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HOÀ NỐI DÀI

Hồi ký cải tạo của

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

Ngành xuất bản ở hải ngoại đã từng xuất bản nhiều tập hồi ký cải tạo của Trần Huỳnh Châu, Hà Thúc Sinh, Phạm Quốc Bảo, Tạ Tỵ, Duyên Anh, Hoàng Liên, Đào văn Bình, Nguyễn Chí Thiệp... Mỗi cuốn hồi ký mỗi vẻ, vì từng tác giả cố gắng ghi nhận kinh nghiệm lao tù của mình, và hình như ở mỗi trại cải tạo, mỗi lao tù có những hình thái sinh hoạt riêng nên có thể nói không có kinh nghiệm nào giống kinh nghiệm nào.

"Một khoảnh Việt nam Cộng hoà nối dài" của Tạ Chí Đại Trường cũng là một tập hồi ký cải tạo. Tuy nhiên, bạn đọc sẽ tìm thấy trong tác phẩm này nhiều đặc điểm không có ở các tập khác.

Tạ Chí Đại Trường viết hồi ký theo cung cách một người chép sử. Ông không xem kinh nghiệm lao tù của mình là một bất hạnh phải kêu than, hay một vinh dự phải cao rao. Ông xem kinh nghiệm cá nhân như một tài liệu sử. Cho nên đọc hồi ký cải tạo của Tạ Chí Đại Trường có cái thú là được nghe kể tỉ mỉ những chuyện đời chuyện người bình thường, sau đó được nghe tác giả phân tích dẫn giải vì sao những chuyện như vậy lại xảy ra. Tạ Chí Đại Trường khách quan tối đa khi ghi nhận về thân phận người tù cải tạo lần các trái chứng bất trắc của người canh tù. Nhiều đoạn tập hồi ký có những phân tích tâm lý sâu sắc về phản ứng và thái độ của người tù cải tạo, giống như tác phẩm của Arthur Koestler hay Alexander Solzhenitsyn.

Tác giả tập hồi ký này hiện ở Việt nam, và vì là một sử gia, Tạ Chí Đại Trường không muốn ẩn danh để phòng ngừa những tai họa có thể đến. Ông muốn minh danh chịu trách nhiệm những lời mình viết ra trong tập hồi ký này, như một cách biểu lộ tư cách tối thiểu cần có của một người chép sử.

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

THANH VĂN
P.O.Box 411723
Los Angeles, CA 90041

TỪ CHỐN LƯU ĐÀY
Hoàng Nguyên Nhuận - $13.00
ĐƯỜNG TU KHÔNG HAI
Minh Tâm - $8.00
BA TRỤ THIỀN
Philip Kapleau - Đỗ Đình Đồng dịch - $20.00
TÌM THƠ TRONG TIẾNG NÓI
Đỗ Quý Toàn - $14.00
NGHỀ LÀM VUA
Lệ Hằng - $12.00
BỤI VÀ RÁC
Nguyễn Xuân Hoàng - $13.00
PHẬT HỌC KHÁI LUẬN
Thích Chơn Thiện - $20.00
NỬA KHUYA GIẤY TRẮNG
Trần Hồng Châu - $10.00
CÁT BỤI CHÂN AI
Tô Hoài - $12.00
QUYỂN TRUYỆN KHÔNG TÊN
Hồ Dzếnh - $7.00
QUÊ NGOẠI II-TIẾNG HÁT THIÊN NGA
Hồ Dzếnh - $7.00
HOA TẠNG TRẦM TƯ
Tịnh Liên Nghiêm Xuân Hồng - $6.00
PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO
Tarthang Tulku - Phạm Công Thiện dịch - $12.00
MỘT KHOẢNH VIỆT NAM CỘNG HÒA NỐI DÀI
Tạ Chí Đại Trường - $16.00

Sách có bán tại các tiệm sách
hoặc liên lạc:
VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714)527-5761

SÁCH MỚI TÁI BẢN

• HỒ CHÍ MINH, NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG

Hồ Sĩ Khuê

Một tác phẩm đặc biệt về một hiện tượng chính trị lạ lùng: **Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** (còn được gọi tắt là Mặt Trận hay Việt Cộng).

Ông Hồ đã khai sinh và dọn đường cho Mặt Trận như thế nào? **Ông Diệm** đã nuôi dưỡng và mở đường cho Mặt Trận như thế nào? Mặt Trận này có thật không? Bản chất và nhiệm vụ của nó là gì? Mặt Trận đã chết chưa? Di sản và tương lai của nó ra sao?

Tác phẩm là một công trình nghiên cứu và lý luận nghiêm chỉnh về Mặt Trận thông qua hai nhân vật lãnh đạo và hai chế độ của hai miền Bắc Nam. Đồng thời cũng là một phân tích lịch sử và nhân văn táo bạo về **Người Nam Kỳ và Đất Nam Kỳ** trong cơn lốc chính trị Quốc Cộng kéo dài suốt 16 năm hiện hữu của Mặt Trận.

Tác giả là người lúc thì tham dự, lúc thì theo dõi chính tình Việt nam trong 60 năm trời. Ông cũng là "người quen" từ Tướng **Dương văn Minh** đến ông **Tạ Bá Tòng**, từ Tổng Thống **Ngô Đình Diệm** đến Thượng Tọa **Thích Trí Quang**, từ Tướng **Đỗ Mậu** đến nhà thơ **Tố Hữu**...

Khởi viết từ năm 1987, một năm sau Đại Hội VI "đổi mới" của Đảng Cộng sản Việt nam. Sách dày 450 trang, khổ lớn 6x9, đóng bìa cứng. Giá 22MK, ngoài Mỹ 25MK.

HÃY TÌM MUA NGAY TẠI CÁC NHÀ SÁCH
HAY ĐẶT MUA TRỰC TIẾP TẠI:

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, VA 22042
(703) 560-0388/ 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG, TAI NẠN XE CỘ
NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN: Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN

P.O. BOX 647, Oakton, VA 22124 - USA
Điện thoại: (703) 560-0390 FAX: (703) 204-9239

Nhà Xuất Bản **Minh Văn** trân trọng giới thiệu:

1. **NGÀY QUANH QUẨN** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập tám truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 207 trang.

2. **NIỀM VUI UNG THƯ** (tập truyện) $10.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 196 trang.

3. **CỒI SA MU** (truyện dài) $18.00
Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 452 trang. Bối cảnh của truyện được xây dựng tại Chương Thiện (Vị Thanh), một thị xã nghèo nàn và heo hút ở miền Nam, thời gian sau năm 1975. Tác phẩm nói lên tình huống hỗn mang trong xã hội và cảnh đời lầm than của người dân trong một giai đoạn đau thương của đất nước.

4. **KẺ ĐÀO MỒ** (tập truyện) $11.00
Tuyển tập bảy truyện ngắn của **Trần Long Hồ**, dày 220 trang.

5. **CỬA ĐỊA NGỤC** (truyện dài) $22.00
Quyển hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**. Sách dày 560 trang. Bối cảnh của truyện xây dựng tại Gò Quao, một huyện nhỏ, nghèo nàn và hiu hiu ở miền Nam, thuộc tỉnh Rạch Giá (Kiên Giang). Tác phẩm nói lên lời than oán của người dân khốn khổ, nói chung, hay những nạn nhân bị lưu đày nói riêng, trên mảnh đất thân yêu của chính mình.

6. **CHÂN TRỜI LAM NGỌC** (ký sự) $11.00
Ký sự của **Hồ Trường An**, nói về mười hai tác giả, dày 220 trang.

Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn.

Đêm nhạc hội

TÌNH XUÂN

MỘT CHƯƠNG TRÌNH CA NHẠC ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NIỆM CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ — WORKS & COMPOSERS:

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục,...

CA SĨ — VOCALISTS:

— Kim Tước — Hà Thanh — Anh Ngọc
— Mai Hương — Ái Vân — Tuấn Ngọc
— Quỳnh Giao — Vũ Anh
— Lệ Thu — Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM — ARRANGEMENTS BY:

— Nghiêm Phú Phi — Văn Phụng — Đoàn Châu Nhi
— Lê Văn Khoa — Lê Ngọc Chân

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG — CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 20 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.
— Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
— Với sự góp mặt đặc biệt của:
* Karen Lak (first violinist), Master of Music
* Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
* Lê Ngọc Chân (pianist), Master of Music

NHẠC TRƯỞNG — CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH
— MASTER OF CEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN & ĐỊA ĐIỂM:

PLUMMER AUDITORIUM
201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.
Đúng 8:00 PM Thứ Bẩy ngày 25 tháng Sáu năm 1994
(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉ CÓ BÁN TRƯỚC TẠI:

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St. Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TỦ QUỲNH 9581 Bolsa Ave. Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave. Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 892-0801
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster (714) 897-4519

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:
4142 E. Bainbridge Ave., Anaheim, CA 92807. Phone (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI •

HALFTONE • PMT • CÁC VIỆC VĂN PHÒNG • SÁCH VỞ BÁO CHÍ • CATALOGS • TYPESETTING • LAY OUT • DESIGN

THIỆP CƯỚI • THIỆP MỜI • DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

• DANH THIẾP • CÁC LOẠI NHÃN HIỆU • THỰC ĐƠN • FLYERS • LETTERHEADS • ENVELOPES •

Kim ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CẬY NHỨT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU

ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

– Kỹ thuật ấn loát tân tiến
– Bảo đảm phẩm chất
– Tiêu chuẩn quốc tế
– Đúng hẹn, nhanh chóng

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

SÁCH MỚI

1. **NƯỚC TÔI VÀ DÂN TÔI** 13MK
   Đức Đạt Lai Lạt Ma (Hồi ký) Hồng Hà dịch, gồm nhiều hình ảnh
2. **ĐỜI NGHỆ SĨ** 9MK
   Nguyễn Hiến Lê (Sách mới in)
3. **VIỆT NAM MÁU LỬA QUÊ HƯƠNG TÔI** 32MK
   Hoành Linh Đỗ Mậu (Tái bản lần 9 thêm 15% bổ chính - đóng bìa cứng)
4. **HỒ CHÍ MINH NGÔ ĐÌNH DIỆM VÀ MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG** 22MK
   Hồ Sĩ Khuê (Tái bản - bìa cứng)
5. **TUẦN TỬ** (Sách mới) 18MK
   Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch, chú thích
6. **MÂY BÃO** 12MK
   Tiểu thuyết Ngô Thế Vinh (Tái bản)
7. **VIẾT** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
8. **ĐỐI THOẠI** 8MK
   Võ Phiến (Sách mới)
9. **TRUYỆN MIỀN NAM Tập II** 10MK
   Võ Phiến (Sách mới)
10. **KÝ, BÚT - KỊCH MIỀN NAM** 10MK
    Võ Phiến (Sách mới)
11. **KÝ THÁC** 7MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
12. **CUỐNG RÚN CHƯA LÌA** 8MK
    Truyện Bình Nguyên Lộc (Tái bản)
13. **KINH DỊCH** 20MK
    Nguyễn Hiến Lê (Tái bản)
14. **TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY** 14MK
    Đạt Lai Lạt Ma (Tái bản)

Ngoài nước Mỹ thêm 1MK cho sách dưới 10MK, thêm 2MK cho sách trên 10MK. Riêng quyển số (3) thêm 5MK và số (4) thêm 3MK. Mua tại một số nhà sách ở Mỹ hoặc trực tiếp nhà xuất bản:

VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. Tel (714) 527-5761

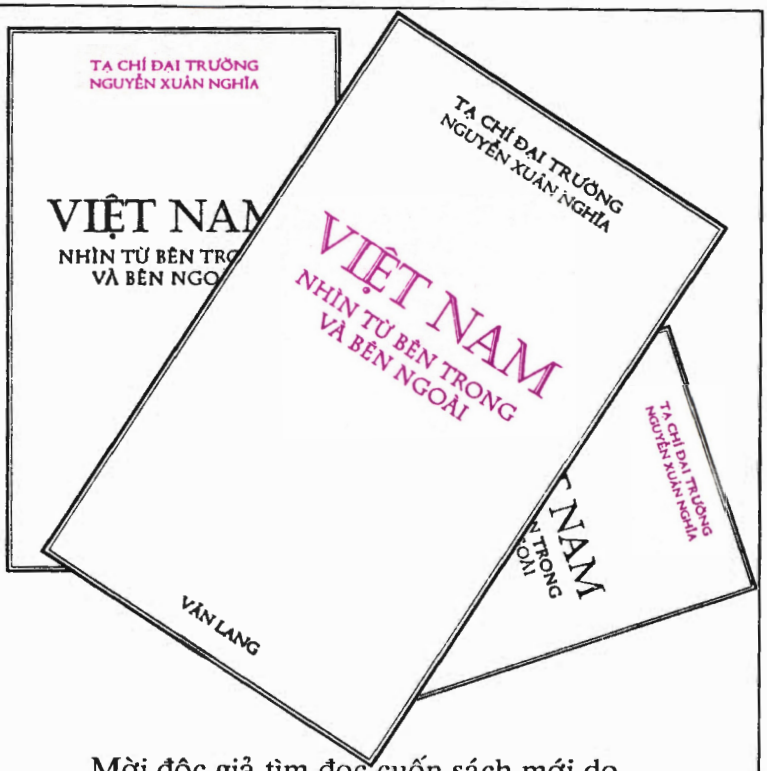

Mời độc giả tìm đọc cuốn sách mới do cơ sở tập san Văn Lang xuất bản.

Giá: $15.00

Liên lạc mua sách:

VĂN NGHỆ
P.O.Box 2301
Wesminster, CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Giá $3.50